**BỘ TÀI CHÍNH**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN VÀ GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

*(Theo Công văn số 15406/TCT-PC ngày 18/12/2019)*

| **Điều** | **Dự thảo Nghị định lần 2 ngày 29/11** | **Nội dung ý kiến** | **Nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính** | |  |  |
| K1Đ1 | 1. Phạm vi điều chỉnh   *Nghị định* này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, *mức phạt tiền*, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, *trình tự, thủ tục xử phạt và* thi hành quyết định xử phạt *đối với* vi phạm hành chính về thuế, *hóa đơn*.  *Người nộp thuế nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã theo hình thức liên thông có hành vi vi phạm hành chính về thủ tục đăng ký thuế thì không thực hiện xử phạt vi phạm thủ tục đăng ký thuế theo quy định tại Nghị định này mà thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.*  Nghị định này không áp dụng đối với vi phạm hành chính về phí, lệ phí và vi phạm hành chính về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. | **1.Bộ Công thương:**  Khoản 1 Điều 1 quy định: Người nộp thuế nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã theo hình thức liên thông có hành vi vi phạm hành chính về thủ tục đăng ký thuế thì không thực hiện xử phạt vi phạm thủ tục đăng ký thuế theo quy định tại Nghị định này mà thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ “pháp luật có liên quan” là gồm những văn bản quy phạm pháp luật nào để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất trong áp dụng pháp luật.  **2.Bộ Tư pháp:**  Theo quy định tại Điều 4 Luật XLVPHC thì: “*Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước…”.*  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý quy định tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định theo hướng: (i) bỏ cụm từ “*trình tự, thủ tục xử phạt và thi hành quyết định xử phạt”*, (ii) chỉnh sửa cụm từ *“mức phạt tiền”* thành *“mức xử phạt”*; (iii) bổ sung cụm từ *“thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính”* vào sau cụm từ *“thẩm quyền xử phạt”* để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật XLVPHC nêu trên. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng ghép vào quy định loại trừ, hiện nay xử phạt vi phạm về đăng ký doanh nghiệp được thực hiện theo Nghị định số 50/2016/NĐ-CP xử phạt VPHC trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư. Tuy nhiên nếu quy định trích dẫn rõ văn bản thì khi văn bản được trích dẫn thay đổi dẫn đến Nghị định này cũng phải sửa đổi, bổ sung.  2. Tiếp thu ý kiến nêu tại điểm (ii), (iii) để hoàn thiện dự thảo NĐ. Riêng ý kiến tại điểm (i) giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì cần quy định chi tiết một số thủ tục để thực hiện như quyền giải trình đối với những vi phạm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, biên bản điện tử; chuyển hồ sơ vụ vi phạm từ cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra để xử phạt… |
| K2Đ1 | 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính  a) Người nộp thuế có hành vi vi phạm hành chính về thuế;  *b) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn;*  c) Tổ chức, cá nhân liên quan *vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*. |  |  |
| K3Đ1 | *3.Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn bao gồm:*   1. *Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật các tổ chức tín dụng, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật chứng khoán, Luật dầu khí, Luật thương mại và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Chi nhánh doanh nghiệp trực tiếp kê khai, nộp thuế, sử dụng hóa đơn thì thuộc đối tượng bị xử phạt theo điểm này.* 2. *Đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập;* 3. *Tổ chức được thành lập và hoạt động theo Luật hợp tác xã;* 4. *Doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam; tổ chức nước ngoài có phát sinh thu nhập từ cung ứng dịch vụ hoặc dịch vụ gắn liền với hàng hóa tại Việt Nam;*   *đ) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;*  *e) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.* |  |  |
| ***Điều 2. Giải thích từ ngữ*** | | **1. Cục Thuế Cần Thơ:**  Điều 2: đề nghị bổ sung thêm khái niệm “Chứng từ” vì đây là một các lý do trình Chính phủ để ban hành Nghị định này nhưng nội dung lại không thấy đề cập.  **2.UBND TP Hà Nội:**  Điều 2: Dự thảo nên quy định rõ: “Hóa đơn hết giá trị sử dụng”,“Hóa đơn hỏng” Cần làm rõ chữ “hỏng” hỏng về nghĩa nội dung hay hỏng về mặt hình thức. Một số người hiểu nhầm hóa đơn xóa bỏ cũng coi là hỏng, hóa đơn rách ghép lại cho là dùng được. | 1. Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2. Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì tại NĐ 51/2010/NĐ-CP đã giải thích cụm từ “hóa đơn hết giá trị sử dụng”. |
| K1Đ2 | 1. Vi phạm hành chính về thuế *là hành vi có lỗi của người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan* vi phạm quy định của *pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu khác (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, sử dụng khu vực biển; lợi nhuận còn lại, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp) mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.* | **1.Kiểm toán Nhà nước:**  Khoản 1 Điều 2: Vi phạm hành chính về thuế là hành vi có lỗi của người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu khác (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, sử dụng khu vực biển; lợi nhuận còn lại, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp) mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.  Đề nghị (i) bỏ từ "có lỗi: để tránh trùng lặp về ý với từ "vi phạm" nêu bên dưới; (ii) chỉnh sửa cụm từ "do cơ quan thế quản lý thu khác" sau cụm từ "do cơ quan thuế quản lý thu" thành "do cơ quan thuế hoặc cơ quan khác quản lý thu"; (iii) bổ sung "thu tiền sử dụng đất trồng lúa" vào trong ngoặc đơn.  **2.Viện KSND Tối cao:**  Để đảm bảo phù hợp với khái niệm “Vi phạm hành chính” tại Điều 3 Luật XLVPHC, đề nghị sửa lại khái niệm vi phạm hành chính về thuế và vi phạm hành chính về hóa đơn tại Khoản 1 Điều 2 như sau:  “1.Vi phạm hành chính về thuế *là hành vi có lỗi ~~của người nộp thuế,~~do ca nhân, tổ chức~~, cá nhân có liên quan~~* ***thực hiện***, vi phạm quy định của *pháp luật về quản lý thuế, ... mà* ***không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính*** *~~chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.~~*  **3.Bộ TN&MT:**  Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định: đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung nội dung “tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước” vào danh mục liệt kê các khoản thu khác thuộc NSNN do cơ quan thuế quản lý thu.  **4.Sở Tài chính Đắk Lắk:**  Khoản 1 Điều 2 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  “1.Vi phạm hành chính về thuế *là hành vi có lỗi của người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan* vi phạm quy định của *pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý ~~thu khác~~ (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước****; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp****; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, sử dụng khu vực biển; ..”* Theo quy định tại Thông tư số 153/2011 hàng năm NNT không phải thực hiện kê khai vào Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nếu không có sự thay đổi về NNT và các yếu tố dẫn đến thay đổi số thuế phải nộp. Trường hợp phát sinh các sự việc dẫn đến sự thay đổi về NNT, các yếu tố dẫn đến thay đổi số thuế phải nộp thì NNT phải kê khai bổ sung trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh các sự việc, các yếu tố làm thay đổi số thuế phải nộp. Tuy nhiên hiện nay chưa có quy định về xử phạt đối với việc chậm nộp bổ sung Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.  **5.Cục Thuế Thanh Hóa:**  Đề nghị bổ sungcác khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu khác đầy đủ theo Điểm a Khoản 2 Điều 3 Luật số 38/2019/QH14. | 1.Giữ nguyên như thảo Nghị định vì phù hợp với Luật XLVPHC.   1. Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. 2. Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.   4.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đã bao gồm trong cụm từ “vi phạm quy định của pháp luật về thuế).  5.Giữ nguyên dự thảo NĐ vì tại dự thảo chỉ quy định những khoản thu khác không bao gồm thu từ phạt VPHC… |
| K2Đ2 | *2.Vi phạm hành chính về hóa đơn là hành vi có lỗi của tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về hóa đơn mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự* | **1.Kiểm toán Nhà nước:**  Khoản 2 Điều 2 đề nghị bỏ từ "có lỗi" để tránh trùng lặp ý với từ "vi phạm" nêu bên dưới.  **2.Viện KSNDTC:**  Để đảm bảo phù hợp với khái niệm “Vi phạm hành chính” tại Điều 3 Luật XLVPHC, đề nghị sửa lại khái niệm vi phạm hành chính về thuế và vi phạm hành chính về hóa đơn tại Khoản 2 Điều 2 như sau:  *2.Vi phạm hành chính về hóa đơn là hành vi có lỗi của* ***cá nhân,*** *tổ chức~~, cá nhân~~* ***thực hiện****, vi phạm quy định của pháp luật về hóa đơn mà* ***không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính*** *~~chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.~~* | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì phù hợp với Luật XLVPHC.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K3Đ2 | *3.Vi phạm hành chính lần đầu là trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm mà trước đó chưa bị xử phạt về hành vi đó hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đó nhưng được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.* | **1.Bộ Công thương:**  Khoản 3 Điều 2 dự thảo quy định vi phạm hành chính lần đầu.Để đảm bảo tính rõ ràng của quy định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa lại như sau: “*Vi phạm hành chính lần đầu là trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm mà trước đó chưa bị xử phạt về hành vi đó hoặc* ***đã*** *bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đó nhưng được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính* ***theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính****”* | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K4Đ2 | *4.Các trường hợp được coi là sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp:*   1. *Hóa đơn, chứng từ giả;* 2. *Hóa đơn, chứng từ chưa có giá trị sử dụng, hết giá trị sử dụng;*   *c) Hóa đơn bị ngừng sử dụng trong thời gian áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế.*  *d) Hóa đơn điện tử khi không đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;*  *đ) Hóa đơn điện tử chưa có mã của cơ quan thuế đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế; hóa đơn điện tử khi đã có thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.*  *e) Hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân khác (trừ hóa đơn do cơ quan thuế phát hành) để lập khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*  *g) Hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ mà thời điểm mua hàng hoá, dịch vụ ghi trên hóa đơn từ ngày cơ quan thuế thông báo bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước.*  *h) Hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ mà thời điểm mua hàng hoá, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước ngày xác định bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước hoặc chưa có thông báo của cơ quan thuế về việc bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước nhưng cơ quan thuế hoặc cơ quan công an hoặc các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là hoá đơn không hợp pháp.* | **1.Kiểm toán Nhà nước:**  Điểm e Khoản 4 Điều 2: các trường hợp được coi là sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp: e) Hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân khác (trừ hóa đơn do cơ quan thuế phát hành) để lập khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Đề nghị xem xét lại đối với trường hợp hóa đơn do người NNT tự in và đăng ký phát hành với cơ quan thuế.  **2.Cục Thuế Cần Thơ:**  Khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định: *h) Hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ mà thời điểm mua hàng hoá, dịch vụ ghi trên hóa đơn* ***trước ngày xác định bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước hoặc chưa có thông báo của cơ quan thuế về việc bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh*** *đã đăng ký với cơ quan nhà nước nhưng cơ quan thuế hoặc cơ quan công an hoặc các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là hoá đơn không hợp pháp.*  Đóng góp, trường hợp này rất khó khăn cho bên mua hàng vì hóa đơn mua trước thời điểm được xác định bên bán bỏ địa chỉ kinh doanh (TB người nộp thuế không còn hoạt động tại địa điểm kinh doanh đã đăng ký, có gửi trên web để tra cứu) thì không có thông báo nào để người mua tra cứu. Trường hợp CQT hoặc cơ quan chức năng có kết luật là hóa đơn không hợp pháp thì có ra thông báo gì cho NNT? Có công khai trên web để người mua có thể tra cứu được không?  **3.UBND TP Hà Nội:**  Tại khoản 4 điều 2 dự thảo nên bổ sung thêm nội dung: *Hóa đơn mua hàng hoá, dịch vụ mà thời điểm mua hàng hoá, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước ngày xác định bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước mà hóa đơn đó không kê khai nghĩa vụ thuế.*  **4.Ngân hàng Nhà nước:**  Đề nghị xem xét, cân nhắc bỏ quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 2 với lý do:  - Căn cứ Điều 4 Luật XLVPHC, dự thảo NĐ chỉ được quy định về hành vi vi phạm hành chính (đã được quy định tại các vBQPPL về quản lý NN của từng ngành, lĩnh vực); hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản; chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt.  - Tại thuyết minh có nêu “khi các doanh nghiệp chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử, NĐ 51 bị bãi bỏ sẽ không còn quy định giải thích cụm “sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn… Do đó, tại dự thảo bổ sung cụm từ giải thích từ ngữ. Tuy nhiên, tại Điều 89, Điều 90 Luật QLT giao Chính phủ quy định chi tiết về hóa đơn điện tử, việc lập, quản lý sử dụng hóa đơn điện tử nên quy định về sử dụng hóa đơn không hợp pháp và sử dụng không hợp pháp hóa đơn tại dự thảo NĐ này là chưa phù hợp. | 1.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp sử dụng hóa đơn của đơn vị khác để lập.  2.Giữ nguyên như dự thảo NĐ để xử lý các trường hợp chưa có thông báo bỏ trốn nhưng cơ quan công an đã xác định đó là hóa đơn không hợp pháp.  3.Không bổ sung vì khi bên bán bỏ địa chỉ kinh doanh thì không xét đến việc hóa đơn đó đã được kê khai thuế hay chưa và việc sử dung hóa đơn trong trường hợp này của bên mua đã được quy định tại điểm h.  4.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì giải thích từ ngữ về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn làm căn cứ xác định hình vi phạm hành chính về thuế hay hóa đơn để áp dụng chế tài xử phạt theo quy định. |
| K5Đ2 | *5.Các trường hợp được coi là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ:*   1. *Hóa đơn, chứng từ không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc theo quy định; hóa đơn tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm các chỉ tiêu;* 2. *Hóa đơn khống (hoá đơn đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hoá, dịch vụ không có thật); hóa đơn phản ánh không đúng giá trị thực tế phát sinh;*   *c) Hóa đơn có sự chênh lệch về giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc sai lệch các tiêu thức bắt buộc giữa các liên của hóa đơn;*  *d) Dùng hóa đơn để quay vòng khi vận chuyển hàng hóa trong khâu lưu thông hoặc dùng hóa đơn của hàng hóa, dịch vụ này để chứng minh cho hàng hóa, dịch vụ khác;*  *đ) Sử dụng hóa đơn của tổ chức, cá nhân khác để hợp thức hóa hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc hàng hóa, dịch vụ bán ra;* | **1.Cục Thuế Cần Thơ:**   * Khoản 5 Điều 2 đề nghị viết như sau:   *“5.Các trường hợp được coi là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ:*   1. *Sử dụng hóa đơn, chứng từ giả: Sử dụng hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân khác (điểm đ); Sử dụng hóa đơn, chứng từ in, khởi tạo trùng số trong cùng một ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu hóa đơn của tổ chức, cá nhân; Sử dụng hóa đơn, chứng từ không đăng ký sử dụng với cơ quan thuế (điểm c);* 2. *Sử dụng hóa đơn, chứng từ chưa có giá trị sử dụng: Sử dụng hoa đơn điện tử chưa có mã của cơ quan thuế (điểm đ); Sử dụng hóa đơn, chứng từ trước khi đăng ký phát hành với cơ quan thuế;* 3. *Sử dụng hóa đơn, chứng từ hết giá trị sử dụng; Sử dụng hóa đơn, chứng từ khi đã có thông báo ngừng sử dụng (điểm d) hoặc đã có thông báo mất; Người mua kê khai thuế bằng hóa đơn, chứng từ của các tổ chức cá nhân sau ngày các tổ chức, cá nhân đã có thông báo ngừng sử dụng mã số thuế.”.*  * Tại điểm g Khoản 5 Điều 2: thuế và hóa đơn, chứng từ là lĩnh vực do cơ quan thuế quản lý và chịu trách nhiệm xử lý. Do vậy, quy định trong dự thảo “*hoặc do cơ quan công an hoặc các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là các hóa đơn không hợp pháp”* đề nghị viết để xác định được rõ ràng hơn về trách nhiệm của cơ quan thuế: “*hoặc kết luận của cơ quan công an hoặc các cơ quan chức năng khác đã có xác nhận của cơ quan thuế đó là hóa đơn không hợp pháp.”*   **2.UBND tỉnh Khánh Hòa:**  Khoản 5 Điều 2 đề nghị bổ sung: “e) Sử dụng hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, chứng từ mà cơ quan thuế, cơ quan công an và các cơ quan chức năng khác đã kết luận là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ.”  **3.UBND TP.Hà Nội:**  Tại khoản 5 điều 2 dự thảo nên bổ sung thêm nội dung:*Sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp đã bị cơ quan thuế đã có thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh mà người bán không kê khai thực hiện nghĩa vụ thuế.*  **4.Cục Thuế Quảng Nam:**  Khoản 2 Điều 5 các trường hợp coi là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ:  Hiện nay một số khoản chi phí được trừkhi xác định thuế TNDN phải nộp mà không có hóa đơn chứng từ nhưng phải có bộ chứng từ theo quy định như chi phí tiền lương, tiền công. Trong trường hợp qua thanh tra, kiểm tra xác định được doanh nghiệp có hành vi làm khống khoản chi phí tiền lương tiền công (tăng cao hơn so với thực tế) thì đây là hành vi làm giả chứng từ để kê khai làm giảm số thuế phải nộp là hành vi vi phạm hành chính về thuế và phải bị xử lý theo quy định. Tuy nhiên căn cứ Khoản 5 Điều 2 thì việc làm khống chứng từ lương không phả là trường hợp được coi là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ. Cho nên Cục Thuế đề xuất bổ sung them những trường hợp này vào trong quy định về các trường hợp được coi là sử dụng không hợp pháp hóa đơn chứng từ đề dễ dàng thống nhất trong cách hiểu và tăng cường tính răn đe. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ trên cơ sở kế thừa quy định tại NĐ 51/2010/NĐ-CP.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  3.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì trường hợp này đã được quy định tại khoản 4 Điều này.  4.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì trường hợp Cục Thuế nêu thuộc trường hợp chứng từ không hợp pháp. |
| ***Điều 3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*** | | **1.Viện KSNDTC:**  - Điều 3 đề nghị bổ sung nguyên tắc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính về thuế, hóa đơn để đảm bảo phù hợp với Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012.  **2.Bộ Công thương:**  Về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn  Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Luật ban hành VBQPPL năm 2015 *“Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”*. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 dự thảo Nghị định do các nguyên tắc này đã được quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính.  **3.Bộ Ngoại giao:**   * Đề nghị cân nhắc bổ sung vào Điều 3 nguyên tắc xử phạt: trường hợp các điều ước quốc tể mà VN là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.   **4.Bộ Tư pháp:**  *Thứ nhất,* đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc không quy định các khoản 1, 2, 3, 4 và 9 Điều 3 dự thảo Nghị định vì các nguyên tắc này đã được quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật XLVPHC. Tương tự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu không quy định điểm b khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật XLVPHC để bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 như đã nêu trên về việc “*không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác*”.  *Thứ hai,* điểm a khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*Trường hợp hành vi vi phạm vẫn tiếp tục thực hiện mặc dù đã bị người có thẩm quyền đang thi hành công vụ buộc chấm dứt hành vi vi phạm thì áp dụng hình thức xử phạt với tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này”.*  Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định thì: “*Vi phạm hành chính với số thuế từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ từ 500.000.000 đồng trở lên được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn. Vi phạm hành chính từ 10 số hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn”.*  Bộ Tư pháp cho rằng, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định nêu trên là chưa hợp lý, bởi vì không phải tất cả mọi trường hợp cá nhân, tổ chức vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm đó đều vi phạm hành chính với quy mô lớn. Mặt khác, *“tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó”* là một trong những tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật XLVPHC. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định cho phù hợp. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì các biện pháp xử lý hành chính (giáo dục tại xã, phường, thị trấn) chỉ áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điều 90 Luật XLVPHC.  2.Tiếp thu, sửa đồng bộ với ý kiến của Bộ Tư pháp (không nhắc lại các quy định tại Luật XLVPHC).  3.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định kiến nghị của Bộ Ngoại giao là nguyên tắc áp dụng pháp luật đã được quy định rõ tại Luật ban hành VBQPPL.  4.  -Tiếp thu một phần ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng trích dẫn áp dụng theo nguyên tắc xử phạt của Luật xử lý vi phạm hành chính và đặc thù ngành thuế  -Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K1Đ3 | *1. Mọi hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.* | **1.Viện KSNDTC:**  - Tại Khoản 1 Điều 3 để nghị bổ sung từ “phải” để đảm bảo tính trách nhiệm, nghiêm minh trong việc phát hiện, ngăn chặn vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, cụ thể là: “Mọi hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn **phải** được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh...” | 1.Tiếp thu, hoàn thiện đồng bộ với ý kiến của Bộ Tư Pháp. |
| K2Đ3 | *2. Việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được tiến hành nhanh chóng, kịp thời, công khai, minh bạch, khách quan, đúng thẩm quyền, đảm bảo công bằng, đúng quy định của pháp luật.* |  |  |
| K3Đ3 | *3. Việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng.* |  |  |
| K4Đ3 | *4. Tổ chức, cá nhân chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn khi có hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn theo quy định tại Nghị định này.* |  |  |
| K5Đ3 | *5. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần, cụ thể:*  *a) Một hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đã được người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt thì không được ra quyết định xử phạt lần thứ hai đối với hành vi đó. Trường hợp hành vi vi phạm vẫn tiếp tục thực hiện mặc dù đã bị người có thẩm quyền đang thi hành công vụ buộc chấm dứt hành vi vi phạm thì áp dụng hình thức xử phạt với tình tiết tăng nặng theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định này.*  *b) Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có dấu hiệu tội phạm đã chuyển hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự và cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã có quyết định khởi tố vụ án mà trước đó người có thẩm quyền xử phạt đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì người đã ra quyết định xử phạt phải ra quyết định huỷ bỏ quyết định xử phạt; nếu chưa ra quyết định xử phạt thì không xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đối với hành vi đó.*  *c) Hành vi vi phạm về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn thuộc trường hợp bị xử phạt theo Điều 14, Điều 15 Nghị định này thì không bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn theo Điều 27Nghị định này.* | **1. Cục Thuế Thanh Hóa:**  Đề nghị sửa lại điểm c khoản 5 như sau:*c) Hành vi vi phạm về sử dụng* ***hóa đơn bị ngừng sử dụng trong thời gian áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế*** *thuộc trường hợp bị xử phạt theo Điều 14, Điều 15 Nghị định này thì không bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn theo Điều 27 Nghị định này.*”  **Lý do:** Theo quy định của dự thảo của Nghị định này thì: Khi NNT lập hóa đơn không đúng thời điểm hoặc không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ sẽ bị xử phạt *theo Điều 14, Điều 15 Nghị định đồng thời bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn theo Khoản 3; điểm a Khoản 4 hoặc khoản 5 Điều 23 Nghị định này.*  Khi NNT sử dụng hóa đơn không hợp pháp, hóa đơn không đúng quy định để kê khai thuế GTGT đầu vào và hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp, tăng số thuế được miễn, giảm hoặc chưa được hoàn thuế thì không bị xử phạt theo quy định tại Điều 14, Điều 15 mà xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này. Khi đó NNT có hành vi vi phạm vẫn bị bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn theo Điều 27 Nghị định này. Đối với trường hợp bên mua hàng hóa khi sử dụng hóa đơn của bên bán hàng đang bị cưỡng chế hóa đơn. Trong trường hợp này là lỗi của bên bán hàng nên cần xử lý nghiêm. Đối với bên mua hàng khi đã xử phạt về thuế đề nghị không xử phạt sử dụng hóa đơn không hợp pháp vì đây là lỗi của bên bán hàng.  **2.Sở Tài chính Vĩnh Long:**  Tại điểm b Khoản 5 Điều 3 Nghị định về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế; hóa đơn đề nghị sửa đổi như sau  *b) Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có* ***số thuế trốn đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự cơ quan thuế phải*** *~~dấu hiệu tội phạm đã~~ chuyển hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự,* ***trường hợp cơ quan pháp luật xác định không đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì cơ quan thuế được xử phạt hành vi trốn thuế theo quy định.*** Lý do: Trường hợp có số thuế trốn đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự cơ quan thuế phải chuyển hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự xem xét, nên trường hợp này cơ quan thuế không có xử lý. | 1. Tiếp thu ý kiến và sửa đồng bộ với ý kiến của Bộ Tư pháp.  2.Tiếp thu, hoàn thiện đồng bộ với ý kiến của Bộ Tư pháp… |
| K6Đ3 | *6. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi đó.*  *Trường hợp tổ chức, cá nhân uỷ quyền cho tổ chức khác, đăng ký thuế, khai thuế, quyết toán thuế, thông báo hoặc báo cáo về hóa đơn, căn cứ vào nội dung uỷ quyền nếu hành vi vi phạm thuộc trách nhiệm của tổ chức được uỷ quyền thì tuỳ theo mức độ vi phạm của tổ chức được uỷ quyền bị xử phạt theo Nghị định này.*  *Đối với trường hợp theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khai, nộp thuế thay người nộp thuế mà tổ chức, cá nhân khai, nộp thuế thay có hành vi vi phạm hành chính về thuế thì tổ chức, cá nhân kê khai, nộp thuế thay bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại Nghị định này.* |  |  |
| K7Đ3 | *7. Trường hợp trong một thủ tục hành chính được xác định nhiều hơn một hành vi vi phạm hành chính thì tổ chức, cá nhân bị xử phạt đối với từng hành vi theo quy định tại Nghị định này.* | **1. Cục Thuế Hà Giang**  Đề nghị xuống dòng tại số 8 của khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị định. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K8Đ3 | *8. Người nộp thuế bị ấn định thuế thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.* | **1.Kiểm toán Nhà nước:**  Khoản 8 Điều 3: bổ sung từ "Trường hợp" vào đầu câu cho phù hợp với các Khoản khác. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K9Đ3 | *9. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có trách nhiệm chứng minh hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.* |  |  |
| K10Đ3 | *10. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân, trừ mức phạt tiền đối với hành vi quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này.* |  |  |
| ***Điều 4. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trong lĩnh vực thuế, hóa đơn*** | | **1.Sở Tài chính Trà Vinh:**  Tại khoản 1, 2 Điều 4 đề nghị quy định rỏ về các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trong Nghị định để dễ thực hiện trong xử lý vi phạm. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đã được quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính. Dự thảo chỉ quy định thêm 1 tình tiết giảm nhẹ (vi phạm hành chính lần đầu) và quy định lượng hóa tình tiết tăng nặng “vi phạm với quy mô lớn. |
| K1Đ4 | 1. *Tình tiết giảm nhẹ* 2. *Vi phạm hành chính lần đầu.* 3. *Các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính.* |  |  |
| K2Đ4 | 1. *Tình tiết tăng nặng* 2. *Tình tiết tăng nặng quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính.*   *b) Vi phạm hành chính với số thuế từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ từ 500.000.000 đồng trở lên được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn. Vi phạm hành chính từ 10 số hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn.* | **1.Kiểm toán Nhà nước:**  Điểm b Khoản 2 Điều 4: Vi phạm hành chính với số thuế từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ từ 500.000.000 đồng trở lên được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn. Vi phạm hành chính từ 10 số hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn. Đề nghị biên tập làm rõ với số thuế vi phạm này có phải là tình tiết tăng nặng hay không.  **2.Viện KSNDTC+Bộ VHTT&DL:**  Đề nghị chuyển nội dung tình tiết tăng nặng tại điểm b khoản 2 Điều 4 về Điều 2 để đảm bảo tính lô gic. Còn tại điểm b khoản 2 Điều 4 chỉ quy định như sau: “Vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có quy mô lớn quy định tại khoản ... Điều 2 của Nghị định này.”  **3.Bộ Công thương:**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa nội dung điểm b khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định như sau: “*Vi phạm hành chính với số thuế từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ từ 500.000.000 đồng trở lên ~~được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn.~~* ***hoặc*** *vi phạm hành chính từ 10 số hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn* ***theo quy định tại điểm l khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính****.”*  **4.Bộ Quốc phòng:**  Điều 4 cân nhắc không quy định “vi phạm hành chính lần đầu” là tình tiết giảm nhẹ để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật XLVPHC và thống nhất với quy định cụ thể trong dự thảo NĐ (VD điểm b Khoản 2 Điều 4 quy định vi phạm hành chính lần đầu đối với số thuế từ 100 triệu đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa từ 500 triệu đồng trở lên. | 1.Đây là quy định nhằm lượng hóa tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính với “quy mô lớn” tại điểm l khoản 1 Điều 10 Luật XLVPHC *“vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc giá trị hàng hóa lớn”* trong lĩnh vực thuế, hóa đơn.  2.Giữ nguyên như dự thảo NĐ để áp dụng cho tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính với quy mô lớn.  3.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì thuế và hóa đơn là hai lĩnh vực khác nhau, cho nên cần quy định riêng để áp dụng.  4.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì tại khoản 8 Điều 9 Luật XLVPHC quy định những tình tiết giảm nhẹ khác do Chính phủ quy định. |
| **Điều 5. Hình thức xử phạt, *biện pháp khắc phục hậu quả* *và nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền khi xử phạt* vi phạm hành chính về thuế, *hóa đơn*** | |  |  |
| K1Đ5 | 1. *Hình thức xử phạt chính*  a) Cảnh cáo  Phạt cảnh cáo áp dụng đối với hành vi vi phạm thủ tụcthuế, *hóa đơn* không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo.  *b)* Phạt tiền  *b1) Đối với hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn*  *Phạt tiền tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn. Phạt tiền tối đa không quá 50.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn.*  *b2)* Đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế  Phạt tiền tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với người nộp thuế là tổ chức có hành vi vi phạm thủ tục thuế. Phạt tiền tối đa *không quá 100.000.000 đồng* đối với người nộp thuế là cá nhân *thực hiện* hành vi vi phạm thủ tục thuế.  *b3)* Đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn  Phạt 20% số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn.  *b4)* Đối với hành vi trốn thuế  Phạt từ 1 đến 3 lần số tiền thuế trốn.  *b5)* Phạt tiền tương ứng với số tiền không trích vào tài khoản của ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm theo quy định tại *Khoản 1* Điều *16* Nghị định này. | **1.Kiểm toán Nhà nước+Bộ KHĐT + Cục Thuế Ninh Bình:**  Điểm a Khoản 1 Điều 5: đề nghị làm rõ thế nào là hành vi không nghiêm trọng để thuận lợi trong việc áp dụng.  **2.Kiểm toán Nhà nước:**  Điểm b4 Khoản 1 Điều 5 đối với hành vi trốn thuế, phạt từ 1 đến 3 lần số tiền thuế trốn. Đề nghị bổ sung khái niệm trốn thuế vào Điều 2 để thuận tiện cho việc áp dụng.  3.**Cục Thuế Bắc Giang:**  Tại Tiết b3, Điểm b, Khoản 1, Điều 5 đề nghị bổ sung cụm từ *và miễm, giảm và sau chữ được hoàn* sau khi bổ sung sẽ là:  b3) Đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn và miễn,giảm.  Vì tại Khoản 1, Điều 14 Chương II của dự thảo Nghị định có quy định về hành vi vi phạm hành chính về thuế, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả có quy định miễn, giảm.  **4.Bộ KHĐT:**  Tiết b4 Khoản 1 Điều 5: đề nghị quý Bộ nghiên cứu, quy định rõ các trường hợp thuộc đối tượng bị phạt 01 lần, 02 lần hoặc 03 lần số tiền thuế trốn để đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện.  **5. Bộ Quốc phòng:**  Tiết b điểm b Khoản 1 Điều 5 đề nghị quy định rõ cụ thể số tiền thuế trốn để áp dụng mức phạt tiền từ 1 đến 3 lần.  **6.Cục Thuế Hải Dương:**  Tại Điểm b3, Khoản 1, Điều 5 quy định về hình thức xử phạt chính:  *“*…*Phạt 20% số tiền thuế thiếu,* ***số tiền thuế được hoàn*** *đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn.”*  Đề nghị sửa nội dung *“…Phạt 20% số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn”* thành*“…Phạt 20% số tiền thuế thiếu,* ***số tiền thuế được hoàn cao hơn quy định****”*.  **7.Bộ Tư pháp:**  - Điểm b khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định: *“Phạt 20% số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn”.* Trong khi đó, điểm c khoản 2 Điều 138 Luật Quản lý thuế năm 2019 lại quy định: *“Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế đối với hành vi quy định tại khoản 1 và các điểm b, c khoản 2 Điều 142 của Luật này”.* Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh lý điểm b khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định cho phù hợp với quy định nêu trên của Luật Quản lý thuế năm 2019. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì tại dự thảo NĐ đã quy định rõ các trường hợp xử phạt cảnh cáo.  2 Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì Điều 15 đã quy định rõ các hành vi được xác định là trốn thuế.  3.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì khai sai tăng số thuế miễn giảm sẽ đồng nghĩa với thiếu số thuế phải nộp.  4.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì Điều 15 đã quy định rõ từng trường hợp áp dụng phạt 1 lần, 2 lần, 3 lần.  5.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì Điều 15 đã quy định rõ từng trường hợp áp dụng phạt 1 lần, 2 lần, 3 lần.  6. Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì dự thảo đã quy định rõ áp dụng đối với trường hợp khai tăng số tiền thuế được hoàn.  7.Giữ nguyên vì tại dự thảo Nghị định này chỉ quy định về lĩnh vực thuế cho nên không phá sinh các trường hợp không thu như lĩnh vực hải quan. |
| K2Đ5 | *2. Hình thức xử phạt bổ sung*  *a) Đình chỉ quyền tự in hóa đơn, quyền khởi tạo hóa đơn điện tử từ 01 tháng đến 03 tháng;*  *b) Đình chỉ tự in, đặt in hóa đơn từ 01 tháng đến 03 tháng;*  *c) Đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng.* | 1. **VCCI:**   Điểm c Khoản 2 Điều 5 quy định “đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng” là hình thức xử phạt bổ sung. Đề nghị xem xét lại quy định này để đảm bảo tính thống nhất với các văn bản có liên quan. Bởi vì theo quy định tại pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành (quy định về điều kiện kinh doanh, giấy phép) thì VPHC về thuế không thuộc các trường hợp doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động.  2**.Bộ Tư pháp:**  - Điểm a và điểm b khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định hình thức xử phạt bổ sung “*đình chỉ quyền tự in hóa đơn, quyền khởi tạo hóa đơn điện tử từ 01 tháng đến 03 tháng” và “đình chỉ tự in, đặt in hóa đơn từ 01 tháng đến 03 tháng”.* Tuy nhiên, điểm c khoản 1 Điều 21 và khoản 2 Điều 25 Luật XLVPHC chỉ quy định hình thức xử phạt *“đình chỉ hoạt động có thời hạn”*. Theo đó, đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:  (i) Đình chỉ một phần hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép;  (ii) Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác mà theo quy định của pháp luật không phải có giấy phép và hoạt động đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc quy định hình thức xử phạt bổ sung bảo đảm phù hợp với quy định nêu trên của Luật XLVPHC.  **3.Cục Thuế Quảng Nam:**  Điểm c Khoản 2 Điều 5 quy định đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng. Tuy nhiên, việc đình chỉ hoạt động kinh doanh ngoài thẩm quyền của cơ quan thuế. | 1. Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ theo hướng quy định rõ thủ trưởng cơ quan thuế các cấp có thẩm quyền áp dụng hình phạt bổ sung theo Điều 46 Luật XLVPHC và chỉ đình chỉ hoạt động in hóa đơn, không phải đình chỉ toàn bộ hoạt động của tổ chức vi phạm.  2.Tiếp thu một phần ý kiến của Bộ Tư pháp, theo đó chỉ quy định áp dụng hình phạt bổ sung đình chỉ in đối với tổ chức in vi phạm quy định về in hóa đơn tại dự thảo Nghị định này.  3.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K3Đ5 | *3. Biện pháp khắc phục hậu quả*  *a) Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn vào ngân sách nhà nước.*  *b) Buộc khai điều chỉnh hồ sơ khai thuế.*  *c).Buộc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định.*  *d).Buộc bổ sung thông tin trên đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.*  *đ).Buộc thực hiện thủ tục phát hành hóa đơn.*   1. *Buộc lập hóa đơn theo quy định.*   *g) Buộc hủy hóa đơn.*  *h) Buộc lập và gửi lại cơ quan thuế thông báo, báo cáo.*  *i).Buộc tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử gửi cơ quan thuế.*  *k).Buộc chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế.*  *l).Buộc công khai thông báo về phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên Website.* | **1.Bộ Ngoại giao:**  Tại Khoản 3 Điều 5 đề nghị bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “nộp phần tăng của số tiền được hoàn đối với hành vi khai sai dẫn đến tăng số tiền thuế được hoàn” để tương ứng với hành vi tại điểm b3 Khoản 1 cùng Điều khi khai sai dẫn đến tăng số tiền thuế được hoàn.  **2.Cục Thuế Thanh Hóa:**  Đề nghị bổ sung tính tiền chậm nộp vào biện pháp khắc phục hậu quả:  *“3. Biện pháp khắc phục hậu quả*   1. *Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn,* ***tiền chậm nộp*** *vào ngân sách nhà nước.* | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K4Đ5 | *4. Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền*  *a) Mức phạt tiền quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13 và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức, đối với cá nhân bằng ½ mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức. Đối với người nộp thuế là hộ gia đình, hộ kinh doanh áp dụng mức phạt tiền như đối với cá nhân.*  *b) Khi phạt tiền, mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm thủ tục thuế, hóa đơn là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, hóa đơn thì mỗi tình tiết tặng nặng hoặc giảm nhẹ được tính tăng hoặc giảm 10% mức phạt trung bình của khung phạt tiền nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung phạt tiền hoặc không được tăng vượt quá mức tối đa của khung phạt tiền.*  *c) Khi xác định mức phạt tiền đối với người nộp thuế vi phạm vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì được giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. Mức phạt tiền sau khi giảm trừ theo nguyên tắc này được thực hiện theo điểm b Khoản này.* |  |  |
| **Điều *6*. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; *thời hạn được coi là chưa bị xử phạt; thời hạn truy thu thuế*** | |  |  |
| K1Đ6 | 1. *Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn* 2. *Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn là 01 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt.* 3. *Thời hiệu xử phạt đ*ối với hành vi vi phạm thủ tục thuế là 02 năm, kể từ ngày thực hiện *hành vi vi phạm* đến ngày ra quyết định xử phạt.   Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn phải thực hiện thủ tục về thuế theo quy định của Luật quản lý thuế. Đối với trường hợp *thực hiện* thủ tục về thuế bằng điện tử thì ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn *thực hiện* thủ tục theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.  *c)* *Thời hiệu xử phạt đ*ối với hành vi trốn thuế, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn thì thời hiệu xử phạt là 05 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt.  Thời điểm xác định hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn; hành vi trốn thuế là ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế mà người nộp thuế thực hiện khai thiếu thuế, hành vi trốn thuế hoặc ngày tiếp theo ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế.  *d)* Đối với *tổ chức,* cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án nhưng hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính về thuế, *hóa đơn* thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, cơ quan đã ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án phải gửi quyết định và hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, *hóa đơn*. Thời hiệu xử phạt vi phạm áp dụng theo quy định tại *điểm a, b, c Khoản* này. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.  *đ) Trong thời hạn quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản này mà tổ chức, cá nhân cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh cản trở việc xử phạt.* | **1.Cục Thuế tỉnh Bắc Giang + Lâm Đồng:**  Tại Điểm b, Khoản1, Điều 6 đề nghị sửa đổi, bổ sung để làm rõ “Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn.  **2.Cục Thuế Ninh Bình:**  Tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định đ**ề** nghị sửa thành:  *"b) Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế là 02 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế đến ngày ra quyết định xử phạt.*  **Lý do:** Đề nghị sửa cụm từ "*ngày thực hiện hành vi vi phạm"* thành cụm từ *"ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế"* để thống nhất với định nghĩa của cụm từ này được nêu ở khổ phía dưới.  **3.Cục Thuế Cần Thơ+Thanh Hóa:**  Điểm a Khoản 1 Điều 6: đề nghị nâng mức thời gian quy định về thời hiệu xử phạt về hóa đơn là 2 năm. Điều này là cần thiết vì thực tế hiện nay cơ quan thuế tập trung kiểm tra theo nguyên tắc quản lý rủi ro, đôi lúc việc phát hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn chậm.  **4.Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Khoản 1a, b Điều 6 dự thảo quy định: “1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn  a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn là 01 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt.  b) Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế là 02 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt.  Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn phải thực hiện thủ tục về thuế theo quy định của Luật quản lý thuế. Đối với trường hợp thực hiện thủ tục về thuế bằng điện tử thì ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn thực hiện thủ tục theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.”  Việc quy định thời hiện xử phạt đối với hành vi vi phạm về hoá đơn, thủ tục thuế, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt là không phù hợp với quy định tại Khoản 1b Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, cụ thể.  “b) Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quy định như sau:  Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.  Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;”  Đề nghị điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13.  **5.Bộ Tư pháp:**  Điểm d khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định: *“Đối với tổ chức, cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án nhưng hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, cơ quan đã ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án phải gửi quyết định và hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*. *Thời hiệu xử phạt vi phạm áp dụng theo quy định tại điểm a, b, c khoản này. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu*”.  Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC thì: *“Đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính, thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính”.* Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định cho phù hợp, thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC. | 1 Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ theo hướng quy định rõ về ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn.  2.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì tại dự thảo đã nêu rõ “ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế”.  3.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành.  4.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì phù hợp với Điều 37 Luật Quản lý thuế năm 2019.  5. Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K2Đ6 | *2. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*  *Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt tiền hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đó.*  *Ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo là ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính được giao cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt.* |  |  |
| K3Đ6 | 1. Thời hạn truy thu thuế 2. Quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười năm trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm. Trường hợp người nộp thuế không đăng ký thuế thì phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, tiền chậm nộp tiền thuế cho toàn bộ thời gian trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm. 3. *Thời hạn truy thu tại điểm a Khoản này chỉ áp dụng đối với các khoản thuế theo pháp luật về thuế và khoản thu khác do tổ chức, cá nhân tự khai, tự nộp vào ngân sách nhà nước.*   *Đối với các khoản thu từ đất đai hoặc khoản thu khác do cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân thì cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.* | 1.**Bộ Tư pháp:**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc không quy định khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định này. | 1.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì thời hạn truy thu thuế là căn cứ để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. |
| **Điều *7*. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế** | | 1. **Cục Thuế Quảng Nam:**   Điều 7 đề nghị bổ sung thêm trường hợp:   * *Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế còn được khấu trừ nhưng chưa đề nghị hoàn (giống như trường hợp có phát sinh số tiền thuế được hoàn).* * *Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế TNCN mà có phát sinh số thuế phải nộp (do trường hợp này đã bị tính tiền chậm nộp trên số tiền thuế khai chậm).*   **2.Hải Phòng:**  - Tại Điều 7 của Dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung thêm 1 trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế:  "Không xử phạt hành chính về thuế đối với hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có dấu hiệu tội phạm đã chuyển hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự và cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã có quyết định khởi tố vụ án".  Lý do: Để đồng nhất với nội dung quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 của Dự thảo Nghị định.  - Tại Khoản 2, Điều 7 dự thảo Nghị định: "2. Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với người nộp thuế vi phạm hành chính về thuế do thực hiện theo văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế  Quyết định xử lý của cơ quan thuế liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế theo quy định tại khoản này bao gồm: quyết định hoàn thuế; quyết định miễn, giảm thuế; quyết định gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hoặc số lỗ chuyển kỳ sau trên quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra thuế. Trường hợp thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế chưa phát hiện ra sai sót của người nộp thuế trong việc kê khai, xác định số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế được miễn, giảm nhưng sau đó hành vi vi phạm hành chính về thuế của người nộp thuế bị phát hiện thì vẫn bị xử lý theo quy định."  - Nội dung tham gia: Đề nghị quy định cụ thể hơn về các quyết định xử lý của cơ quan thuế dẫn đến NNT có hành vi vi phạm hành chính thuế để việc áp dụng được thống nhất trên cơ sở xác định trách nhiệm của cơ quan thuế hoặc người nộp thuế.  Ví dụ: Đối với nhóm quyết định hoàn thuế, quyết định miễn giảm thuế: cần xét thực tế vì việc giải quyết theo đề nghị của NNT, có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới số thuế giải quyết hoàn, miễn, giảm mà theo Quy trình thủ tục, cơ quan thuế khi giải quyết, ban hành quyết định không kiểm soát được số thuế không đủ điều kiện khấu trừ, hoàn thuế, vì vậy cần phân loại:  + Trường hợp cơ quan thuế sau khi kiểm tra hồ sơ áp dụng sai trường hợp hoàn thuế, miễn giảm thuế dẫn đến ban hành quyết định hoàn, miễn, giảm sai so quy định;  + Trường hợp NNT có vi phạm làm ảnh hưởng tới số thuế được giải quyết hoàn, miễn, giảm theo quyết định của cơ quan thuế (gồm hoàn trước và kiểm trước) thì vẫn xử phạt hành chính như đang quy định tại Chương II Nghị định. | 1.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì đề xuất này mở rộng đối tượng hơn so với quy định của Luật QLT 2019.  -Không tiếp thu ý kiến vì không phù hợp với nội dung của điều này.  -Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K1Đ7 | 1. Các trường hợp *không xử phạt theo* quy định tại Điều 11 Luật xử lý vi phạm hành chính. |  |  |
| K2Đ7 | 1. *Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với người nộp thuế vi phạm hành chính về thuế do thực hiện theo văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế*   *Quyết định xử lý của cơ quan thuế liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế theo quy định tại khoản này bao gồm: quyết định hoàn thuế; quyết định miễn, giảm thuế; quyết định gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hoặc số lỗ chuyển kỳ sau trên quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra thuế. Trường hợp thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế chưa phát hiện ra sai sót của người nộp thuế trong việc kê khai, xác định số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế được miễn, giảm nhưng sau đó hành vi vi phạm hành chính về thuế của người nộp thuế bị phát hiện thì vẫn bị xử lý theo quy định.* | **1.Cục Thuế Ninh Bình**  Về trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế (Điều 7): bổ sung quy định về không xử phạt đối với các trường hợp:  + Không xử phạt đối với trường hợp người nộp thuế vi phạm hành chính do thực hiện theo hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.  **+ Bỏ cụm từ *“hướng dẫn”* và *“xử lý”*.** Sửa lại là: Không xử phạt đối với trường hợp người nộp thuế vi phạm hành chính do thực hiện theo “*quyết định”* của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.  **2.Cục Thuế Cần Thơ:**  Khoản 2 Điều 7 đề nghị sửa như sau: “*Quyết định xử lý của cơ quan thuế liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế theo quy định tại khoản này bao gồm: ~~quyết định hoàn thuế;~~ quyết định miễn, giảm thuế; quyết định gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hoặc số lỗ chuyển kỳ sau trên quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra thuế. ..* Vì đối với trường hợp NNT được hoàn thuế trước kiểm tra sau nếu khi kiểm tra sau hoàn thuế phát hiện NNT kê khai sai làm tăng số thuế được hoàn thì NNT sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế. | 1.Giữ nguyên vì dự thảo NĐ quy định phù hợp với khoản 11 Điều 16 Luật QLT.  2.Tiếp thu hoàn thiện dự thảo NĐ theo hướng quy định rõ áp dụng đối với quyết định hoàn thuế sau khi cơ quan thuế kiểm tra. |
| K3Đ7 | *3*. *Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với t*rường hợp khai sai, người nộp thuế đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế *hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện không qua thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện.* | **1.Cục Thuế Thanh Hóa:**  Đề nghị sửa lại Khoản 3 điều 7 như sau:  *“3*. *Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với t*rường hợp khai sai, người nộp thuế đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế ***hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền*** công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế *hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện* ***thông*** *qua thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện.”* | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật QLT. |
| K4Đ7 | *4. Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn; hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế quy định tại Điều 51 Luật quản lý thuế.* | **1.UBND tỉnh Hòa Bình:**  Khoản 4 Điều 7 đề nghị sửa lại là:  *4. Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn; hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế quy định tại Điều 51 Luật quản lý thuế* ***khi bị ấn định thuế****.* Lý do để phù hợp với quy định tại Khoản c Điểm 2 Điều 141 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.  **2.UBND TP.Hà Nội:**  Tại khoản 4 Điều 7: *Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn; hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế quy định tại Điều 51 Luật quản lý thuế.”*Đề xuất: Nêu rõ đối tượng được áp dụng và các trường hợp được áp dụng không xử phạt về thủ tục thuế đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh. Lý do: - Toàn bộ hộ kinh doanh, cá nhân nộp theo phương pháp khoán thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế?- Hay chỉ hộ kinh doanh bị cơ quan thuế ấn định thuế?. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ theo hướng bổ sung cụm từ “đã bị ấn định thuế”.  Tại dự thảo Nghị định quy định rõ áp dụng đối với hộ gia đình kinh doanh phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 141 Luật QLT. |
| K5Đ7 | *5. Không xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế trong thời gian người nộp thuế được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế.* |  |  |
| **Điều *8*. Xử phạt hành vi *vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; đăng ký tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn; đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế;*** | | **1.Cục Thuế Bắc Giang + Cục Thuế Hà Giang:**  Tại Điều 8 nên xem lại thứ tự các Khoản, hiện trên dự thảo có 02 Khoản 3.  **2.Bộ KH&ĐT:**  Tại Điều 8 (trang 9-10): theo quy định tại khoản 1 Điều 200 Luật doanh nghiệp “doanh nghiệp có quyền tạm ngừng kinh doanh nhưng phải thông báo bằng văn bản về điểm và thời hạn tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất 15 ngày trước ngày tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh. Quy định này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.”.  Do đó, để đảm bảo thống nhất với quy định nêu trên và xác định cụ thể thời điểm xử phạt vi phạm về thời hạn đăng ký tiếp tục kinh doanh, đề nghị quý Bộ cân nhắc sử dụng thống nhất cụm từ “tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo” thay cho thuật ngữ “tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn” được quy định tại Điều 8 dự thảo NĐ này.  **3.UBND tỉnh Khánh Hòa:**  Điều 8 đề nghị sửa đổi các cụm từ “*đăng ký tạm ngừng hoạt động”* thành *“thông báo tạm ngừng hoạt động”; “đăng ký tiếp tục hoạt động” thành “thông báo tiếp tục hoạt động”* nhằm phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.  **4.Cục Thuế Quảng Ngãi:**  Tại Điều 8 dự thảo Nghị định quy định *xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; đăng ký tiếp tục hoạt động…*  Theo quy định tại NĐ 78/2015 về đăng ký doanh nghiệp quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp thì việc đăng ký doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi trong thông tin về đăng ký thuế trực tiếp với phòng đăng ký kinh doanh. Do vậy việc xử lý kịp thời các hành vi vi phạm của NNT tại Điều 8 dự thảo Nghị định này đề nghị bổ sung thêm thẩm quyền xử phạt của cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.  **5.Cục Thuế Hải Phòng:**  Tại Điều 8 Dự thảo Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi: "đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế quá thời hạn quy định". Đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại quy định này có nên đưa vào xử phạt phạt vi phạm hành chính không? Lý do: Tại Điểm d, Khoản 1, Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 quy định những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong đó có trường hợp "tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt" khi có quyết định giải thể, phá sản người nộp thuế mới đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế, nếu bị chậm thì việc xử phạt hành vi này cũng trái quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.  Tại Điều 8 Dự thảo Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi: "đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế quá thời hạn quy định". Đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại quy định này có nên đưa vào xử phạt phạt vi phạm hành chính không? Lý do: Tại Điểm d, Khoản 1, Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 quy định những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong đó có trường hợp "tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt" khi có quyết định giải thể, phá sản người nộp thuế mới đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế, nếu bị chậm thì việc xử phạt hành vi này cũng trái quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  3.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.  4.Tiếp thu một phần, hoàn thiện dự thảo NĐ theo hướng quy định loại trừ tại khoản 1 Điều 1 đối với trường hợp đã bị xử phạt theo quy định về đăng ký kinh doanh.  5. Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K1Đ8 | 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi *đăng ký thuế; đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh; đăng ký tiếp tục hoạt động kinh doanh trước thời hạn; đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế quá thời hạn quy định* từ 01 ngày đến 10 ngày và có tình tiết giảm nhẹ. |  |  |
| K2Đ8 | 2. Phạt tiền từ *1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành**vi đăng ký thuế; đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh; đăng ký hoạt động kinh doanh trước thời hạn; đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế quá thời hạn quy định* từ 01 ngày đến 30 ngày, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. |  |  |
| K3Đ8 | *3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành đăng ký thuế; đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh; đăng ký tiếp tục hoạt động kinh doanh trước thời hạn; đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế**quá thời hạn quy định từ 31 đến 90 ngày.* | **1. Sở Tài chính Yên Bái:**  **Tại Điều 8, Khoản 3 Dự thảo Nghị định quy định:**  *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành đăng ký thuế* ..... ( thiếu chữ vi*)*  **-** Ý kiến tham gia: Bổ sung thêm chữ vi: *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký thuế ....* | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K4Đ8 | 3. Phạt tiền từ *6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng*  đối với một trong các hành vi sau đây:  a) *Đăng ký thuế; đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh; đăng ký tiếp tục hoạt động kinh doanh trước thời hạn; đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế**quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên;*  b) Không *đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh hoặc không đăng ký tiếp tục hoạt động kinh doanh trước thời hạn hoặc không đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế.*  c) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế nhưng không phát sinh số thuế phải nộp. | **1.Cục Thuế Hà Giang:**  Điểm c đề nghị làm rõ nội dung này để phân biệt với hành vi nộp chậm hồ sơ, chậm nộp bao nhiêu ngày thì được coi là không nộp hồ sơ khai thuế và thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì câu chữ trong dự thảo đã thể hiện rõ hành vi (hành động hoặc không hành động). |
| K5Đ8 | *4. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc nộp hồ sơ đăng ký thuế; ~~đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động kinh doanh trước thời hạn;~~ đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này nếu người nộp thuế chưa nộp hồ sơ đến cơ quan thuế.* |  |  |
| ***Điều 9. Xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn thông báo/đăng ký thay đổi thông tin trong đăng ký thuế*** | |  |  |
| K1Đ9 | 1. *Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:* 2. *Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế không làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế quá thời hạn quy định từ 01 đến 30 ngày mà có tình tiết giảm nhẹ.* 3. *Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế quá thời hạn quy định* từ 01 ngày đến 10 ngày mà có tình tiết giảm nhẹ. | **1.UBND TP.Hà Nội:**  Tại khoản 1 điều 9 dự thảo nên bổ sung thêm nội dung:  *Cá nhân không kinh doanh đã được cấp mã số thuế TNCN theo số chứng minh nhân dân cũ nay đổi sang thẻ căn cước mới, khi thay đổi thông tin sẽ không bị xử phạt vi phạm hành chính.* | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K2Đ9 | *2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế không làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế quá thời hạn quy định từ 01 đến 30 ngày, trừ trường hợp xử phạt theo điểm a khoản 1 Điều này.* |  |  |
| K3Đ9 | *3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*  *a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế không làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế quá thời hạn quy định từ 31 đến 90 ngày.*  *b) Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 30 ngày, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.* |  |  |
| K4Đ9 | *4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:*  *a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế không làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên.*  *b) Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế quá thời hạn quy định từ 31 đến 90 ngày.* |  |  |
| K5Đ9 | 5. Phạt tiền từ 5*.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng*  đối với một trong các hành vi sau đây:  a) *Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế**quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên;*  b) Không thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế; |  |  |
| K6Đ9 | *6. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc nộp hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký thuế theo quy định* |  |  |
| **Điều *10*. Xử phạt hành vi khai *sai, khai* không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế** | | **1.Bộ KH&ĐT:**  Khoản 1, 2 Điều 10 (trang 11) đề nghị quý Bộ nghiên cứu giảm mức phạt tiền hoặc áp dụng hình thức phạt cảnh cáo đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trong hồ sơ thuế nhưng không liên quan đến nghĩa vụ thuế, để đảm bảo tính hợp lý, thực tiễn hơn đối với các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, mới gia nhập thị trường. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ theo hướng điều chỉnh giảm mức phạt tiền đối với hành vi quy định tại Khoản 1, 2 Điều 10. |
| K1Đ10 | *1.* Phạt tiền từ *1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng* đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu *trong hồ sơ thuế nhưng không liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, trừ hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.* | **1.VCCI:**  Khoản 1 Điều 10 quy định xử phạt đối với hành vi “ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trong hồ sơ thuế nhưng không liên quan đến nghĩa vụ thuế…”, Khoản 4 Điều 10 quy định xử phạt đối với hành vi “kê khai không trung thực nội dung hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.  Hồ sơ đăng ký thuế là hồ sơ thuế(Khoản 9 Điều 3 Luật QLT) do đó hành vi tại khoản 1 và khoản 4 có sự chồng lấn và có thể được xử phạt hai khung phạt tiền khác nhau cho một hành vi. Đề nghị điều chỉnh lại hai quy định này để tránh chồng lấn (có thể loại trừ Khoản 4 Điều 10 trong quy định tại Khoản 1 Điều 10).  **2. Cục Thuế Cần Thơ:**  Tại Điều 10 quy định:  **Điều *10*. Xử phạt hành vi khai *sai, khai* không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế**  *1.* Phạt tiền từ *1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng* đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu ***trong hồ sơ thuế nhưng không liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế****, trừ hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.* .  *2*. Phạt tiền từ *2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng* đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trên **tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế *nhưng không liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế*.**  *3*. Phạt tiền từ *5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:*  *a) Ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu liên quan* ***đến xác định nghĩa vụ thuế trong hồ sơ thuế;***  *b) H*ành vi quy định tại khoản *3* Điều 14; khoản 7 Điều *15* Nghị định này.  Theo quy định trên thì rất khó trong quá trình xử lý vì tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế là một thành phần của Hồ sơ thuế. Đề xuất nội dung của khoản 1 2 quy định chung 1 nội dung. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì tại khoản 1 đã quy định loại trừ hành vi tại khoản 2. |
| K2Đ10 | *2*. Phạt tiền từ *2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng* đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trên tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế *nhưng không liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế*. | **1.UBND TP. Hà Nội:**  Điều 10: Về việc xử phạt hành vi khai sai, khai không dầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế (Điều 10 dự thảo Nghị định): Tại Khoản 2 Điều 10 Dự thảo Nghị định có nêu: “*2*. Phạt tiền từ *2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng* đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trên tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế *nhưng không liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế*”. Đề nghị bổ sung, sửa lại như sau:“*2*. Phạt tiền từ *2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng* đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trên tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế và các phụ lục kèm theo *nhưng không liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế*”. Lý do: Có nhiều trường hợp NNT có vi phạm kê khai Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết như: - Kê khai thiếu các chỉ tiêu: “phương pháp xác định giá thị trường”, “Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động kinh doanh”… | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K3Đ10 | *3*. Phạt tiền từ *5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:*  *a) Ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế trong hồ sơ thuế;*  *b) H*ành vi quy định tại khoản *3* Điều 14; khoản 7 Điều *15* Nghị định này. | **1.Sở Tài chính Vĩnh Long:**  **Tại Điểm b Khoản 3 Điều 10 dự thảo Nghị định:**  - Đề nghị bổ sung thêm quy định như sau:  *b)* Hành vi quy định tại khoản *3* Điều 14; khoản 7 Điều *15* Nghị định này.  *“Trường hợp mức xử phạt áp dụng theo điểm b khoản này lớn hơn mức xử phạt theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này thì xử phạt theo Điều 14, Điều 15 Nghị định này (số tiền thuế làm căn cứ tính tính phạt được xác định trong điều kiện là có phát sinh số thuế phải nộp).”*  **Lý do:**  - Khi chuyển từ hành vi kê khai sai, trốn thuế sang xử phạt về thủ tục thuế thì mức phạt phải thấp hơn mức phạt theo kê khai sai, trốn thuế. Thực tế đã phát sinh nhiều trường hợp người nộp thuế có hành vi kê khai sai hoặc trốn thuế (nhưng không làm ảnh hưởng số thuế phải nộp) có số thuế vi phạm không lớn, nếu xử phạt về thủ tục thuế lại nặng hơn xử phạt kê khai sai, trốn thuế là không hợp lý.  - Trường hợp này cũng giống như quy định tại khoản 5 Điều 11 dự thảo Nghị định. | 1.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì các trường hợp này không phát sinh số thuế phải nộp. |
| K4Đ10 | *4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực nội dung hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đã nộp đến cơ quan thuế* |  |  |
| K5Đ10 | *5.* *Biện pháp khắc phục hậu quả*  *Buộc kê khai lại các thông tin người nộp thuế đã khai sai, khai không đầy đủ và nộp lại hồ sơ thuế cho cơ quan thuế; buộc kê khai các thông tin người nộp thuế đã kê khai không trung thực, không chính xác và nộp lại hồ sơ cho cơ quan thuế đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.* |  |  |
| **Điều *11*. Xử phạt hành vi *vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế*** | | **1.VCCI và Bộ Tư pháp:**  Các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định:  *“1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 05 ngày và có tình tiết giảm nhẹ.*  *2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 30 ngày, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.*  *3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ trên 30 ngày đến 60 ngày”.*  Tuy nhiên, không quy định rõ thời điểm là căn cứ xác định thời gian quá hạn (kể từ thời điểm nào, ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hay ngày gia hạn cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế). Do đó, để bảo đảm tính rõ ràng, cụ thể của quy định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý quy định tại các khoản nêu trên của Điều 11 dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung thời điểm là căn cứ để xác định thời gian quá hạn. | Tiếp thu và sửa khoản 6  Điều này để thể hiện rõ quy định về thời gian quá hạn |
| K1Đ11 | 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 05 ngày và có tình tiết giảm nhẹ. |  |  |
| K2Đ11 | 2. Phạt tiền từ *2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng* đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến *30* ngày, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. |  |  |
| K3Đ11 | *3*. Phạt tiền từ *5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng* đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ trên *30* ngày đến *60* ngày. |  |  |
| K4Đ11 | *4*. Phạt tiền từ *8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng* đối với một trong các hành vi:  a) Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ trên *60* ngày đến 90 ngày;  b) Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định trên 90 ngày nhưng không phát sinh số thuế phải nộp;  c) Không nộp hồ sơ khai thuế nhưng không phát sinh số thuế phải nộp;  d) *Không nộp các tờ khai xác định giao dịch liên kết kèm theo hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.* | **1.UBND TP. Hà Nội:**  Điểm c, khoản 4 Điều 11: Không nộp hồ sơ khai thuế nhưng không phát sinh số thuế phải nộp;  Đề xuất: NNT quá 120 ngày không nộp hồ sơ khai thuế kể từ ngày hết thời hạn nộp HSKT được coi là không nộp hồ sơ khai thuế nhưng không phát sinh số thuế phải nộp. Lý do: Chưa có căn cứ nào để biết người nộp thuế không nộp hồ sơ khai thuế. Nên quy định cụ thể một mốc nào đó để xác định NNT không nộp HSKT. | 1.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì dự thảo NĐ đã quy định rõ là hành vi không nộp hồ sơ khai thuế (hành vi không hành động). |
| K5Đ11 | *5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ thuế theo khoản 1 Điều 143 Luật quản lý thuế.*  *Riêng trường hợp nếu số tiền bị xử phạt áp dụng theo khoản này lớn hơn số thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì mức phạt tiền tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế.* | **1.Cục Thuế Quảng Ninh:**  Khoản 5 Điều 11 đối với đoạn “*Riêng trường hợp nếu số tiền bị xử phạt áp dụng theo khoản này lớn hơn số thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì mức phạt tiền tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế.”* . Đề nghị áp dụng đoạn trên cho các khoản 2, khoản 3, khoản 4 khoản 5 Điều 11.  **2.Cục Thuế Thanh Hóa:**  **Đề nghị sửa lại Khoản 5 điều 11 như sau**  5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế ***hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền*** công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ thuế theo khoản 1 Điều 143 Luật quản lý thuế.”  **3.UBND TP.Hà Nội:**  Quy định tại Khoản 5 điều 11 Dự thảo dễ dẫn tới sự bất cập: trường hợp số thuế phải nộp < 15 triệu thì mức phạt theo trường hợp này có thể thấp hơn mức phạt tại khoản 4 điều này. Do đó có thể xem xét sửa lại như sau:*"Riêng trường hợp nếu số tiền bị xử phạt áp dụng theo khoản này lớn hơn số thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì mức phạt tiền tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế nhưng không thấp hơn mức phạt quy định tại khoản 4 điều này ".*   1. **Bộ Tư pháp**   Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ căn cứ của việc quy định nêu tại khoản 5 Điều 11 dự thảo Nghị định “*Riêng trường hợp nếu số tiền bị xử phạt áp dụng theo khoản này lớn hơn số thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì mức phạt tiền tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế”.* | 1.Không tiếp thu vì trường hợp này chỉ áp dụng đối với trường hợp nộp hồ sơ quá 90 ngày.  2.Không tiếp thu vì vì phù hợp với quy định tại điểm b khoản 11 Điều 143 Luật quản lý thuế.  3.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.  4. Theo điểm b Khoản 11 Điều 143 hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn 90 ngày thuộc hành vi trốn thuế , có phát sinh số tiền thuế phải nộp nhưng người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiềnchậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế thì được chuyển sang phạt về thủ tục thuế (chuyển sang xử lý theo hướng có lợi cho người nộp thuế). Tuy nhiên, rong thực tế sẽ phát sinh trường hợp số thuế trốn, thiếu nhỏ hơn khung tiền phạt tại khoản 5 Điều 11 (từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng) nên sẽ bất hợp lý nếu xử lý theo hướng có lợi cho người nộp thuế nhưng người nộp thuế lại phải chịu mức tiền phạt lớn hơn số thuế trốn. Đồng thời quy định mức phạt đối với trường hợp này không thấp hơn mức phạt đối với hành vi chậm nộp hồ sơ thuế đến 90 ngày (khoản 4 Điều 11) để đảm bảo nguyên tắc xử phạt |
| K6Đ11 | *6.* Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quy định tại Điều này bao gồm cả thời gian gia hạn nộp hồ sơ khai thuế quy định tại Điều *46* của Luật Quản lý thuế. | **1.Sở Tài chính Trà Vinh:**  Đề nghị bãi bỏ Khoản 6 Điều 11 cho phù hợp với Luật Quản lý thuế. Vì theo Luật Quản lý thuế thời gian gia hạn không tính vào ngày chậm nộp.  **2. Bộ Tư pháp**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc không quy định khoản 6 Điều 11 dự thảo Nghị định vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này (khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định). | 1+2: Không tiếp thu nhưng hoàn thiện lại để thể hiện rõ thời hạn quá hạn nộp hồ sơ. |
| K7Đ11 | *7* Người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế bị xử phạt theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này, nếu dẫn đến chậm nộp tiền thuế thì phải nộp tiền chậm nộp tiền thuế theo quy định. | **1.Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Khoản 7 Điều 11 dự thảo quy định: “Người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế bị xử phạt theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này…”.  Đề nghị bỏ Khoản 6 vì Khoản 6 không quy định hình thức xử phạt mà chỉ giải thích từ ngữ.  **2. Bộ Tư pháp**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc không quy khoản 7 Điều 11 dự thảo Nghị định vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này (khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định). | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2. Không tiếp thu vì buộc nộp tiền chậm nộp là 1 biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thuế. Căn cứ: Theo điểm k, khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chính phủ có thẩm quyền quy định các biện pháp khắc phục hậu quả khác ngoài các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này.  -Khoản 4 Điều 138 Luật Quản lý thuế (Hình thức xử phạt, mức phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả) cũng giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.  -Tham khảo Nghị định 28/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tại khoản 51 Điều 4 Nghị định này có quy định biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng, không đóng, trốn đóng.” cũng tương tự như biện pháp tính tiền chậm nộp trên số tiền thuế thiếu, chưa nộp vào NSNN. |
| **Điều *12*. Xử phạt hành vi vi phạm các quy định về cung cấp thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế** | |  |  |
| K1Đ12 | 1. Phạt tiền từ *2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng* đối với một trong các hành vi:  a) Cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ pháp lý liên quan đến đăng ký thuế theo thông báo của cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 05 ngày làm việc trở lên;  b) Cung cấp thông tin, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo thông báo của cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 05 ngày làm việc trở lên;  c) Cung cấp sai lệch về thông tin, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế quá thời hạn theo yêu cầu của cơ quan thuế. |  |  |
| K2Đ12 | 2. Phạt tiền từ *3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng* đối với một trong các hành vi:  a) Cung cấp không đầy đủ, không chính xác các thông tin, tài liệu, chứng từ, hoá đơn, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế trong thời hạn kê khai thuế; cung cấp không đầy đủ, không chính xác số hiệu tài khoản, số dư tài khoản tiền gửi cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu;  b) Không cung cấp đầy đủ, đúng các chỉ tiêu, số liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế phải đăng ký theo chế độ quy định, bị phát hiện nhưng không làm giảm nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước;  c) Không cung cấp; cung cấp không đầy đủ, không chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, công nợ bên thứ ba có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được cơ quan thuế yêu cầu. |  |  |
| K3Đ12 | *3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc cung cấp thông tin, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế, quản lý thuế theo thông báo của cơ quan thuế.* |  |  |
| **Điều *13*. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế** | | **1.VCCI:**  Điểm c Khoản 1 Điều 13 quy định xử phạt hành vi “từ chối, trì hoãn việc cung cấp hồ sơ, tài liệu, hóa đơn, chứng từ …” trong khung phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 5 triệu đồng.  - Điểm a Khoản 2 Điều 13 xử phạt hành vi “không cung cấp số liệu, tài liệu…” trong khung phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng.  Hành vi từ chối cung cấp hồ sơ tài liệu cũng được xem là hành vi không cung cấp số liệu, tài liệu, sổ kế toán. Điểm a Khoản 2 Điều 13 quy định cho cả hành vi thực hiện trong và ngoài thời hạn cơ quan nhà nước yêu cầu. Như vậy, hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và điểm a khoản 2 trên là chồng lấn và sẽ xảy ra hiện tượng, một hành vi có thể sẽ bị xử phạt hai khung phạt tiền khác nhau. Để đảm bảo tính minh bạch đề nghị loại trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 trong quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.(tương tự ý kiến Bộ Tư pháp) |
| K1Đ13 | 1. Phạt tiền từ *2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng* đối với một trong các hành vi:  a) *Không nhận* quyết định thanh tra, kiểm tra, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế *khi được tống đạt hợp lệ*;  b) Không chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra thuế quá thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phải chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền *mà không có lý do chính đáng*;  c) Từ chối, trì hoãn việc cung cấp hồ sơ, tài liệu, hoá đơn, chứng từ, sổ kế toán liên quan đến nghĩa vụ thuế quá thời hạn 06 giờ làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian kiểm tra, thanh tra tại trụ sở người nộp thuế *mà không có lý do chính đáng*;  d) Cung cấp không chính xác về thông tin, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế;  đ) Không ký biên bản kiểm tra, thanh tra trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản kiểm tra, thanh tra. | **1.Bộ KH&ĐT + Bộ Tư pháp:**  Tiết b, c Khoản 1 Điều 13 (trang 13) đề nghị quý Vụ làm rõ quy định về “lý do chính đáng”, thẩm quyền chấp nhận “lý do chính đáng” để đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện.  **2.Sở Tài chính Yên Bái:**  **Tại Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 13 Dự thảo Nghị định quy định:**  *“b) Không chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra thuế quá thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phải chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng;*  *c) Từ chối, trì hoãn việc cung cấp hồ sơ, tài liệu, hoá đơn, chứng từ, sổ kế toán liên quan đến nghĩa vụ thuế quá thời hạn 06 giờ làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian kiểm tra, thanh tra tại trụ sở người nộp thuế mà không có lý do chính đáng;”*  - Ý kiến tham gia: Thực tế khi NNT không chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra, hoặc từ chối, trì hoãn việc cung cấp hồ sơ tài liệu, hóa đơn sẽ đưa ra rất nhiều lý do. Vậy lý do chính đáng là gì? Đề nghị sửa lý do chính đáng bằng sự việc bất khả kháng  **3.Bộ Tư pháp:**  Bộ Tư pháp thấy rằng, hành vi *“từ chối, trì hoãn việc cung cấp hồ sơ, tài liệu, hoá đơn, chứng từ, sổ kế toán liên quan đến nghĩa vụ thuế…”* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định (bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng) có thể trùng lặp với hành vi *“không cung cấp số liệu, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế…”* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định (bị phạt tiền từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh sửa cho phù hợp bảo đảm quy định mức phạt tiền tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm hành chính, đồng thời, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo Nghị định. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ theo hướng bỏ cụm từ “có lý do chính đáng” vì các trường hợp bất khả kháng thì không xử phạt theo Điều 11 Luật XLVPHC.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ theo hướng bỏ cụm từ “có lý do chính đáng” vì các trường hợp bất khả kháng thì không xử phạt theo Điều 11 Luật XLVPHC.  3.Tiếp thu hoàn hiện dự thảo NĐ theo hướng bỏ cụm từ “từ chối, trì hoãn việc” tại điểm c khoản 1 để làm rõ hành vi tại điểm khoản 1 là chậm cung cấp hồ sơ tài liệu. |
| K2Đ13 | 2. Phạt tiền từ *5.000.000 đến 10.000.000 đồng*  đối với một trong các hành vi:  a) Không cung cấp số liệu, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu trong thời gian kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế;  b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyết định niêm phong hồ sơ tài liệu, két quỹ, kho hàng hoá, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị, nhà xưởng;  c) Tự ý tháo bỏ, thay đổi dấu hiệu niêm phong do cơ quan có thẩm quyền đã tạo lập hợp pháp;  d) Không chấp hành *quyết định* cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế của cơ quan có thẩm quyền. |  |  |
| **Điều *14.* Xử phạt hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn** | | **1.VCCI:**  Điểm d khoản 1 Điều 14 xử phạt đối với hành vi sử dụng hóa đơn chứng từ không hợp pháp nhưng chứng minh do lỗi của bên bán. Theo quy định này người mua không có lỗi mà thuộc về người bán. Trong trường hợp này dự thảo xử phạt người mua dường như chưa hợp lý và phù hợp với tính chất của vi phạm hành chính về thuế quy định tại khoản 1 Điều 2 “vi phạm hành chính về thuế là hành vi có lỗi của người nộp thuế”. Đề nghị không xử phạt người nộp thuế trong trường hợp này.   1. **Ý kiến NNT:**   **Đối với lỗi sử dụng hóa đơn không hợp pháp để kê khai làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được hoàn nhưng lỗi thuộc về bên bán hàng như nêu tại điểm 1đ, Điều 14 dưới đây**: để công bằng cho người mua, cơ quan thuế có thể áp dụng biện pháp truy thu số tiền thuế phải nộp bị thiếu hoặc số thuế được hoàn liên quan đến việc sử dụng hóa đơn này, và áp dụng phạt dành cho người bán vì không tuân thủ pháp luật thuế về hóa đơn chứng từ. | 1.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định để xử phạt với chế tài nhẹ hơn so với trường hợp bị xử phạt về trốn thuế. Quy định này được  kế thừa quy định tại NĐ 129/2013/NĐ-CP và NĐ 98/2007/NĐ-CP trước đây.  2.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì lỗi của người mua thuộc hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn theo Điều 23 dự thảo NĐ này. |
| K1Đ14 | 1. *Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế đã được hoàn cao hơn so với quy định đối với các hành vi sau đây:*  a) *K*hai sai *căn cứ tính thuế hoặc số tiền thuế được khấu trừ hoặc xác định sai trường hợp được miễn, giảm, hoàn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn nhưng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ hợp pháp*;  b) *K*hai sai làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số *tiền* thuế được miễn, giảm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, Khoản này nhưng *người nộp thuế đã tự giác kê khai bổ sung và nộp đủ số tiền thuế thiếu vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế kết thúc thời hạn thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế;*  c) Khai sai làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm đã bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản kiểm tra thuế, kết luận thanh tra thuế xác định là hành vi trốn thuế, nhưng người nộp thuế vi phạm lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt thì cơ quan thuế lập biên bản ghi nhận để xác định lại hành vi khai *sai dẫn đến* thiếu thuế;  *d) Khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn đối với giao dịch liên kết mà người nộp thuế đã lập hồ sơ xác định giá thị trường hoặc đã lập tờ khai giao dịch liên kết gửi cơ quan thuế theo quy định;*  *đ*) Sử dụng hoá đơn, chứng từ *không* hợp pháp để hạch toán giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm nhưng khi cơ quan thuế *thanh tra,* kiểm tra phát hiện, người mua chứng minh được lỗi vi phạm sử dụng hoá đơn *không* hợp pháp thuộc về bên bán hàng và người mua đã hạch toán kế toán đầy đủ theo quy định. | **1. Kiểm toán Nhà nước:**  Điểm c Khoản 1 Điều 14: phạt 20% ... đối với hành vi khai sai làm giảm số thuế phải nộp...là hành vi trốn thuế. Đề nghị rà soát lại do mẫu thuẫn vởi điểm b4 khoản 1 Điều 5.  **2.UBND TP.Hà Nội:**  Điểm b, c Khoản 1 Điều 14:  Trường hợp khai sai dẫn đến trốn thuế nhưng đáp ứng được các điệu kiện được chuyển sang hành vi khai sai. Thực tế, có một số trường hợp trốn thuế nhưng không kê khai nên dù NNT đã có các biện pháp khác phục hậu quả, có tình tiết giảm nhẹ nhưng không thể chuyển sang hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế phải nộp, do đó gây khó khăn lớn cho việc xử phạt, đặc biệt sẽ tăng số trường hợp phải truy cứu trách nhiệm hình sự do trốn thuế trên 100 triệu đồng. Dự thảo mới vẫn chưa thay đổi về trường hợp được chuyển sang khai sai. Để tạo điều kiện cho các trường hợp khác, tránh việc truy cứu tránh nhiệm hình sự đối với các trường hợp trốn thuế trên 100 triệu đồng mà không phải là khai sai dẫn đến trốn thuế, nên sửa đổi lại như sau:  Điều *14.* Xử phạt hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn  1.*:*...  b) *Khai sai hoặc không kê khai* làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số *tiền* thuế được miễn, giảm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, Khoản này nhưng *người nộp thuế đã tự giác* kê khai hoặc kê khai bổ sung và *nộp đủ số tiền thuế thiếu vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế kết thúc thời hạn thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế;*  c) *Khai sai hoặc không kê khai* làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm đã bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản kiểm tra thuế, kết luận thanh tra thuế xác định là hành vi trốn thuế, ~~nhưng người nộp thuế vi phạm lần đầu~~, có tình tiết giảm nhẹ và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt thì cơ quan thuế lập biên bản ghi nhận để xác định lại hành vi khai *sai dẫn đến* thiếu thuế;.  - Điểm d khoản 1 Điều 14: Về việc xử phạt hành vi khai sai (Điều 14 dự thảo Nghị định)  Điểm d, Khoản 1 Điều 14 Mục I Chương II dự thảo có nêu: “*d) Khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn đối với giao dịch liên kết mà người nộp thuế đã lập hồ sơ xác định giá thị trường hoặc đã lập tờ khai giao dịch liên kết gửi cơ quan thuế theo quy định;*  Đề nghị ban soạn thảo xem xét, làm rõ các nội dung sau:  + Nên sử dụng thống nhất khái niệm “Tờ khai” hay “phụ lục kèm theo Tờ khai”.  Lý do: theo quy định hiện hành thì không có khái niệm “Tờ khai giao dịch liên kết” mà chỉ có: *(i) Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết (nếu có) theo mẫu 03-7/TNDN kèm theo Tờ khai QT thuế TNDN theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư 156/2013/TT-BTC; (ii) Các phụ lục mẫu số 01, 20, 03, 04 theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP (kèm theo Tờ khai QT thuế TNDN)*.  Đề xuất: dùng đúng các từ ngữ quy định tại các văn bản có liên quan: “… *kkông kê khai Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết*…”  + Đề nghị làm rõ việc xử phạt trong các trường hợp NNT có hành vi vi phạm và bị ấn định thuế về giao dịch liên kết theo quy đinh tại Điểm a và Điểm d Khoản 3 Điều 12 Nghị định 20/2017/NĐ-CP:  *“3. Cơ quan thuế có quyền ấn định… trong các trường hợp người nộp thuế có các hành vi vi phạm pháp luật về xác định giá giao dịch liên kết sau:*  *“a) Người nộp thuế không kê khai, kê khai không đầy đủ thông tin hoặc không nộp Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; ...*  *d) Người nộp thuế có hành vi vi phạm các quy định về xác định giá giao dịch liên kết tại Điều 11 Nghị định này”.*  Cụ thể là trong trường hợp NNT thuộc trường hợp được miễn hồ sơ xác định giá thị trường nhưng có hành vi vi phạm “*không* *kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP”* nên bị ấn định về thuế.  Đề xuất:  Bổ sung hướng dẫn tại điểm d Khoản 1 Điều 14:  “NNT thuộc trường hợp được miễn hồ sơ xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết và bị ấn định thuế do không kê khai Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết gửi cơ quan thuế theo quy định”.  **3.Bộ Tư pháp:**  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh sửa tiêu đề của khoản 1 Điều 14 dự thảo Nghị định thành: *“Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn”* để bảo đảm tính đầy đủ, chính xác và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Luật Quản lý thuế năm 2019.  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ căn cứ pháp lý để quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 dự thảo Nghị định, bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.  **4.Hải Phòng:**  Tại Điểm a, Khoản 1, Điều 14 dự thảo Nghị định:  1. Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế đã được hoàn cao hơn so với quy định đối với các hành vi sau đây:  a) Khai sai căn cứ tính thuế hoặc số tiền thuế được khấu trừ hoặc xác định sai trường hợp được miễn, giảm, hoàn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn nhưng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ hợp pháp;  - Nội dung tham gia: đề nghị Ban soạn thảo xem xét sửa đổi cụm từ " xác định sai trường hợp" thành "xác định sai số tiền" do:  + Việc xác định sai trường hợp hoàn thuế, miễn, giảm thuế có trách nhiệm của cơ quan thuế khi ban hành quyết định;  + "Xác định sai số tiền" phù hợp với thực tế và bao hàm nhiều nguyên nhân dẫn đến thiếu số thuế phải nộp, tăng số thuế được hoàn. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì chuyển hình thức xử phạt nhẹ hơn đối với trường hợp người nộp thuế tự giác khắc phục hậu quả. Đồng thời, đây là quy định kế thừa tại NĐ 129/2013 áp dụng phù hợp với thực tiễn khuyến khích người nộp thuế tự giác khắc phục hậu quả.  2.Giữ nguyên vì việc xác định số thuế khai sai đối với hành vi vi phạm điều này phải căn cứ vào hành vi khai thuế của doanh nghiệp (Doanh nghiệp tự xác định số thuế phải nộp trên hồ sơ khai thuế). Hành vi không khai thuế thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 15 (trốn thuế).  -Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  - Giữ nguyên như dự thảo Nghị định để bao gồm các trường hợp. Việc ấn định số thuế phải nộp trong trường hợp này được thực hiện theo Luật Quản lý thuế và các Nghị định liên quan.  3.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì khai tăng số thuế được miễn giảm đồng nghĩa với thiếu số tiền thuế phải nộp. Quy định về tăng số thuế được miễn giảm, không thu tại Điều 138 Luật QLT áp dụng cho vi phạm hành chính về thuế xuất nhập khẩu do cơ quan hải quản quản lý thu.  -Điểm b, điểm c khoản 1 Điều 14 được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 129/2013/NĐ-CP hiện hành nhằm khuyến khích người nộp thuế tự giác khắc phục hậu quả, nộp thuế thiếu vào NSNN.  4.Giữ nguyên như thảo NĐ vì dự thảo đã quy định rõ hậu quả là dẫn đến thiếu thuế. |
| K2Đ14 | *2*. Các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này ngoài việc bị xử phạt theo quy định tại khoản *1* Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là nộp đủ số tiền thuế thiếu, *số tiền thuế được hoàn, miễn giảm sai*vào ngân sách nhà nước. Đồng thời, bị tính tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 59 Luật quản lý thuế. | **1.Bộ Quốc phòng:**  Chỉnh lý khoản 2 Điều 14 thành biện pháp khắc phục hậu quả.  **2.Bộ Tư pháp:**  - Khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định: *“Các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này ngoài việc bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn, miễn giảm sai vào ngân sách nhà nước. Đồng thời, bị tính tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 59 Luật Quản lý thuế”.*  Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 138 Luật Quản lý thuế năm 2019 thì: *“Các biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế bao gồm: a) Buộc nộp đủ số tiền thuế trốn, thiếu; b) Buộc nộp đủ số tiền đã miễn, giảm, hoàn, không thu thuế không đúng”.*  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa quy định tại khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định thành: *“2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu; số tiền thuế đã miễn, giảm, hoàn không đúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này”.* | 1.Tiếp thu, hoàn dự thảo  2.Tiếp thu 1 phần, hoàn chỉnh dự thảo. Do Điều 138 Luật QLT quy định chung cho cả lĩnh vực thuế và hải quan, trong lĩnh vực thuế không phát sinh trường hợp không thu thuế nên không tiếp thu ý này. |
| K3Đ14 | *3*. Trường hợp người nộp thuế có hành vi khai sai theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp, tăng số thuế được miễn, giảm hoặc chưa được hoàn thuế thì không bị xử phạt theo quy định tại Điều này mà xử phạt theo quy định tại khoản *3* Điều *10* Nghị định này. |  |  |
| **Điều *15.* Xử phạt hành vi trốn thuế** | |  |  |
| K1Đ15 | 1. Phạt tiền 1 lần tính trên số thuế trốn đối với người nộp thuế vi có từ một tình tiết giảm nhẹ trở lên khi *thực hiện* một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế hoặc nộp hồ sơ khai thuế sau 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc kể từ ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, trừ trường hợp quy định tại Khoản *5* Điều *11* Nghị định này;  *b)* Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không khai, khai sai *dẫn đến thiếu* số *tiền* thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, được miễn, giảm thuế, *trừ hành vi quy định tại Điều 14 Nghị định này*;  *c)* Không *lập* hoá đơn khi bán hàng hoá, dịch vụ hoặc *lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ sai về số lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ để khai thuế thấp hơn thực tế* và bị phát hiện sau thời hạn nộp hồ sơ khai thuế;  *d)* Sử dụng hoá đơn, chứng từ *không* hợp pháp; sử dụng *không* hợp pháp hoá đơn, chứng từ để khai thuế làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm;  *đ) Sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng bản chất giao dịch hoặc giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, giảm, số tiền thuế được hoàn;* *l*ập thủ tục, hồ sơ huỷ vật tư, hàng hoá không đúng thực tế làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn, được miễn, giảm;  *e)* Sử dụng hàng hoá thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích quy định mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng, khai thuế với cơ quan thuế;  *g)* Người nộp thuế *có hoạt động kinh doanh* trong thời gian xin *ngừng,* tạm ngừng *hoạt động* kinh doanh nhưng *không thông báo với cơ quan thuế.* | **1.UBND tỉnh Hòa Bình + Cục thuế Cà mau:**  Khoản 1 Điều 15 đề nghị sửa lại là: *“1. Phạt tiền 1 lần tính trên số thuế trốn đối với người nộp thuế vi* ***phạm*** *có từ một tình tiết giảm nhẹ trở lên khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau.”*  **2.Bộ VHTTDL:**  Điểm g Khoản 1 Điều 15 đề nghị bỏ cụm từ “người nộp thuế” để đảm bảo sự thống nhất về cách hành văn với các điểm còn lại thuộc khoản 1 Điều 15.  **3.UBND TP.Hà Nội:**  Khoản c Điểm 1 Điều 15: Tại khoản c điểm 1 Điều 15 chương II tại dự thảo Nghị định như sau:  …..c) Không lập hoá đơn khi bán hàng hoá, dịch vụ **Bổ sung cụm từ** *( trừ trường hợp người nộp thuế đã đã kê khai, tính nộp thuế tương ứng với giá trị hàng hóa đã bán nhưng chưa xuất hóa đơn)* hoặc lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ sai về số lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ để khai thuế thấp hơn thực tế và bị phát hiện sau thời hạn nộp hồ sơ khai thuế;  *Lý do đề xuất:* Thực tế qua công tác thanh tra, kiểm tra các đơn vị đã bán hàng nhưng tại thời điểm đơn vị đang trong quá trình bị cưỡng chế hóa đơn về nghĩa vụ thuể đơn vị đã tự kê khai thuế và xác định thời điểm để kê khai nghĩa vụ thuế với nhà nước về thuế TNDN, GTGT. Tuy nhiên tại thời điểm đơn vị kê khai nộp thuế đơn vị chưa xuất hóa đơn do đang trong thời hạn bị cưỡng chế hóa đơn hoặc làm thủ tục xin cấp hóa đơn bán lẻ chưa được thực hiện. Như vậy đối với trường hợp này chỉ xác định xử lý vi phạm hành chính về việc xuất hóa đơn không đúng thời điểm vì việc tính kê khai, tính thuế đơn vị đã kê khai và tính nộp thuế kịp thời không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp đối với việc bán hàng không xuất hóa đơn.  **5.Bộ Tư pháp:**  - Qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng, Điều 143 Luật Quản lý thuế năm 2019 về hành vi trốn thuế không quy định hành vi “*không khai, khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, được miễn, giảm thuế”.* Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ căn cứ quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với Luật Quản lý thuế năm 2019 và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì phù hợp với quy định của Luật QLT.  3.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  5.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì đây là quy định chi tiết khoản 2 Điều 143 Luật QLT và để phân định giữa hành vi khai thiếu thuế tại Điều 14 và hành vi trốn thuế tại Điều 15.  Đây cũng là quy định được kế thừa từ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP hiện hành. |
| K2Đ15 | 2. Phạt tiền 1,5 lần tính trên số tiền thuế trốn đối với người nộp thuế khi có một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này *trong trường hợp vi phạm mà không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.* |  |  |
| K3Đ15 | 3. Phạt tiền 2 lần tính trên số thuế trốn đối với người nộp thuế khi có một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp vi phạm mà có *một tình tiết tăng nặng*. |  |  |
| K4Đ15 | 4. Phạt tiền 2,5 lần tính trên số tiền thuế trốn đối với người nộp thuế khi có một trong các hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp vi phạm mà có *hai* tình tiết tăng nặng. |  |  |
| K5Đ15 | 5. Phạt tiền 3 lần tính trên số tiền thuế trốn đối với người nộp thuế khi có một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp vi phạm mà có ba tình tiết tăng nặng trở lên. |  |  |
| K6Đ15 | 6. Các hành vi trốn thuế bị xử phạt quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này còn bị buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là nộp đủ số tiền thuế trốnvào ngân sách nhà nước Số tiền thuế trốnlà số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật mà người nộp thuế bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và xác định trong biên bản *vi phạm hành chính*, *biên bản* kiểm tra, thanh tra. | **1. Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Khoản 6 Điều 15 dự thảo quy định: “6. Các hành vi trốn thuế bị xử phạt quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này còn bị buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là nộp đủ số tiền thuế trốnvào ngân sách nhà nước Số tiền thuế trốnlà số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định…”  Đề nghị thêm dấu cách giữa từ “trốn vào” và từ “trốn là”, thêm dấu (.) chấm câu trước “Số tiền thuế trốn là số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định…”.  **2.Bộ Tư pháp:**  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh sửa khoản 6 Điều 15 dự thảo Nghị định thành: *“6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp đủ số tiền thuế trốn đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này”.*  Đồng thời, đề nghị nghiên cứu, cân nhắc đưa nội dung: “*Số tiền thuế trốn là số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật mà người nộp thuế bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và xác định trong biên bản vi phạm hành chính, biên bản kiểm tra, thanh tra”* lên Điều 2 dự thảo Nghị định quy định về giải thích từ ngữ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của văn bản. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2. Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K7Đ15 | *7.* Các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều này bị phát hiện sau thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, nhưng không làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc chưa được hoàn thuế, không làm tăng số tiền thuế được miễn, giảm thì chỉ bị xử phạt về hành vi vi phạm về thủ tục thuế quy định tại khoản *3* Điều *10* Nghị định này. |  |  |
| K8Đ15 | *8***.** *Không áp dụng tình tiết tái phạm đối với hành vi quy định tại Điều này để xác định khung phạt tiền.* |  |  |
| **Điều *16*. Xử phạt vi phạm hành chính đối với *ngân hàng thương mại, bên bảo lãnh nộp tiền thuế*** | |  |  |
| K1Đ16 | *1.Phạt tiền tương ứng với số tiền không trích chuyển vào tài khoản của ngân sách nhà nước đối với ngân hàng thương mại không thực hiện trách nhiệm trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước theo yêu cầu cầu của cơ quan thuế, trừ trường hợp các tài khoản của người nộp thuế tại ngân hàng thương mại đó không còn số dư hoặc đã trích chuyển toàn bộ số dư tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước nhưng vẫn không đủ số tiền mà người nộp thuế phải nộp.* | **1.Cục Thuế Bắc Giang**  Tại Khoản 1, Điều 16 Chương II đề nghị bổ sung cụm từ “thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt VPHC” vào sau chữ số tiền sau khi bổ sung là: Phạt tiền tương ứng với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính không trích chuyển vào tài khoản của NSNN đối với ngân hàng thương mại … cho phù hợp với nội dung quy định tại Khoản 2.  **2.Ngân hàng Nhà nước:**  Khoản 1 Điều 16:  TT23/2014/TT-NHNN quy định: Chủ tài khoản thanh toán có nghĩa vụ “duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán theo quy định của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán” (điểm e khoản 2 Điều 5); tổ chức cung ứng tài khoản thanh toán nơi mở tài khoản thanh toán cho khách hàng có quyền “quy định số dư tài khoản tối thiếu trên tài khoản thanh toán và thông báo công khai, hướng dẫn cụ thể để khách hàng biết (điểm d Khoản 1 Điều 6).  Số dự tối thiếu trên tài khoàn dùng để duy trì việc quản lý, sử dụng tài khoản. Hiện nay hầu hết tổ chức tín dụng áp dụng số dư tối thiểu để duy trì tài khoản thanh toán bằng đồng VN là 50.000đ đối với cá nhân và 1.000.000đ đối với tổ chức. Trong trường hợp số dư tài khoản của NNT không đủ so với số tiền yêu cầu trích chuyển mà tổ chức tín dụng phải trích toàn bộ số dư (bao gồm số dư tối thiểu) thì tài khoản sẽ bị đóng. Khi có tiền chuyển đến tài khoản thì NNT cùng không nhận đc mà TCTD cũng không thể tiếp tục trích chuyển tiền của NNT khi cơ quan quản lý thuế đề nghị. Do vậy đề nghị sửa quy định tại dự thảo NĐ theo hướng bổ sung trừ số dư tối thiểu để duy trì tài khoản của NNT.  **2.Bộ Tư pháp:**  2.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung từ *“quản lý”* vào sau từ *“cơ quan”* nêu tại khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 144 Luật Quản lý thuế.  2.2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu không quy định khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định vì không phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.  **3.Cục Thuế Hà Nam:**  Đề nghị bỏ 01 từ “cầu” vì bị lặp” | 1. Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. 2. Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.   2.1.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì theo Luật QLT thì cơ quan quản lý thuế bao gồm cơ quan thuế và cơ quan hải quan, Nghị định này chỉ áp dụng trong lĩnh vực thuế cho nên việc quy định cơ quan thuế là phù hợp.  2.2. Khoản 2 Điều 16 được xây dựng trên cơ sở khoản 2 Điều 144 thuộc Mục 2 (Hành vi vi phạm về quản lý thuế), Chương XV (Xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế) nên thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định này.  3.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K2Đ16 | 1. Bên bảo lãnh phải nộp thay tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (nếu có) cho người nộp thuế theo nội dung cam kết tại văn bản bảo lãnh trong trường hợp người nộp thuế không nộp vào ngân sách nhà nước.   Nếu quá thời hạn *bảo lãnh* mà *người* nộp thuế chưa nộp hoặc chưa nộp đủ tiền thuế nợ, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt mà bên bảo lãnh chưa thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì bên bảo lãnh *bị tính* tiền chậm nộp *do chậm nộp tiền thuế, tiền phạt*  và *có thể* bị cưỡng chế theo quy định tại *Luật quản lý thuế*. | **1.Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa:**  Đề nghị sửa lại như sau:  *“2. Bên bảo lãnh phải nộp thay tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (nếu có) cho …Nếu quá thời hạn bảo lãnh mà người nộp thuế chưa nộp hoặc chưa nộp đủ tiền thuế nợ, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt mà bên bảo lãnh chưa thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì bên bảo lãnh bị tính tiền chậm nộp do chậm nộp tiền thuế, tiền phạt và* ***bị áp dụng biện pháp cưỡng chế*** *theo quy định tại Luật quản lý thuế.”* | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| **Điều *17*. Xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với tổ chức, cá nhân liên quan** | |  |  |
| K1Đ17 | *1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 05 ngày trở lên.* |  |  |
| K2Đ17 | *2*. *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân, phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với* tổ chức có hành vi:  *a)* Thông đồng, bao che người nộp thuế trốn thuế, không thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính thuế, trừ hành vi không trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế quy định tại Điều 16 Nghị định này;  *b)* Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến *tài sản, quyền, nghĩa vụ về tài sản* của người nộp thuế *do mình nắm giữ*; tài khoản của *người* nộp thuế tại tổ chức tín dụng, Kho bạc nhà nước. |  |  |
| **Điều *18*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về tự in hóa đơn; khởi tạo hóa đơn điện tử; *đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử*** | | **1.Cục Thuế Cần Thơ:**  Khoản 1, 2 Điều 18: đối với khoản 1b và Khoản 2 quy định giống nhau đều không đủ không đúng nội dung theo quy định. Như vậy trường hợp nào phạt cảnh cáo, trường hợp nào phạt tiền.  **2.UBND tỉnh Khánh Hòa:**  Tại điểm a. b Khoản 1; Điểm a, b Khoản 6 Điều 18 có nêu “*quy định tại điểm a khoản 2 …Điều này”* nhưng tại Khoản 2 Điều 18 không có điểm a.  Tại điểm c, d Khoản 6 Điều 18 có nêu “*quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 … điều này”* và “*quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này”* nhưng tại Điều 18 Khoản 1 không có điểm c; Khoản 2 không có điểm b; Khoản 3 không có điểm đ. Đề nghị rà soát và điều chỉnh.  **3.Cục Thuế Sơn La:**  Khoản 1 Khoản 6 Điều 18 xử phạt hành vi vi phạm tự in hóa đơn; khởi tạo hóa đơn điện tử; đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có nêu: “(*trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này), ... điểm c khoản 1 Điều này, ...điểm đ khoản 3 Điều này”.* Tuy nhiên khoản 2 không có điểm a khoản 1 không có điểm c và khoản 3 không có điểm đ. Vì vậy đề nghị xem xét hiệu chỉnh lại. | 1+2+3: Qua rà soát, Ban soạn soạn nhận thấy phần lớn hành vi tại Điều 18 chính là hành vi lập hóa đơn đã được quy định tại Điều 23 (nay là Điều 22), do đó đã bỏ Điều 18, chỉ giữ lại hành vi “cung cấp phần mềm tự in hóa đơn, phần mềm hóa đơn điện tử không đảm bảo nguyên tắc theo quy định…” để ghép vào Điều 30 (nay là Điều 29) về hành vi vi phạm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn. |
| K1Đ18 | *1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:*  *a) Tự in hóa đơn không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định nhưng đã tự khắc phục, đảm bảo phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, không ảnh hưởng đến số thuế phải nộp (trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này);*  *b) Khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này;* | **1.Kiểm toán Nhà nước:**  Điểm b Khoản 1 Điều 18 "b) Khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này;  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tự in hóa đơn, khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng nội dung hóa đơn theo quy định.". Đề nghị biên tập rõ sự khác nhau giữa các mức phạt đối với hành vi khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng nội dung hóa đơn theo quy định, trường hợp nào áp dụng mức phạt cảnh cáo, trường hợp nào áp dụng mức phạt tiền.  **2.Cục Thuế Lâm Đồng:**  .Tại khoản 1 Điều 18 đề xuất bỏ điểm b do trùng với khoản 2.  **3.Cục Thuế Cần Thơ +Thanh Hóa + Quang Nam:**  Tại Khoản 1 Khoản 6 Điều 18 quy định trích dẫn các điều khoản. Tuy nhiên, trong nội dung tại khoản 2 Điều 18 không có quy định các điểm a và điểm b mà khoản 1 và khoản 6 Điều 18 đã đề cập.  **4.Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Khoản 1a, 1b Điều 18 dự thảo quy định: ”1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Tự in hóa đơn không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định nhưng đã tự khắc phục, đảm bảo phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, không ảnh hưởng đến số thuế phải nộp (trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này);  b) Khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định (trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này)”.  Đề nghị xem lại đoạn câu (trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này). Lý do: Tại Khoản 2 Điều 18 dự thảo không có quy định quy định điểm a. | 1+3+4: Qua rà soát, Ban soạn soạn nhận thấy phần lớn hành vi tại Điều 18 chính là hành vi lập hóa đơn đã được quy định tại Điều 23 (nay là Điều 22), do đó đã bỏ Điều 18, chỉ giữ lại hành vi “cung cấp phần mềm tự in hóa đơn, phần mềm hóa đơn điện tử không đảm bảo nguyên tắc theo quy định…” để ghép vào Điều 30 (nay là Điều 29) về hành vi vi phạm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K2Đ18 | *2*. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với *một trong các* hành vi tự in hóa đơn, khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ *hoặc không* *đúng* nội dung hóa đơn theo quy định. | **1.Hải Phòng:**  bổ sung thêm hình phạt đối với việc tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC không đáp ứng đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư: “c) Tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử theo Thông tư số 32 nhưng không có phần mềm bán hàng hoá, dịch vụ kết nối với phần mềm kế toán, đảm bảo dữ liệu của hoá đơn điện tử bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ được tự động chuyển vào phần mềm (hoặc cơ sở dữ liệu) kế toán tại thời điểm lập hoá đơn”. Áp dụng đối với trường hợp Nghị định xử phạt có hiệu lực giao thời đối với cả hóa đơn sử dụng theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP và Nghị định 119/2019/NĐ-CP. | 1. Hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng bỏ hành vi vi phạm quy định về tự in hóa đơn và khởi tạo hóa đơn điện tử vì thực chất đây là hành vi lập hóa đơn xử phạt theo Điều 23. |
| K3Đ18 | *3*. Phạt tiền từ4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  a) Tự in hóa đơn khi không đủ các điều kiện quy định;  *b) Không đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trước khi sử dụng hóa đơn điện tử;*  *c) Đăng ký sai trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế;*  *d) Sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền không có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.*  *e*) Cung cấp phần mềm tự in hóa đơn không đảm bảo nguyên tắc theo quy định hoặc hóa đơn khi in ra không đáp ứng đủ nội dung quy định. | **1. Cục Thuế Cần Thơ + Thanh Hóa:**  Khoản 3c Điều 18 đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không mã đã được quy định tại NĐ119. Việc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của các doanh nghiệp đều gửi tới cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và cơ quan thuế sẽ trả lời chấp nhận hoặc không chấp nhận sau 01 ngày làm việc. Do đó, việc quy định xử phạt từ 4 đến 8 triệu đồng đối với hành vi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử sai trường hợp là hết sức vô lý. Đề nghị bỏ quy định này. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K4Đ18 | *4.* Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tự in hóa đơn giả (trừ trường hợp xác định do lỗi khách quan của phần mềm tự in hóa đơn) và hành vi khởi tạo hóa đơn điện tử giả. | **1.Bộ Tư pháp:**  - Khoản 4 Điều 18 dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi *“tự in hóa đơn giả” và “khởi tạo hóa đơn điện tử giả”,* Bộ Tư pháp thấy rằng, hành vi này có sự trùng lặp với hành vi phạm tội “in trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hành vi phạm tội: *“làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ hành vi nêu trên và các hành vi khác quy định tại dự thảo Nghị định, chỉnh sửa theo hướng làm rõ các dấu hiệu cấu thành hành vi vi phạm hành chính để xác định rõ ranh giới giữa hành vi vi phạm hành chính và hành vi phạm tội nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự hiện hành cũng như bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tạo thuận lợi cho cơ quan, người có thẩm quyền có cơ sở để xử phạt. | 1.Nghị định này chỉ áp dụng xử phạt đối với những hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Qua rà soát các hành vi này đã được đưa vào trường hợp hóa đơn không hợp pháp. |
| K5Đ18 | *5*. Hình thức xử phạt bổ sung: đình chỉ quyền tự in hóa đơn từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành *đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.* |  |  |
| K6Đ18 | *6*. Biện pháp khắc phục hậu quả  *a)* *B*uộc hủy các hóa đơn được in hoặc khởi tạo không đúng quy định *đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này*.  *b) Buộc phải khởi tạo, đăng ký hóa đơn điện tử đúng quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2, điểm b, c khoản 3 Điều này.*  *c) Buộc bổ sung thông tin trên đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2, điểm d khoản 3 Điều này.*  *d) Buộc kết chuyển dữ liệu điện tử từ máy tính tiền với cơ quan thuế đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.* | **1. Sở Tài chính Đà Nẵng + Cục Thuế Thanh Hóa + Cục Thuế Hà Nam + Bộ Tư pháp:**  Đề nghị rà soát trích dẫn điều khoản tại các biện pháp khắc phục hậu quả. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng bỏ biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều này vì các hành vi tại điều này trùng lặp với hành vi lập hóa đơn. |
| **Điều *19*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về đặt in hóa đơn** | | **1.Cục Thuế Bắc Giang + Cà Mau + Quảng Nam:**  Tại Điều 19 nên xem lại thứ tự các Khoản, hiện trên dự thảo không có Khoản 4  **2.VCCI:**  Hành vi quy định tại Khoản 1 và điểm a Khoản 3 dường như chưa phù hợp với tính chất của hành vi vi phạm hành chính, bởi đây là giao dịch dân sự giữa bên đặt và nhận in do pháp luật về dân sự điều chỉnh. Xét trong mối quan hệ quản lý nhà nước, các hành vi này không tác động đáng kể (bên đặt in và bên nhận in dù có kỳ hợp đồng bằng văn bản, lời nói, hay hình thức khác hay không cũng không thay đổi bản chất của giao dịch giữa hai bên, nhà nước sẽ nắm được thông tin về số hóa đơn được in và phát hành dựa trên báo cáo của các chủ thể này). Vì vậy, đề nghị bỏ các quy định trên. Tương tự đề nghị bỏ điểm a khoản 3 Điều 20. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì hợp đồng in là cơ sở để giám sát các cơ sở in và bảo đảm tính pháp lý của hóa đơn |
| K1Đ19 | *1.* Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với *bên đặt in và bên nhận in hóa đơn đối với* hành vi đặt in hóa đơn mà không ký hợp đồng in bằng văn bản *hoặc tổ chức nhận in hóa đơn tự in hóa đơn đặt in để sử dụng nhưng không có quyết định in hóa đơn của thủ trưởng đơn vị theo quy định*. |  |  |
| K2Đ19 | *2****.*** Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi đặt in hóa đơn khi cơ quan thuế đã có văn bản thông báo tổ chức, doanh nghiệp không đủ điều kiện đặt in hóa đơn, trừ trường hợp cơ quan thuế không có ý kiến bằng văn bản khi nhận được đề nghị sử dụng hóa đơn đặt in của tổ chức, doanh nghiệp. |  |  |
| K3Đ19 | *3.* Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  a) Không thanh lý hợp đồng in nếu quá thời hạn thanh lý hợp đồng quy định trong hợp đồng đặt in hóa đơn hoặc thời điểm kết thúc hợp đồng khi đã lập tờ *t*hông báo phát hành hóa đơn;  b) Không hủy hóa đơn đặt in chưa phát hành nhưng không còn sử dụng theo quy định. |  |  |
| K4Đ19 | *5.* Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn đặt in chưa phát hành cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng. | **1.Bộ Quốc phòng:**  Tại Điều 19, đề nghị bổ sung khoản 4 quy định xử phạt đối với hành vi chuyển nhượng toàn bộ hoặc một khâu bất kỳ trong hợp đồng in hóa đơn cho cơ sở in khác. | 1.Không tiếp thu vì hành vi này chỉ phù hợp với tổ chức in hóa đơn (đã được quy định tại khoản 5 Điều 20 nay là Điều 19), không phù hợp với tổ chức đặt in hóa đơn. |
| K5Đ19 | *6.* Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đặt in hóa đơn giả. |  |  |
| K6Đ19 | 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc hủy các hóa đơn đặt in không đúng quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản *2*, khoản *5* và khoản *6* Điều này. |  |  |
| **Điều *20*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về in hóa đơn đặt in** | |  |  |
| K1 Đ20 | 1. *Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:* 2. *Báo cáo về việc nhận in hóa đơn quá thời hạn theo quy định từ 01 đến 05 ngày;* 3. *Báo cáo về việc nhận in hóa đơn quá thời hạn theo quy định từ từ 06 ngày đến 10 ngày và có tình tiết giảm nhẹ.* | **1.Cục Thuế Bắc Giang + Cà Mau + Hà Nam:**  Tại Khoản 1, Điều 20 ghi: “… *Báo cáo về việc nhận in hóa đơn quá thời hạn theo quy định từ từ 06 ngày đến 10 ngày và có tình tiết giảm nhẹ”*  Nên bỏ chữ từ sau khi bỏ đi sẽ là: “… *Báo cáo về việc nhận in hóa đơn quá thời hạn theo quy định từ 06 ngày đến 10 ngày và có tình tiết giảm nhẹ”.* | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K2Đ20 | *2*. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo việc in hóa đơn *quá thời hạn* theo quy định *từ trên 06 ngày (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).* |  |  |
| K3Đ20 | *3*. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  a) Không thanh lý hợp đồng in nếu quá thời hạn thanh lý hợp đồng quy định trong hợp đồng đặt in hóa đơn hoặc thời điểm kết thúc hợp đồng khi bên đặt in đã hoàn thành thủ tục thông báo phát hành;  b) Không hủy các sản phẩm in hỏng, in thừa khi tiến hành thanh lý hợp đồng in. |  |  |
| K4Đ20 | *4*. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  a) Nhận in hóa đơn đặt in khi không đáp ứng đủ điều kiện quy định *in hóa đơn*;  b) Không khai báo việc làm mất hóa đơn trong khi in, trước khi giao cho khách hàng. |  |  |
| K5Đ20 | *5*. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chuyển nhượng toàn bộ hoặc một khâu bất kỳ trong hợp đồng in hóa đơn cho cơ sở in khác.  *Trường hợp tổ chức nhận đặt in hóa đơn chuyển nhượng khâu in ra phim (chế bản) cho cơ sở in khác thì bị xử phạt ở mức tối thiểu của khung phạt tiền quy định tại Khoản này.* | **1.Bộ Tư pháp:**  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ lý do, căn cứ quy định nội dung: “*Trường hợp tổ chức nhận đặt in hóa đơn chuyển nhượng khâu in ra phim (chế bản) cho cơ sở in khác thì bị xử phạt ở mức tối thiểu của khung phạt tiền quy định tại Khoản này”* tại khoản 5 Điều 20 dự thảo Nghị định. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng bỏ đoạn quy định này. |
| K6Đ20 | *6*. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến45.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn đặt in của khách hàng này cho khách hàng khác. |  |  |
| K7Đ20 | *7*. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi in hóa đơn giả. |  |  |
| K8Đ20 | *8*. Hình thức xử phạt bổ sung: đình chỉ in hóa đơn từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành *đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này*. | **1.Bộ Tư pháp:**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung từ *“hoạt động”* vào trước cụm từ *“in hóa đơn”* tại khoản 8 Điều 20 dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật XLVPHC. | 1.Tiêp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K9Đ20 | *9*. Biện pháp khắc phục hậu quả: b*uộc* hủy các hóa đơn cho bán hoặc hóa đơn giả *đối với hành vi quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều này*. |  |  |
| **Điều *21*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về mua hóa đơn *của cơ quan thuế*** | | **1.UBND tỉnh Khánh Hòa:**  Điều 21 có cụm từ *“Hóa đơn* *được mua đã hết giá trị sử dụng”,* đề nghị làm rõ nghĩa cụm từ này khi áp dụng việc xử phạt. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì hóa đơn đã hết giá trị sử dụng được quy định tại Nghị định về hóa đơn chứng từ. |
| K1Đ21 | 1. Phạt tiềntừ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không hủy hóa đơn được mua đã *hết giá trị* sử dụng. |  |  |
| K2Đ21 | *2*. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng 50.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn đã mua nhưng chưa lập. | **1.Cục Thuế Hà Nam:**  Đề nghị bổ sung từ “đến” trước cụm từ “50.000.000 đồng” | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K3Đ21 | *3*. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc hủy hóa đơn được mua đã hết *giá trị* sử dụng, hóa đơn đã mua và chưa lập *đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này*. |  |  |
| **Điều *22*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về phát hành hóa đơn** | | **1.Cục Thuế Ninh Bình + Cục Thuế Thanh Hóa + UBND tỉnh Khánh Hòa:**   * Điểm a Khoản 1 ghi “a) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp *khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh;”.* Quy định này không xác định cụ thể về thời hạn chậm nộp thông báo điều chỉnh thông tin, đề nghị sửa: “*Chậm nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh sau 10 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn theo thông tin mới.”*   Tương tự, tại Điểm c Khoản 2 ghi: *“c) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp;”* Đề nghị sửa *“c) Chậm nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp từ sau 20 ngày, kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn them thông tin mới;”*  **2.Cục Thuế Hải Phòng:**  Tại điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 22 của Dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung thêm từ “ Không” ở đầu câu và cụm từ “khi thay đổi cơ quan quản lý thuế” ở cuối điểm c; Khi đó nội dung sửa thành:  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi:  “a) Không nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh”  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  “c) Không nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi cơ quan quản lý thuế” | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo như kiến nghị của UBND tỉnh Khánh Hòa và Cục Thuế Ninh Bình, Thanh Hóa nêu trên. |
| K1Đ22 | 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi:  a) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp *khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh;*  *b)* Nộp bảng kê hóa đơn chưa sử dụng đến cơ quan thuế nơi chuyển đến khi doanh nghiệp thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm sau 10 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới *hoặc bắt đầu sử dụng hóa đơn với tên mới*;  *c*) Sử dụng hóa đơn đã được thông báo phát hành với cơ quan thuế nhưng chưa đến thời hạn sử dụng (0*2* ngày kể từ ngày gửi thông báo phát hành). | **1.Cục Thuế Cần Thơ:**  Điểm c Khoản 1 Điều 22 “Sử dụng hóa đơn đã được thông báo phát hành với cơ quan thuế nhưng chưa đến thời hạn sử dụng (0*5* ngày kể từ ngày gửi thông báo phát hành). Quy định thời hạn 5 ngày tại TT39 đã được sửa đổi tại TT37/2017 (02 ngày).  Điểm a Khoản 1 Điều 22: nội dung này chưa hết ý, nộp chậm sau thời gian bao lâu thì bị phạt, còn đây nộp mà vẫn phạt.  **2.Cục Thuế Quảng Ninh + Cục Thuế Sơn La + Cục Thuế Hà Nam + UBND TP.Hà Nội:**  Điểm a Khoản 1 Điều 22 chưa rõ ràng về hành vi. Đề nghị xem xét sửa lại cho rõ ý. | 1.Tiếp thu theo hướng bỏ quy định cụ thể số ngày do hiện tại việc sử dụng hóa đơn được chấp nhận ngay khi có thông báo, nếu đúng quy định của pháp luật về hóa đơn.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K2Đ22 | 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  a) Lập thông báo phát hành hóa đơn không đầy đủ nội dung theo quy định *đã được cơ quan thuế phát hiện và có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để điều chỉnh nhưng tổ chức, cá nhân chưa điều chỉnh mà đã lập hóa đơn giao cho khách hàng*;  b) Không niêm yết thông báo phát hành hóa đơn theo đúng quy định;  c) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp;  *d)* Nộp bảng kê hóa đơn chưa sử dụng đến cơ quan thuế nơi chuyển đến khi doanh nghiệp thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp từ sau 20 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới. | **1.Cục Thuế Cần Thơ + Cục Thuế Cà Mau + Cục Thuế Sơn La + Cục Thuế Quảng Nam + Cục Thuế Hà Nam + UBND TP.Hà Nội:**  Điểm c Khoản 2 Điều 22: nội dung này chưa hết ý, nộp chậm sau thời gian bao lâu thì bị phạt, còn đây nộp mà vẫn phạt.  **2.Cục Thuế Sơn La:**  Để phù hợp với các quy định hiện hành và giúp cơ quan thuế kịp nắm bắt tình hình sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp khi thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, đề nghị xem xét sửa lại như sau: *d) Nộp bảng kê hóa đơn chưa sử dụng đến cơ quan thuế nơi chuyển … từ sau ~~20~~* ***10*** *ngày* ***làm việc*** *kể từ ngày ~~bắt đầu sử dụng hóa đơn~~* ***chuyển đến*** *tại địa chỉ mới.* | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2.Giữ nguyên quy định chậm nộp 20 ngày như hiện hành vì phù hợp với thực tiễn sử dụng hóa đơn có độ trễ hơn so với thời hạn thay đổi đăng ký thuế. |
| K3Đ22 | *3.* Phạt tiền từ6.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với hành vi không lập thông báo phát hành hóa đơn trước khi hóa đơn được đưa vào sử dụng nếu các hóa đơn này gắn với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. |  |  |
| K4Đ22 | *4.* Biện pháp khắc phục hậu quả: b*uộc* thực hiện thủ tục phát hành hóa đơn theo quy định *đối với hành vi quy định tại điểm a, b khoản 1 và điểm a, c, d khoản 2 Điều này*. |  |  |
| K5Đ22 | *5. Trường hợp tổ chức, cá nhân không lập thông báo phát hành hóa đơn trước khi hóa đơn được đưa vào sử dụng nếu các hóa đơn này không gắn với nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc chưa được kê khai, nộp thuế theo quy định thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 27 Nghị định này hoặc Điều 14, Điều 15 Chương II Nghị định này.* | 1. **Sở Tài chính Long An:**   Đề nghị bổ sung cụm từ “quá hạn khai thuế mà” vào Khoản 5 Điều 22:  *“5. Trường hợp tổ chức, cá nhân không lập thông báo phát hành hóa đơn trước khi hóa đơn được đưa vào sử dụng nếu các hóa đơn này không gắn với nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc* ***quá hạn khai thuế mà*** *chưa được kê khai, nộp thuế theo quy định thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 27 Nghị định này hoặc Điều 14, Điều 15 Chương II Nghị định này.”.* Lý do có trường hợp DN sử dụng hóa đơn trước khi phát hành nhưng phát hiện ngay và báo cáo đến cơ quan thuế nhưng chưa đến kỳ kê khai, nộp thuế. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| **Điều *23*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về *lập* hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ** | |  |  |
| K1Đ23 | 1. *Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:* 2. *Lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế và có tình tiết giảm nhẹ;* 3. *Lập hóa đơn liên tục từ số nhỏ đến số lớn nhưng khác quyển (quyển có số thứ tự lớn hơn dùng trước), tổ chức, cá nhân sau khi phát hiện ra đã hủy (không dùng) quyển có số thứ tự bé hơn.*   *Ví dụ: Công ty X có nhiều cơ sở bán hàng. Công ty X phân chia các quyển hóa đơn đặt in cho các cơ sở bán hàng. Cửa hàng Y thuộc Công ty X được nhận 2 quyển hóa đơn (quyển thứ 1 từ số 501 đến số 550 và quyển thứ 2 từ số 551 đến số 600). Nhân viên bán hàng của cửa hàng Y đã sử dụng quyển thứ 2 trước (hóa đơn được lập liên tục từ số nhỏ đến số lớn). Sau khi sử dụng một số hóa đơn mới phát hiện ra, cửa hàng Y tiếp tục sử dụng quyển hóa đơn thứ 2 cho đến hết và hủy (không dùng) quyển thứ nhất.*  *c) Lập sai loại hóa đơn theo quy định và đã giao cho người mua hoặc đã kê khai thuế, bên bán và bên mua phát hiện việc lập sai loại hóa đơn và lập lại loại hóa đơn đúng theo quy định trước khi cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế và không ảnh hưởng đến việc xác định nghĩa vụ thuế.* | **1.Bộ KH&ĐT:**  Khoản 1 điểm b: đề nghị quý Bộ nghiên cứu, quy định rõ, cụ thể hơn hành vi vi phạm và cân nhắc việc sử dụng ví dụ minh họa tại dự thảo NĐ.  **2.Cục Thuế Cần Thơ:**  Điểm c Khoản 1 Điều 23: nội dung này chỉ thực hiện đối với hóa đơn giấy, không thực hiện được đối với hóa đơn tự in, hóa đơn điện tử. Ở nội dung này đang hướng dẫn chung cho tất cả các loại hóa đơn nên chưa đầy đủ nội dung. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo  2.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì áp dụng chung đối với các loại hóa đơn. |
| K2Đ23 | *2*. Phạt tiền từ *5*00.000 đồng đến *1.500*.000 đồng đối với *một trong các* hành vi *sau đây:*  a) Không lập đủ các nội dung bắt buộc trên hóa đơn theo quy định, trừ các trường hợp hóa đơn không nhất thiết phải lập đầy đủ các nội dung theo *quy định*.  *b*) Không lập hóa đơn tổng hợp theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;  *c) Không gạch chéo, hủy, xóa bỏ đối với hóa đơn đã lập, hóa đơn chưa lập, hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo quy định;* | 1**.Cục Thuế Cần Thơ:** Trong các nội dung bắt buộc phải có của hóa đơn, nội dung: tên, địa chỉ của người mua và của người bán rất dễ có sai sót. Trong các văn bản hiện hành và dự thảo TT hướng dẫn NĐ 119 cũng hướng dẫn: nếu MST ghi đúng, chỉ sai sót về tên, địa chỉ thì phải lập thông báo điều chỉnh thông tin trên hóa đơn, không phải lập lại hóa đơn thay thế và bị xử phạt. Với nội dung hàng hóa, dịch vụ viết sai, người bán được lập thay thế hóa đơn. Do vậy, đề nghị bỏ quy định xử phạt nếu lập “không đúng” các nội dung bắt buộc của hóa đơn.  **2.Sở Tài chính Vĩnh Long:**  Bổ sung điểm d vào khoản 2 Điều 23 dự thảo Nghị định:  “*d. Điều chỉnh hóa đơn không đúng quy định tại khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 24 Nghị số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ.”*  vì thực tế có phát sinh trường hợp người bán phát hiện hóa đơn có sai sót, tự điều chỉnh hóa đơn mà không lập biên bản điều chỉnh hóa đơn, không gửi hóa đơn cho người mua biết để kê khai bổ sung điều chỉnh. Hành vi này chưa có quy định xử phạt.  **3.Cục Thuế Quảng Nam:**  Điểm c Khoản 2 Điều 23 quy định: *c) Không gạch chéo, hủy, xóa bỏ đối với hóa đơn đã lập, hóa đơn chưa lập, hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo quy định;*  Đề nghị xem xét làm rõ nội dung sai phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 23. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì các nội dung bắt buộc trên hóa đơn được quy định cụ thể tại Nghị định hóa đơn chứng từ.   1. Không tiếp thu vì trường hợp này khó xác định hành vi trong thực tiễn và việc quy định chế tài này xử phạt đối với hành vi này bất hợp lý.   3.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng bỏ hành vi này. |
| K3Đ23 | *3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế (trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này).* |  |  |
| K4Đ23 | *4*. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  a) Lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ *(trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều này)*;  b) Lập hóa đơn không theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn theo quy định *(trừ trường hợp phạt cảnh cáo theo điểm b khoản 1 Điều này)*;  c) Ngày ghi trên hóa đơn trước ngày mua hóa đơn của cơ quan thuế;  ~~d) Lập hóa đơn nhưng không giao cho người mua, trừ trường hợp trên hóa đơn ghi rõ người mua không lấy hóa đơn hoặc hóa đơn được lập theo bảng kê;~~  *d*) Lập sai loại hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và đã giao cho người mua hoặc đã kê khai thuế *(trừ trường hợp phạt cảnh cáo theo điểm c khoản 1 Điều này);*  *đ) Lập hóa đơn điện tử khi chưa có thông báo chấp thuận của cơ quan thuế hoặc trước ngày cơ quan thuế chấp nhận việc sử dụng hóa đơn điện tử;*  *g)Lập hóa đơn khống (hóa đơn đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng không phát sinh việc mua bán hàng hóa dịch vụ); lập hóa đơn phản ánh giá trị không đúng thực tế phát sinh;*  *h) Không lập bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn đơn điện tử gửi cơ quan thuế;*  *i) Ngày ghi trên hóa đơn đã lập không trùng với ngày ký trên hóa đơn hoặc ngày lập hóa đơn trên 3 liên không trùng khớp;*  *k) Lập hóa đơn bán hàng trong thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh nhưng có kê khai thuế.* | **1.Cục Thuế Bắc Giang:**  Tại Điểm i, Khoản 4, Điều 23 Chương III đề nghị bỏ: *Ngày ghi trên hóa đơn đã lập không trùng với ngày ký trên hóa đơn* thành như sau: i). *Ngày lập hóa đơn trên 3 liên không trùng khớp;* Vì tại Điểm e, Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/10/2019 của Bộ Tài chính quy định: Thời điểm lập hóa đơn điện tử xác định theo thời điểm người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm (ví dụ: ngày 30 tháng 4 năm 2019) và phù hợp với hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này.  **2.Cục Thuế Cần Thơ:**  Điểm c Khoản 4 Điều 23 đề nghị bổ sung “Ngày ghi trên hóa đơn đã lập xảy ra trước ngày mua hóa đơn của cơ quan thuế *hoặc trước ngày thông báo phát hành hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in.*  Điểm K Khoản 4 Điều 23 đề nghị ghi rõ lập hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ ... để không nhầm lần với các loại hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT.  **3.Cục Thuế Cà Mau:**  Điểm đ, Khoản 2 Điều 23: đối với hóa đơn điện tử, cơ quan thuế không còn dịch vụ bán hóa đơn cho người kinh doanh mà chỉ còn cấp từng lần. Do vậy, đề nghị bỏ điểm đ quy định “ Ngày ghi trên hóa đơn đã lập xảy ra trước ngày mua hóa đơn của cơ quan thuế”.  Khoản 4 Điều 23 đề nghị điều chỉnh bố cục tại điểm a, b, c cho hợp lý.  **4.Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Khoản 4 Điều 23 dự thảo quy định: Thứ tự các điểm a, b, c, d, đ, g, h, i, k. Đề nghị sửa lại thứ tự các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i.  **5.Cục Thuế Hà Nam:**  Đề nghị bỏ 01 từ “đơn” tại điểm h khoản 6 Điều 23 vì bị lặp | 1.Giữ nguyên vì phù hợp với hóa đơn điện tử.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ theo hướng bổ sung cụm từ “đã lập” vào trước cụm từ trước ngày mua hóa đơn của cơ quan thuế. Không tiếp thu đoạn “*hoặc trước ngày thông báo phát hành hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in”vì hành vi này đã bị xử phạt theo Điều 27 (nay là Điều 26)*  Tiếp thu hoàn thiện điểm k khoản 4.  3.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì phù hợp với NĐ về hóa đơn, chứng từ.  Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  4.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  5.Tiếp thu theo hướng bỏ hành vi tại điểm h khoản 4 Điều 23 vì hành vi này trùng với hành vi chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử tại Điều 29. |
| K5Đ23 | *5*. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ *bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất*cho người mua theo quy định. |  |  |
| K6Đ23 | *6.* Biện pháp khắc phục hậu quả  *a) Buộc hủy hóa đơn đã lập không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, h, i, l khoản 3 Điều này.*  *b) Buộc lập hóa đơn điện tử đúng loại giao cho người mua đối với hành vi quy định tại điểm e khoản 3 Điều này.*  *c) Buộc tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử gửi cơ quan thuế đối với hành vi quy định tại điểm k Khoản 3 Điều này.*  *d) Buộc lập hóa đơn đúng quy định giao cho người mua đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.* | **1.Bộ KH&ĐT+Bộ Tư pháp+ Sở Tài chính Đà Nẵng + Cục Thuế Cà Mau, Sơn La, Quảng Nam, Hà Nam:**  đề nghị rà soát lại các khoản, điểm dẫn chiếu theo khoản 3 vì trong dự thảo thì khoản 3 không có các điểm chi tiết (a, h, I, l…) đề nghị rà soát tương tự đối với toàn bộ dự thảo NĐ. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| ***Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn*** | | **1.UBND TP.Hà Nội**  Dự thảo nghị định mới nêu các quy định xử phạt cụ thể về hành vi khai báo mất cháy hỏng hóa đơn (hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập). Còn hành vi khai báo mất cháy hỏng hóa đơn đối với hóa đơn đã phát hành hoặc đã sử dụng lại không thấy ghi rõ.  Nếu đã có một điều riêng để quy định xử phạt về hành vi khai báo mất cháy hỏng hóa đơn thì cần bao quát hết các trường hợp để tránh trường hợp nhầm lẫn hoăc trùng với hành vi tại điều 28: “Điều 28. Xử phạt hành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế (trừ thông báo phát hành hóa đơn)” | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì Điều này quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm về khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn. Đối với hành vi mất, cháy, hỏng hóa đơn được bị xử phạt tại Điều 25 nay là Điều 24 dự thảo này. |
| K1Đ24 | 1. *Phạt cáo đối với hành vi khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn (hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập) cho cơ quan thuế quá thời từ 01 ngày đến 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn khai báo theo quy định và có tình tiết giảm nhẹ.* | **1.Cục Thuế Bắc Giang + Cục Thuế Cần Thơ + Cục Thuế Cà Mau + Sở Tài chính Trà Vinh:**  Đề nghị bổ sung thêm chữ cáo vào sau chữ cảnh, cụ thể: “*Phạt cảnh* ***cáo đối*** *với…”.* | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K2Đ24 | *2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn (hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập) cho cơ quan thuế quá thời từ 01 ngày đến 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn khai báo theo quy định (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).* |  |  |
| K3Đ24 | *3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối vớ một trong các hành vi sau đây:*  *a) Khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn (hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập) cho cơ quan thuế quá thời hạn từ 6 ngày trở lên kể từ ngày hết thời hạn khai báo theo quy định;*  *b) Không khai báo đúng quy định việc mất hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập.* | **1.Cục Thuế Bắc Giang:**  Tại Khoản 3, Điều 24 ghi: “*đối vớ một trong các hành vi sau đây”.*  Nên thêm chữ i cạnh sau chữ vớ sau khi thêm sẽ là: “*đối với một trong các hành vi sau đây”.* | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| ***Điều 25. Xử phạt hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn của bên bán, bên mua hàng*** | | **1.Bộ KH&ĐT:**  Điều 25 (trang 24): đề nghị quý Bộ nghiên cứu, bổ sung thêm các quy định về hình thức xử lý trong trường hợp tổ chức, cá nhân làm mất cháy hỏng hóa đơn do nguyên nhân khách quan như thiên tai, hỏa hoạn… để phù hợp với bản chất sự việc và thực tiễn phát sinh.  **2.Cục Thuế Cần Thơ:**  Đề nghị bổ sung vào Điều 25 nội dung sau: “*làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã phát hành, đã mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập (các liên của 1 số hóa đơn) nhưng khách hàng chưa nhận được hóa đơn”.*  **3.Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Điều 25 đề nghị bỏ điểm a. Lý do: tại Điều 25 không có điểm b và điểm c. | 1.Không tiếp thu vì trường hợp mất cháy hỏng do nguyên nhân bất khả kháng thuộc trường hợp không xử phạt theo Điều 11 Luật XLVPHC.  2.Không tiếp thu vì hóa đơn chưa lập bị mất, cháy hỏng vì bị xử phạt theo khoản 4 Điều này.  3.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K1Đ25 | *1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:*  *a) Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng), người bán và người mua lập biên bản ghi nhận sự việc, người bán đã kê khai, nộp thuế, có hồ sơ, chứng từ chứng minh việc mua bán hàng hóa và từ hai tình tiết giảm nhẹ.*  *~~b) Làm mất, chảy, hỏng hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng) đã bị cơ quan thuế lập biên bản vi phạm hành chính nhưng người bán tìm lại được hóa đơn đã mất (liên giao cho khách hàng) khi cơ quan thuế chưa ban hành quyết định xử phạt (đối với trường hợp bên bán làm mất, cháy, hỏng hóa đơn).~~*  *~~c) Làm mất, chảy, hỏng hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng) đã bị cơ quan thuế lập biên bản vi phạm hành chính nhưng người mua tìm lại được hóa đơn đã mất (liên giao cho khách hàng) khi cơ quan thuế chưa ban hành quyết định xử phạt (đối với trường hợp bên mua làm mất, cháy, hỏng hóa đơn).~~* | **1.Cục Thuế tỉnh Ninh Bình:**  - Điểm a khoản 1 đề nghị bỏ cụm từ "*một trong các"* và điểm *"a)"* vì tại khoản này chỉ có 1 hành vi phạt cảnh cáo. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K2Đ25 | *2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng), người bán và người mua lập biên bản ghi nhận sự việc, người bán đã kê khai, nộp thuế, có hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc mua bán hàng hóa và một tình tiết giảm nhẹ.* | **2.Sở Tài chính Trà Vinh**  Tại Điểm b Khoản 3 Điều 24 (trang 24) đề nghị quy định rõ ngày thứ mấy trở lên là không khai báo đúng quy định việc mất hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập.  *-* Tại Khoản 2 Điều 25 về xử phạt hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn của bên bán, bên mua hàng đề nghị sửa đổi như sau:  *2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng), người bán và người mua lập biên bản ghi nhận sự việc, người bán đã kê khai, nộp thuế* ***(đối với trường hợp đã hết thời hạn kê khai)****, có hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc mua bán hàng hóa và một tình tiết giảm nhẹ.*  Lý do: Người bán mất hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng)trong thời gian chưa hết thời gian kê khai thuế tháng hoặc quý, nên không xác định được người bán đã kê khai, nộp thuế hay chưa. | 1.Giữ nguyên dự thảo Nghị định vì đã quy định rõ áp dụng cho trường hợp đã khai thuế. |
| K3Đ25 | 3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  *a) Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã phát hành, đã mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập hoặc hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng) nhưng khách hàng chưa nhận được hóa đơn hoặc hóa đơn đã lập theo bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ (trừ trường hợp xử phạt cảnh cáo quy định tại khoản 1 Điều này).*  *Trường hợp mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập, trừ liên giao cho khách hàng, trong thời gian lưu trữ thì xử phạt theo pháp luật về kế toán.*  *b) Bên mua làm mất, cháy, hỏng hoá đơn đã lập (liên giao cho khách hàng) để hạch toán kế toán, kê khai thuế và thanh toán vốn ngân sách (trừ trường hợp xử phạt cảnh cáo quy định tại khoản 1 Điều này).*  *~~Trường hợp trong cùng một thời điểm, tổ chức, cá nhân thông báo mất nhiều số hoá đơn cho cơ quan thuế nhưng cơ quan thuế đủ căn cứ xác định tổ chức, cá nhân gộp nhiều lần mất hoá đơn để báo cáo cơ quan thuế thì xử phạt theo từng lần mất hoá đơn. Trường hợp mất, cháy, hỏng hoá đơn đã lập (liên giao cho khách hàng) có liên quan đến bên thứ ba, bên thứ ba do người mua thuê thì xử phạt người mua theo quy định tại khoản này.~~*  *Trường hợp mất, cháy, hỏng hoá đơn đã lập (liên giao cho khách hàng) trong thời gian lưu trữ thì xử phạt theo pháp luật về kế toán.”* | 1. **Sở Tài chính Long An:**   Đề nghị bổ sung cụm từ **“trong quá trình sử dụng và”** vào điểm a, b Khoản 3 Điều 25: “*Trường hợp mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập, trừ liên giao cho khách hàng,* ***trong quá trình sử dụng và*** *trong thời gian lưu trữ thì xử phạt theo pháp luật về kế toán.* Lý do phù hợp với NĐ 41/2018 (điểm g Khoản 2 Điều 8). | 1. Tiếp thu một phần ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị định xử phạt đối với cả trường hợp mất hóa đơn trong thời gian lưu trữ. |
| ***Điều 26. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hủy hóa đơn*** | | **1.VCCI:**  Điểm c khoản 3 Điều 26 quy định xử phạt hành vi không hủy hóa đơn giấy. Quy định này dường như chưa phù hợp tại thời điểm trước ngày 01/11/2020 bởi theo phản ánh của doanh nghiệp thì quy định hiện hành vẫn cho phép được sử dụng song song hóa đơn giấy và hóa đơn giấy. Đề nghị cân nhắc điều chỉnh hiệu lực của quy định này để đảm bảo tính thống nhất.  **2.Cục Thuế Cần Thơ:**  Tại Điều 26 xử phạt hành vi vi phạm quy định về hủy hóa đơn quy định đối với hóa đơn giấy. Đề nghị chuyển lên mục 1 chương II… đối với hóa đơn tự in, đặt in. | 1. Chế tài xử phạt đối với hành vi không hủy hóa đơn giấy chỉ áp dụng khi tại Nghị định quy định về hóa đơn chứng từ quy định bắt buộc phải hủy hóa đơn giấy, cho nên giữ nguyên như dự thảo Nghị định.  2.Không tiếp thu vì Điều này áp dụng cho cả hóa đơn giấy và hóa đơn điện tử. |
| K1Đ26 | 1. *Phạt cảnh cáo đối với hành vi chậm hủy hóa đơn giấy từ 01 đến 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo chấp nhận được sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế mà có tình tiết giảm nhẹ.* |  |  |
| K2Đ26 | 1. *Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:* 2. *Không hủy hoặc hủy không đúng quy định các hóa đơn đã phát hành nhưng chưa lập, không còn giá trị sử dụng theo quy định;* 3. *Chậm hủy hóa đơn giấy từ 01 ngày đến 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được thông báo chấp nhận được sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.* | **1.Kiểm toán Nhà nước:**  Điểm b Khoản 2 Điều 26: đề nghị bổ sung trừ "trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này" để đảm bảo tính logic. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K4Đ26 | 1. *Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:* 2. *Không hủy hoặc hủy không đúng quy định các hóa đơn đã phát hành nhưng chưa lập, không còn giá trị sử dụng theo quy định;* 3. *Chậm hủy hóa đơn giấy từ 01 ngày đến 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được thông báo chấp nhận được sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.* |  |  |
| K4Đ26 | 1. *Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi:* 2. *Chậm hủy hóa đơn giấy còn tồn chưa sử dụng từ trên 10 ngày làm việc trở lên kể từ thời điểm nhận được thông báo chấp nhận sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế;* 3. *Không hủy hóa đơn giấy còn tồn chưa sử dụng kể từ khi nhận được thông báo chấp nhận sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế;* 4. *Không hủy hóa đơn điện tử khi lập sai sót;* 5. *Không hủy hóa đơn đặt in chưa phát hành nhưng không còn sử dụng theo quy định.* |  |  |
| K4Đ26 | *4. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc hủy hóa đơn theo quy định.* |  |  |
| **Điều *27.* Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn** | | **1.UBND TP.Hà Nội:**  Mức sử phạt đối với hành vi vi phạm sử dụng hóa đơn tại Điều *27.* Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn .  Dự thảo mới chỉ thay đổi khung phạt cho môt số trường hợp, tuy nhiên thực tế hiện nay rất thiếu công bằng do cùng hành vi vi phạm nhưng hậu quả khác nhau thì mức phạt vẫn giống nhau (ví dụ sử dung hóa đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn có giá trị 20 triệu đồng cùng mức xử phạt như hóa đơn 500 triệu đồng hoặc hàng tỷ đồng). Do đó cần cụ thể mức vi phạm theo số tiền (gồm hoặc không bao gồm thuế GTGT ghi trên hóa đơn- tùy quan điểm) ghi trên hóa đơn và bỏ mức thấp nhất 20 triệu thành 10 triệu đồng. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì đây là chế tài xử phạt về hóa đơn cho nên không xét đến hậu quả thiếu thuế, trốn thuế. Nếu dẫn đến thiếu thuế, trốn thuế thì không bị xử phạt tại điều này mà xử phạt về thuế. |
| K1Đ27 | *1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*  *a) Sử dụng hoá đơn đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng không phát sinh việc mua hàng hoá, dịch vụ kèm theo;*  *b) Cho hoặc bán hóa đơn chưa lập để tổ chức, cá nhân khác lập khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (trừ các trường hợp được sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế bán hoặc cấp và trường hợp được ủy nhiệm lập hóa đơn theo quy định);*  *c) Cho hoặc bán hóa đơn đã lập để tổ chức, cá nhân khác hạch toán, khai thuế hoặc thanh toán vốn ngân sách.* | **1. Quảng Nam:**  Điểm c Khoản 2 Điều 27: đề nghị xem xét bổ sung nội dung tại điểm này đối với trường hợp bên mua hàng sử dụng hóa đơn không hợp pháp do lỗi của bên bán (lỗi vô ý và lỗi cố ý) với mức xử phạt phù hợp dể tăng cường tính răn đe. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì điểm c đã quy định chung áp dụng đối với cả bên mua và bên bán. |
| K2Đ27 | **2.** Phạt tiền từ 20.000.000 đồngđến 50.000.000 đồng đối với *một trong các* hành vi *sau đây:*  *a) Sử dụng hóa đơn không hợp pháp để xuất hóa đơn giao cho bên mua;*  *b) Sử dụng không hợp pháp hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ;*  *c) Sử dụng hóa đơn không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán, khai thuế hoặc thanh toán vốn ngân sách.* |  |  |
| K3Đ27 | *3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc hủy hóa đơn đã sử dụng đối với hành vi quy định tại Điều này* |  |  |
| **Điều *28*. *Xử phạt h*ành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế *(trừ thông báo phát hành hóa đơn)*** | | **1.Cục Thuế Bắc Giang + Cục Thuế Cà Mau + Cục Thuế Hà Nam:**  Tại Điều 28 nên xem lại thứ tự các khoản, hiện trên dự thảo không có Khoản 3, Khoản 5.  **2.Cục Thuế Ninh Bình:**  Tại Điều 28 đề nghị sửa thành:  *"Điều 28. Xử phạt hành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế (trừ thông báo phát hành hóa đơn và thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn)*  *...Lý do: b*ổ sung thêm cụm từ "*và thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn"* vào quy định vì hành vi này đã được xử phạt tại Điều 22 của dự thảo Nghị định; thay cụm từ "*nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn"* thành cụm từ "*nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn"* vì ngoài báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn thì còn có Thông báo mất, cháy, hỏng hóa đơn (tại Điều 24 dự thảo Nghị định có quy định về việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn nhưng chỉ đối với hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập nên chưa đủ các trường hợp Thông báo mất, cháy hỏng hóa đơn (như mất, cháy hỏng hóa đơn mua hàng; hóa đơn bán hàng đã lập đang lưu trữ...)  **3.Sở Tài chính Trà Vinh:**  Tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 28 về xử phạt hành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế, đề nghị bổ sung:  *5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng với hành vi nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ ~~sau~~* ***trên*** *20 ngày* ***đến 30 ngày*** *kể từ ngày hết thời hạn theo quy định.*  *6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng với hành vi không nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế theo quy định.* ***Hành vi không nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế, trừ thông báo phát hành hóa đơn, được tính sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn theo quy định.***  Lý do: Nhằm khuyến khích NNT nộp thông báo, báo cáo và xác định cụ thể thời gian không nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế.  **4.UBND TP.Hà Nội:**  Tại “Điều 28. Xử phạt hành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế (trừ thông báo phát hành hóa đơn)”  Hành vi nộp chậm thông báo, báo cáo hóa đơn và hành vi không nộp thông báo, báo cáo hóa đơn cần có căn cứ để xác định rõ ràng giữa hai hành vi.(VD về mốc thời gian.) | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  3.Tiếp thu, hoàn thiện theo hướng phạt theo khoản 4 đối với hành vi nộp báo cáo quá hạn từ 20 đến 90 ngày. Phạt theo khoản 5 đối với hành vi nộp báo cáo quá thời hạn từ trên 90 ngày.  4.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì dự thảo đã quy định rõ sự khác biệt giữa hai hành vi này (hành động và không hành động). |
| K1Đ28 | *1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 05 ngày mà có tình tiết giảm nhẹ.* |  |  |
| K2Đ28 | *2*. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng *đến 3.000.000 đồng* đối với *một trong các* hành vi *sau đây:*  *a) Nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 10 ngày (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).*  *b) L*ập sai hoặc không đầy đủ nội dung của thông báo, báo cáo theo quy định gửi cơ quan thuế, trừ thông báo phát hành hóa đơn.  Trường hợp tổ chức, cá nhân tự phát hiện sai sót và lập lại thông báo, báo cáo thay thế đúng quy định gửi cơ quan thuế trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thanh tra thuế, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế thì không bị phạt tiền. | **1.Cục Thuế Hà Tĩnh:**  Tại điểm b, khoản 2 Điều 28 đề nghị sửa đổi thành:  b) Lập sai hoặc không đầy đủ nội dung của thông báo, báo cáo theo quy định gửi cơ quan thuế, trừ thông báo phát hành hóa đơn.  Trường hợp tổ chức, cá nhân tự phát hiện sai sót và lập lại thông báo, báo cáo thay thế đúng quy định gửi cơ quan thuế trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền ban hành Thông báo về việc người nộp thuế lập sai hoặc không đầy đủ thì không bị phạt tiền  **Lý do:** Hiện nay tình trạng NNT báo cáo (theo biểu BC26) sai hoặc không đầy đủ rất phổ biến, bản thân NNT cũng không biết sai như thế nào, chỉ khi phần mềm quản lý hóa đơn tại cơ quan thuế báo lỗi, cán bộ phụ trách ấn chỉ rà soát qua nhiều công đoạn thủ công mới biết để thông báo (bằng điện thoại) cho NNT sửa lại, nếu không có chế tài xử lý **kịp thời** thì NNT sẽ không **chú ý** khi làm báo cáo dẫn đến nhiều lỗi sai liên tục. | 1. Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì nội dung tại dự thảo đang giữ nguyên quy định hiện hành phù hợp với thực tiễn. |
| K3Đ28 | *4*. Phạt tiềntừ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế *quá thời hạn quy định từ trên 10* ngày *đến 20 ngày* |  |  |
| K4Đ28 | *5*. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng với hành vi nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế *quá thời hạn quy định từ* sau 20 ngày kể từ ngày hết thời hạn theo quy định. | **1.Cục Thuế Hà Giang:**  Khoản 4, Khoản 5 được ghi liền dòng. Đề nghị tách xuống dòng phân biệt các khoản. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K5Đ28 | *6*. Phạt tiền từ *5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng* với hành vi không nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế theo quy định. |  |  |
| K6Đ28 | *7*. Biện pháp khắc phục hậu quả  *a)* *Buộc* lập *thông báo, báo cáo* và gửi cơ quan thuế *theo* đúng quy định *đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này*.  *b).Buộc lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn gửi cơ quan thuế đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này.* |  |  |
| ***Điều 29. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử*** | | **1.Bộ KH&ĐT:**  Tại Khoản 1, 2 Điều 29 (trang 26) đề nghị quý Bộ nghiên cứu bổ sung các quy định loại trừ đối với trường hợp chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử chậm do nguyên nhân khác quan như lỗi hệ thống thông tin.  **2.UBND tỉnh Khánh Hòa:**  Điều 29 đề nghị quy định rõ thời hạn “*Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế không đầy đủ theo quy định”* làm cơ sở xác định việc trễ hạn, áp dụng xử phạt. Do thời gian đầu thực hiện hóa đơn điện tử , cơ sở hạ tầng cơ quan thuế có thể chưa đáp ứng (nghẽn mạng, quá tải, lỗi file dữ liệu, quá dung lượng…), đề nghị cần giảm mức phạt hoặc gia hạn thời gian thực hiện Điều phạt này sau 1 đến 2 năm.  **3.Cục Thuế Quảng Ninh:**  Điểm a Khoản 2 và Khoản 3 Điều 29: đề nghị quy định rõ hành vi không chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế được tính từ ngày thứ bao nhiêu kể từ ngày hết thời hạn theo quy định thì doanh nghiệp sẽ bị xử phạt hành vi vi phạm theo quy định tại Khoản 3 Điều 29.  **4.Sở Tài chính Trà Vinh:**  Tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 29 về xử phạt hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử, đề nghị bổ sung như sau:  2. *Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi sau đây:*  a) *Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế quá hạn từ 06 ngày* ***đến 10 ngày*** *làm việc trở lên;*  b) *Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế không đầy đủ theo quy định.*  3. *Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế theo thời hạn quy định.* ***Hành vi không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế*** ***được tính sau 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn theo quy định.***  Lý do: Nhằm khuyến khích NNT chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử và xác định cụ thể thời gian không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế.  **5.Cục Thuế Cần Thơ:**  Điều 29 quy định xử phạt của các khoản thuộc điều này mâu thuẫn nhau: “Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử quá thời hạn” đồng nghĩa với “không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đủ điều kiện theo quy định”. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì trường hợp lỗi hệ thống thuộc trường hợp bất khả kháng sẽ không bị xử phạt theo Điều 7 dự thảo NĐ và Điều 11 Luật XLVPHC.  2.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì thời hạn chuyển dữ liệu hóa đơn điện được quy định tại NĐ hóa đơn chứng từ. Đồng thời, quy định bắt buộc chuyển sang hóa đơn điện tử đến năm 2022 mới có hiệu lực (mới phát sinh) nên không cần quy định gia hạn thời gian thực hiện.  3.Giữ nguyên như dự thảo vì thời hạn chuyển dữ liệu thực hiện theo quy định tại NĐ 119/2018/NĐ-CP.  4.Tiếp thu 1 phần, hoàn thiện dự thảo NĐ.  5.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì hành vi chuyển quá hạn và không chuyển là hai hành vi khác nhau. |
| K1Đ29 | 1. *Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế quá hạn từ 01 đến 05 ngày làm việc.* |  |  |
| K2Đ29 | 1. *Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi sau đây:* 2. *Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế quá hạn từ 06 ngày làm việc trở lên;* 3. *Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế không đầy đủ theo quy định.* |  |  |
| K3Đ29 | *3.Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế theo thời hạn quy định.* |  |  |
| K4Đ29 | *4.Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.* |  |  |
| **Điều *30*. *Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử*** | |  |  |
| K1Đ30 | 1. *Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không công khai thông báo phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên Website giới thiệu dịch vụ.* |  | Ban soạn thảo bỏ khi rà soát |
| K2Đ30 | 1. *Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi:* 2. *Không đảm bảo điều kiện cung cấp dịch vụ truyền nhận hóa đơn điện tử và dữ liệu hóa đơn điện tử giữa người mua dịch vụ với cơ quan thuế.* 3. *Vi phạm quy định về lưu kết quả của các lần truyền, nhận hóa đơn điện tử.*   *~~3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lộ thông tin về dữ liệu hóa đơn điện tử của khách hàng.~~* | **1.Cục Thuế Cần Thơ:**  Điểm a Khoản 2 Điều 30 “Không đảm bảo điều kiện cung cấp dịch vụ truyền nhận hóa đơn điện tử và dữ liệu hóa đơn điện tử giữa người mua dịch vụ với cơ quan thuế”. Đề nghị bỏ vì vi phạm này không thể xảy ra do NĐ 119 quy định cơ quan thuế là đơn vị chủ động lựa chọn và ký hợp đồng với các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn đủ điều kiện theo quy định. | 1.Tiếp thu, bỏ khoản này |
| K3Đ30 | *3..Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp phần mềm tạo hóa đơn không đảm bảo nguyên tắc sinh số tự động liên tục khi lập hóa đơn điện tử (người sử dụng không thể can thiệp vào quá trình sinh số tự động).*  *~~4. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ không chuyển hoặc chậm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử của bên mua dịch vụ đến cơ quan thuế (bên mua dịch vụ lập hóa đơn điện tử đúng hạn) thì tổ chức cung cấp dịch vụ bị xử phạt theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.~~* |  |  |
| K4Đ30 | *4..Hình thức xử phạt bổ sung: đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều này.* | **1.Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Khoản 4 Điều 30 dự thảo quy định: “4.Hình thức xử phạt bổ sung: đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều này”.  Đề nghị bỏ Khoản 4 Điều 30. Lý do: cho phù hợp | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K5Đ30 | 1. *Biện pháp khắc phục hậu quả* 2. *Buộc công khai thông báo về phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên Website đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;*   *b) Buộc chuyển dữ liệu về hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế đối với hành vi quy định tại Khoản 5 Điều này.* |  | Ban soạn thảo bỏ khoản này sau khi rà soát, tổng hợp ý kiến và sắp xếp lại bố cục dự thảo. |
| **Điều *31*. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn của cơ quan thuế** | | **1.Kiểm toán Nhà nước + Viện KSNDTC + Bộ KH&ĐT + Bộ VHTTDL:**  Điều 31: đề nghị rà soát sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Luật Xử lý VPHC (các mức phạt đưa ra tại dự thảo NĐ này đều vượt gấp 2 lần so với mức tối đa quy định tại Điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính.  **2.Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định xử phạt VPHC về thuế và hoá đơn có quy định về (hình thức xử phạt bổ sung). Tuy nhiên, tại Điều 31 dự thảo Nghị định không có quy định thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt bổ sung. Đề nghị bổ sung thẩm quyền xử phạt bổ sung cho phù hợp.  Đề nghị giải thích rõ thêm (hình thức xử phạt bổ sung) có bắt buộc áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính không (vì theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Luật xử phạt VPHC quy định “Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính; có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 1 Điều này. Hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính”). | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì Điều 31 dự thảo NĐ quy định thẩm quyền xử phạt đối **với tổ chức**, tại khoản 6 Điều 31 quy định thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân sẽ bằng ½ tổ chức cho nên quy định tại Điều 31 dự thảo NĐ phù hợp với Điều 44 và Điều 52 Luật XLVPHC.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K1Đ31 | 1. Công chức thuế đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo.  b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với các hành vi *quy định tại Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 22, Khoản 2 Điều 23, Khoản 2 Điều 28*  Nghị định này. |  | Ban soạn thảo bỏ điểm b sau khi rà soát vì vượt thẩm quyền. |
| K2Đ31 | 2. Đội trưởng Đội Thuế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo.  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về thủ tục thuế quy định tại *Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13 Chương II và Chương III* Nghị định này. | **1.Cục Thuế Bắc Giang:**  Tại Khoản 2, Điều 31 ghi: **“**2*. Đội trưởng Đội Thuế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có quyền:*  *a) Phạt cảnh cáo.*  *b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về thủ tục thuế quy định tại Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13 Chương II và Chương III Nghị định này*.”  Ghi như vậy liệu có quá thẩm quyền với với các Điều, Khoản sau không? (8,10,11,12, từ 18 đến 30) | 1.Tiếp thu ý kiến, rà soát và điều chỉnh đúng thẩm quyền theo quy định. |
| K3Đ31 | 3. Chi cục trưởng Chi cục Thuế trong phạm vi địa bàn quản lý của mình có quyền:  a) Phạt cảnh cáo.  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại ~~các~~ Điều 8, 9, *10, 11 , 12, 13, 17 Chương II* và *Chương III* Nghị định này.  c) Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điều  *14, 15* và Điều *16* Nghị định này.  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này. |  |  |
| K4Đ31 | 4. Cục trưởng Cục Thuế trong phạm vi địa bàn quản lý của mình có quyền:  a) Phạt cảnh cáo.  b) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ~~v~~quy định tại các Điều 8, 9, *10, 11, 12, 13,17 Chương II* và *Chương III* Nghị định này.  c) Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều *14, 15* và Điều*16* Nghị định này.  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này. |  |  |
| K5Đ31 | 5. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế có quyền:  a) Phạt cảnh cáo.  b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 8, 9, *11, 12, 13, 17* *Chương II* và *Chương III* Nghị định này.  c) Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điều  *14, 15* và Điều *16* Nghị định này;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này. |  |  |
| K6Đ31 | 6. Thẩm quyền xử phạt vi phạm về thủ tục thuế, *vi phạm hành chính về hóa đơn* của những người được quy định tại *điểm b* *khoản* 1, *điểm b* *khoản* 2, *điểm b khoản 3*, *điểm b khoản* 4, *điểm b Khoản* 5 Điều này áp dụng đối với một hành vi vi phạm của tổ chức; Trường hợp phạt tiền đối với cá nhân có hành vi vi phạm thủ tục thuế, *vi phạm hành chính về hóa đơn* thì thẩm quyền xử phạt cá nhân bằng ½ thẩm quyền xử phạt tổ chức. Thẩm quyền xử phạt vi phạm về khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, hành vi trốn thuếquy định tại các khoản nêu trên thực hiện theo khoản 2 Điều *139* Luật quản lý thuế. |  |  |
| **Điều *32*. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, *hóa đơn* của *Thanh tra,* Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**  Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, *hóa đơn* của *Chánh Thanh tra sở; Chánh Thanh tra Bộ*; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. | | 1.**Sở Tài chính Thái Bình + Bộ Quốc phòng+NHNN+Bộ Tư pháp:**Theo dự thảo Nghị định, tại Điều 32- “Quy định Thẩm quyền xử phạt hành chính về thuế, hóa đơn của Thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp: Thẩm quyền xử phạt VPHC về *thuế, hóa đơn* của Chánh thanh tra sở; Chánh Thanh tra bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”  Hiện nay Chánh thanh tra sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp không có thẩm quyền xử phạt về lĩnh vực thuế; mặt khác Nội dung dự thảo Điều 32 của Nghị định quy định chưa rõ về thẩm quyền xử phạt hóa đơn.  Đề nghị Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế xem xét, làm rõ thêm, **Trường hợp nếu giao thẩm quyền cho Chánh thanh tra sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương được phép xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực này thì cần quy định cụ thể.** | 1. tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định chi tiết thẩm quyền xử phạt của chủ tịch UBND và cơ quan thanh tra. |
| **Điều 33. Buộc chấm dứt** **hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn**  *Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phát hiện tổ chức, cá nhân đang thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì buộc tổ chức, cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm hành chính. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được thực hiện bằng lời nói, văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.* | | **1.UBMTTQ:**  Đối với các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục vi phạm về hành chính thuế, hóa đơn.  Điều 33. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn  “*Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phát hiện tổ chức, cá nhân đang thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì buộc tổ chức, cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm hành chính. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được thực hiện bằng lời nói, văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật*”.  Việc quy định như trên để nhằm thực hiện chấm dứt kịp thời hành vi vi phạm, đáp ứng yêu cầu khi thực hiện nhiệm vụ, nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tuy nhiên, chúng tôi đề nghị cần quy định rõ hơn về trách nhiệm của người có thẩm quyền khi thi hành công vụ, phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của cá nhân, tổ chức.  **2. Bộ Tự pháp**: Đề nghị không quy định Điều này do đã được quy định tại Luật XLVPHC | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì tại Điều 16 Luật XLVPHC đã quy định rõ trách nhiệm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Ban soạn thảo đã bỏ Điều này.  2. Tiếp thu, bỏ quy định này. |
| **Điều 34. Lập biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn** | |  |  |
| K1Đ34 | 1. *Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*   *Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định này hoặc công chức thuộc cơ quan hành chính nhà nước đang thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt không phải lập biên bản theo quy định tại Khoản 3 Điều này.* |  |  |
| K2Đ34 | 1. *Lập biên bản vi phạm hành chính* 2. *Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm hành chính; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc người đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình.*   *Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn trong cùng một vụ việc hoặc vi phạm nhiều lần thì biên bản xử phạt vi phạm hành chính phải thể hiện đầy đủ các hành vi vi phạm hoặc số lần vi phạm.*   1. *Biên bản phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ;**nếu có người chứng kiến thì họ cùng phải ký vào biên bản; trong trường hợp biên bản gồm nhiều trang thì người lập biên bản phải ký vào từng trang biên bản. Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc không ký vào biên bản vi phạm hành chính hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở (đại diện có thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc đại diện theo uỷ quyền của Uỷ ban nhân dân cấp xã) nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến. Trường hợp cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến từ chối ký biên bản thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.* 2. *Biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn phải được lập ít nhất thành 02 bản. 01 bản giao cho cá nhân hoặc tổ chức vi phạm hành chính; 01 bản làm căn cứ để ra quyết định xử phạt.* 3. *Trường hợp qua thanh tra thuế, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế phát hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì cơ quan thuế lập biên bản thanh tra/kiểm tra thuế kiêm biên bản vi phạm hành chính, trong đó xác định rõ hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn của người nộp thuế . Số lượng biên bản được lập và việc giao biên bản cho người nộp thuế thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.*   *đ) Lập biên bản vi phạm hành chính điện tử*  *Trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin trên đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử thì thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ thời gian chậm nộp và hành vi vi phạm hành chính của người nộp thuế thì thông báo này là biên bản vi phạm hành chính điện tử làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt.* | **1.Kiểm toàn Nhà nước:**  Điểm d Khoản 2 Điều 34: ... số lượng biên bản được lập và việc giao biên bản cho người nộp thuế thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 này. Đề nghị rà soát lại do quy định về số lượng biên bản và việc giao biên bản tại Điểm c Khoản  **2.Cục Thuế Ninh Bình:**  Tại Điểm đ Khoản 2 Điều 34 đề nghị sửa thành:  *"Trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ về hóa đơn, chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin trên đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế điện tử thì thông báo tiếp nhận hồ sơ về hóa đơn, hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ hành vi vi phạm hành chính của người nộp thuế thì thông báo này là biên bản vi phạm hành chính điện tử làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt."*  **Lý do:**Bổ sung thêm 2 cụm từ đã được gạch chân vì hồ sơ về hóa đơn cũng đang được người nộp thuế nộp bằng phương thức điện tử.  **3.NHNN:**  Điểm d Khoản 2 Điều 34: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc sửa quy định cụ thể như sau: “*Trường hợp thanh tra thuế, kiểm tra thuế… theo quy định tại điểm c khoản này.*  **4.Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Khoản 2đ Điều 34 dự thảo quy định: “đ) Lập biên bản vi phạm hành chính điện tử  Trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin trên đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử thì thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ thời gian chậm nộp và hành vi vi phạm hành chính của người nộp thuế thì thông báo này là biên bản vi phạm hành chính điện tử làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt”.  Tuy nhiên, trên thực tế Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử chưa thể hiện nội dung vi phạm hành chính của người nộp thuế. Vì vậy, khi nội dung này được thông qua thì cần có sự điều chỉnh nội dung của Thông báo tiếp nhận để cho phù hợp.  **5.Sở Tài chính Đắk Lắk :**  Tại Điểm a, Khoản 2, Điều 34 đề nghị sửa thành *“…;* ***giờ (nếu có)****,**ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm…”* do trên thực tế nhiều trường hợp cơ quan Thuế lập biên bản sau khi vi phạm hành chính đã xảy ra nên khó xác định chính xác được giờ xảy ra hành vi vi phạm.  **6.Sở Tài chính Hưng Yên:**  Điểm b Khoản 2 Điều 34: đề nghị làm rõ “hai người chứng kiến” ký biên bản vi phạm hành chính là ai?  **7.Sở Tài chính Long An:**  Đề nghị bổ sung vào điểm đ Khoản 2 Điều 34 dự thảo NĐ nội dung lập biên bản vi phạm hành chính điện tử đối với hồ sơ thông báo, báo cáo về hóa đơn. Lý do điểm đ Khoản 2 Điều 3 có quy định trường hợp NNT chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin trên đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng điện tử… nhưng chưa quy định trong lĩnh vực hóa đơn (như chậm BC26/AC, TB03, TB04 … qua hệ thống kê khai thuế.  **8. Bộ Tư pháp:** Điểm đ khoản 2 Điều 34 dự thảo Nghị định quy định: “*Trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin trên đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử thì thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ thời gian chậm nộp và hành vi vi phạm hành chính của người nộp thuế thì thông báo này là biên bản vi phạm hành chính điện tử làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt*”.  Theo quy định tại Điều 58 Luật XLVPHC hiện hành thì việc lập biên bản vi phạm hành chính là căn cứ để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (trừ trường hợp vụ việc đơn giản, không phải lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC và trường hợp vụ việc do cơ quan tố tụng hình sự chuyển hồ sơ để xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật XLVPHC). Quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 34 dự thảo Nghị định nêu trên là trái với quy định của Luật XLVPHC. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 34 dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định của Luật XLVPHC. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì hiện nay Luật XLVPHC chưa quy định về hình thức lập biên bản điện tử. Đồng thời, Luật QLT mới quy định lập hóa đơn điện tử đối với hành vi vi phạm chậm nộp hồ sơ khai thuế theo phương thức điện tử.  3.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  4.Tiếp thu để nghiên cứu hoàn thiện biểu mẫu.  5.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính.  6.Giữ nguyên như dự thảo NĐ phù hợp với Luật XLVPHC.  7.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì hiện nay Luật XLVPHC chưa quy định về hình thức lập biên bản điện tử. Đồng thời, Luật QLT mới quy định lập hóa đơn điện tử đối với hành vi vi phạm chậm nộp hồ sơ khai thuế theo phương thức điện tử.  8. Tiếp thu 1 phần ý kiến, quy định trường hợp này sẽ lập và gửi Biên bản điện tử đến người nộp thuế. Biên bản điện tử không bắt buộc phải có chữ ký của người nộp thuế và có mẫu biên bản kèm theo Nghị định. |
| K3Đ34 | *3.Xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn không lập biên bản được áp dụng đối với trường hợp vi phạm thuộc trường hợp bị xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt tại chỗ.* |  |  |
| **Điều 35. Giải trình vi phạm hành chính về thuế, *hóa đơn*** | | **1.Bộ Tư pháp:**  Khoản 1 Điều 61 Luật XLVPHC quy định: *“Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính*”.  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định khoản 1 Điều 35 dự thảo Nghị định vì không phù hợp với quy định nêu trên tại Điều 61 Luật XLVPHC. Mặt khác, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định các khoản 2, 3 và 4 Điều 35 dự thảo Nghị định để bảo đảm thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, vì Điều 61 Luật XLVPHC đã quy định cụ thể thủ tục giải trình đối với cá nhân, tổ chức vi phạm được quyền giải trình, đồng thời, không giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | 1. Giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định vì ngoài các trường hợp giải trình theo Luật XLVPHC còn phát sinh trường hợp cần giải trình khi lập biên bản điện tử và những trường hợp xử phạt khai thiếu thuế, trốn thuế. |
| K1Đ35 | 1. *Các trường hợp giải trình vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn* 2. *Hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được phát hiện thông qua công tác thanh tra thuế, kiểm tra thuế hoặc các trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính điện tử;* 3. *Hành vi khai thiếu thuế; hành vi trốn thuế; hành vi không trích chuyển tiền trong tài khoản của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế.* 4. *Hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 7 Điều 11, khoản 6 Điều 19, khoản 6 Điều 20, khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 27 Nghị định này* |  |  |
| K2Đ35 | 1. *Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này bị lập biên bản vi phạm hành chính thì có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.* |  |  |
| K3Đ35 | *3. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này.* |  |  |
| K4Đ35 | *4. Thời hạn, thủ tục giải trình vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*  *a) Giải trình bằng văn bản*  *Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính thuế, hóa đơn thuộc trường hợp giải trình phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuế trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền xử phạt có thể gia hạn thêm không quá 05 ngày theo đề nghị của tổ chức, cá nhân vi phạm. Trường hợp, người có thẩm quyền xử phạt đồng ý gia hạn giải trình cho tổ chức, cá nhân vi phạm thì phải thể hiện bằng văn bản.*  *Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính có thể tự mình hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp của mình thực hiện giải trình bằng văn bản.*  *b) Giải trình trực tiếp*  *Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính thuế, hóa đơn phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.*  *Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn phải thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình trực tiếp trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người vi phạm.*  *Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn tổ chức phiên giải trình trực tiếp và có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý và tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm của người vi phạm. Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền tham gia phiên giải trình và đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.*  *Việc giải trình trực tiếp được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên liên quan; trường hợp biên bản gồm nhiều trang thì các bên phải ký vào từng trang biên bản. Biên bản này phải được lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về thuế và giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của họ 01 bản.* |  |  |
| **Điều 36. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn** | |  |  |
| K1Đ36 | *1.Trường hợp, vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.* | **1.Thanh tra CP:**  Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định thời hạn cụ thể phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để đảm bảo chặt chẽ, thống nhất, kịp thời trong xử lý. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì phù hợp với Luật XLVPHC quy định phải chuyển ngay hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý. |
| K2Đ36 | *2. Đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn để xử lý.*  *Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra Chính phủ trực tiếp kiểm toán, thanh tra người nộp thuế có kiến nghị về nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và lập biên bản vi vi phạm hành chính về thuế thì cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra Chính phủ chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế để xử phạt theo quy định. Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ vi phạm do cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra chuyển đến để xử phạt (không bao gồm nội dung xử lý truy thu, truy hoàn thuế, tính tiền chậm nộp).*  ~~Trường hợp, cơ quan Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra, thanh tra, kiểm tra theo chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra phát hiện các hành vi vi phạm hành chính về thuế của người nộp thuế nhưng không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì sau thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có kết luận về hành vi vi phạm hành chính về thuế phải chuyển hồ sơ và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền để xử phạt vi phạm hành chính về thuế.~~  ~~Trường hợp, cơ quan thanh tra tiến hành thanh tra theo chức năng nhiệm vụ, trong quá trình thanh tra phát hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế mà có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Trường hợp, cơ quan thanh tra cấp dưới vượt thẩm quyền xử phạt thì chuyển hồ sơ lên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để xử lý theo quy định.~~  ~~Trong trường hợp vi phạm hành chính về thuế thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì vụ xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.~~ | **1.Sở Tài chính Vĩnh Long:**  **Bổ sung vào khoản 2 Điều 36 dự thảo Nghị định nội dung:**  *“theo* *quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 21 và Điểm a Khoản 2 Điều 22 Luật quản lý số 38/2019/QH14”*  Cụ thể:  *“Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra Chính phủ trực tiếp kiểm toán, thanh tra người nộp thuế* ***theo*** ***quy định tại*** ***Điểm a Khoản 2 Điều 21 và Điểm a Khoản 2 Điều 22 Luật quản lý số 38/2019/QH14*** *có kiến nghị về nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và lập biên bản vi vi phạm hành chính về thuế thì cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra Chính phủ chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế để xử phạt theo quy định. Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ vi phạm do cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra chuyển đến để xử phạt (không bao gồm nội dung xử lý truy thu, truy hoàn thuế, tính tiền chậm nộp).”*  Lý do: để tránh hiểu nhầm là cả khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 22 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K3Đ36 | *3. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế,hóa đơn căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan nêu trên chuyển đến để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền xử phạt tiến hành xác minh thêm tình tiết để làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế.* |  |  |
| **Điều 37. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự** | |  |  |
| K1Đ37 | *1. Trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn nếu xét thấy tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.* | **1.Thanh tra CP:**  Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định thời hạn cụ thể phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để đảm bảo chặt chẽ, thống nhất, kịp thời trong xử lý. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì phù hợp với Luật XLVPHC quy định phải chuyển ngay hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý. |
| K2Đ37 | *2. Trường hợp người có thẩm quyền xử phạt đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đang trong thời gian thi hành quyết định xử phạt, nếu hành vi vi phạm được phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ phải chuyển hồ sơ xử lý vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền để xử lý; trường hợp đã thi hành xong quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để xử lý.*  *Hồ sơ chuyển giao bao gồm: quyết định chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự xử lý; bản sao biên bản vi phạm hành chính hoặc biên bản kiểm tra thuế, thanh tra thuế; bản sao kết quả giám định, xác minh (nếu có); bản sao tài liệu khác có liên quan; bản sao quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế (nếu có); quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt đối với trường hợp chưa thi hành quyết định xử phạt. Việc chuyển giao hồ sơ phải được lập thành biên bản.* |  |  |
| K3Đ37 | *3. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã nhận hồ sơ vụ việc theo khoản 1, 2 Điều này có trách nhiệm xem xét, kết luận vụ việc và thông báo kết quả giải quyết bằng văn bản cho người có thẩm quyền đã chuyển hồ sơ trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến.*  *Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có quyết định khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuế, hóa đơn phải huỷ bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển tài liệu về việc thi hành quyết định xử phạt và số tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp đã thi hành (nếu có) vào tài khoản của cơ quan tiến hành tố tụng theo yêu cầu.* |  |  |
| K4Đ37 | *4. Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thông báo cho tổ chức, cá nhân vi phạm.* |  |  |
| K5Đ37 | *5. Trường hợp người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, nhưng quá thời hạn 03 ngày, kể từ ngày hết hạn ra quyết định khởi tố hoặc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật về luật tố tụng hình sự mà người có thẩm quyền xử phạt chưa nhận được thông báo của cơ quan tiến hành tố tụng về việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có văn bản đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã nhận hồ sơ, chuyển trả lại hồ sơ vụ vi phạm để người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hoặc tiếp tục thi hành quyết định xử phạt đối với trường hợp khi chuyển hồ sơ người có thẩm quyển xử phạt đã ban hành quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt.* |  |  |
| **Điều 38. Những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính** | |  |  |
| K1Đ38 | *1. Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn trong các trường hợp sau đây:*  *a) Trường hợp quy định tại Điều 7 Nghị định này.*  *b) Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.*  *c) Đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn quy định tại Điều 6 Nghị định này hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 40 Nghị định này.*  *d) Cá nhân vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đã chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã bị giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt.*  *đ) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 37Nghị định này.* | 1. **Cục Thuế Cà Mau + Sở Tài chính Đà Nẵng:**   Tại Khoản 1c Điều 38 dự thảo quy định: “c) Đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn quy định tại Điều 6 Nghị định này hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 40 Nghị định này”.  Đề nghị sửa “Điều 40” thành “Điều 39”. Lý do: Để cho phù hợp. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K2Đ38 | *2. Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại khoản 1 Điều này thì người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt nhưng có thể áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định. Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả phải ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện.* |  |  |
| **Điều *39*. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn** | | **1.Sở Tài chính Đắk Lăk**  Tại Khoản 2, 3 Điều 39 quy định về thời hạn ra quyết định XPVPHC về thuế, hóa đơn :  *“2. Đối với vụ việc có nhiều* ***tình tiết phức tạp*** *mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính hoặc kể từ ngày lập biên bản thanh tra/kiểm tra thuế kiêm biên bản vi phạm hành chính.*  *3. Trường hợp* ***vụ việc đặc biệt nghiêm trọng****, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định này mà người có .. thời gian gia hạn không quá 30 ngày.”*  Đề nghị bổ sung khái niệm hoặc quy định cụ thể các trường hợp được coi là *“tình tiết phức tạp”* và *“vụ việc đặc biệt nghiêm trọng”* để thuận lợi khi xác định tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi và tránh tình trạng lợi dụng lý do trên để chậm trễ ra quyết định xử phạt.  **2.Sở Tài chính Vĩnh Long:**  Đề nghị điều chỉnh lại như sau:  *“Điều 39. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*   1. *Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.*   *2. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình,* ***Đoàn thanh tra, kiểm tra và người nộp thuế còn có ý kiến khác nhau về kết luận thanh tra, kiểm tra****, hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính hoặc kể từ ngày lập biên bản thanh tra/kiểm tra thuế kiêm biên bản vi phạm hành chính.”*  **Lý do:**  - Theo dự kiến sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày làm việc, do đó khi Luật xử lý vi phạm hành chính có thay đổi thì không phải điều chỉnh lại;  - Trường hợp Đoàn thanh tra, kiểm tra còn có ý kiến khác nhau thì hồ sơ phải chuyển qua bộ phận pháp chế cấp ý kiến pháp lý; trường hợp Đoàn thanh tra, kiểm tra và bộ phận pháp chế không thống nhất thì phải xin thêm ý kiến của các bộ phận chức năng, các cơ quan có liên quan … để xử lý nên cần có thời gian nhiều hơn trường hợp bình thường. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì cụm từ “tình tiết phức tạp” để quy định quét các trường hợp có thể phát sinh mà không thuộc trường hợp giải trình.  2.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì hiện nay Luật sửa đổi Luật XLVPHC chưa ban hành nên chưa tiếp thu được ý kiến này. Trong quá trình soạn thảo sẽ tiếp tục rà soát cập nhật khi Luật sửa đổi Luật XLVPHC được ban hành.  Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì các trường hợp quy định tại Điều 35 đã bao gồm trường hợp thanh tra, kiểm tra thuế. |
| K1Đ39 | *1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.* | **1.Cục Thuế tỉnh Quảng Bình:**  Khoản 1 Điều 39 đề nghị quy định:  **“Điều *39*. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn**  *1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày* ***làm việc****, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.”*  Lý do: quy định rõ ngày làm việc để tránh hiểu nhầm trong quá trình áp dụng. | 1.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì hiện nay Luật sửa đổi Luật XLVPHC chưa ban hành nên chưa tiếp thu được ý kiến này. Trong quá trình soạn thảo sẽ tiếp tục rà soát cập nhật khi Luật sửa đổi Luật XLVPHC được ban hành. |
| K2Đ39 | *2. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính hoặc kể từ ngày lập biên bản thanh tra/kiểm tra thuế kiêm biên bản vi phạm hành chính.* |  |  |
| K3Đ39 | *3. Trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định này mà người có thẩm quyền xử phạt xét thấy cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản; thời gian gia hạn không quá 30 ngày.* | **1.Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Khoản 3 Điều 39 dự thảo quy định: “3. Trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định này…”  Đề nghị sửa “Điều 36 Nghị định này” thành “Điều 35 Nghị định này”. Lý do: Để cho phù hợp. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K4Đ39 | *4. Trường hợp vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển hồ sơ vụ vi phạm để người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn ra quyết định xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định này kèm theo hồ sơ vụ vi phạm. Trường hợp cần xác minh thêm thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định nêu trên.* | **1.Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Khoản 4 Điều 39 dự thảo quy định: ”4. Trường hợp vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển hồ sơ vụ vi phạm để người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn ra quyết định xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định này...”  Đề nghị sửa “ Khoản 2 Điều 38 Nghị định này” thành “Khoản 2 Điều 37 Nghị định này”. Lý do: Để cho phù hợp. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
| K5Đ39 | *5. Trường hợp, quá thời hạn quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này thì người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt nhưng vẫn ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định này.*  *Người có thẩm quyền xử phạt có lỗi trong việc để quá thời hạn mà không ra quyết định xử phạt thì tuỳ theo mức độ vi phạm có thể bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.* |  |  |
| **Điều 40. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn** | |  |  |
| K1Đ40 | 1. *Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn* 2. *Quyết định xử phạt tại chỗ*   *Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn tại chỗ phải ghi rõ: ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt; họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; chứng cứ, tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Trường hợp phạt tiền thì ghi rõ mức tiền phạt trong quyết định xử phạt.*   1. *Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*   *Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn phải được thể hiện dưới hình thức văn bản. Trong quyết định xử phạt phải ghi rõ các nội dung chính sau đây: địa danh, ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ pháp lý để ban hành; biên bản vi phạm hành chính, kết quả xác minh, văn bản giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc biên bản họp giải trình và các tài liệu khác (nếu có); văn bản giao quyền (nếu có); họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm hành chính về thuế; tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng; hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có); quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính; hiệu lực của quyết định, thời hạn và nơi thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nơi nộp tiền phạt; trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành; họ tên, chữ ký của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.*  *c) Trường hợp xử phạt là kết quả của quá trình thanh tra thuế, kiểm tra thuế thì cơ quan thuế ban hành quyết định xử lý sau thanh tra/kiểm tra thuế kiêm xử phạt vi phạm hành chính.* |  |  |
| K2Đ40 | *2. Thời hạn thi hành quyết định xử phạt là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt; trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.* | **1.Cục Thuế Thanh Hóa:**  Đề nghị sửa lại Khoản 2, Điều 40 như sau:  “Điều 40.Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn….  2. Thời hạn thi hành quyết định xử phạt là 10 ngày, kể từ ban hành quyết định xử phạt; trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì khi ban hành QĐ mà chưa gửi cho NNT thì không thể tính thời gian đó vào thời hạn thi hành. |
| K3Đ40 | *3. Trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền chỉ ra một quyết định xử phạt trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm; nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì cộng lại thành mức phạt chung.* |  |  |
| ***Điều 41. Đóng dấu, gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*** | |  |  |
| K1Đ41 | *1. Đóng dấu quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*  *a) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền xử phạt được đóng dấu cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi đó.*  *b) Quyết định xử phạt do người có thẩm quyền xử phạt quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 31 Nghị định này thì dấu được đóng lên 1/3 (một phần ba) chữ ký về phía bên trái chữ ký của người có thẩm quyền xử phạt.*  *c) Quyết định xử phạt do người có thẩm quyền xử phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 31 Nghị định này ký thì quyết định được đóng dấu trên góc trái của quyết định, nơi ghi tên cơ quan xử phạt và số, ký hiệu của quyết định xử phạt.* |  |  |
| K2Đ41 | *2. Giao, gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*  *a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành.*  *b) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết.*  *b1) Trường hợp quyết định xử phạt được giao trực tiếp thì công chức giao quyết định xử phạt phải lập biên bản về việc giao quyết định xử phạt. Trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận quyết định thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao.*  *b2) Trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định xử phạt đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận; quyết định xử phạt đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao.*  *Trường hợp cơ quan thuế gửi quyết định xử phạt qua bưu điện thì giấy báo phát của bưu điện (xác nhận đã giao quyết định xử phạt cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt) được lưu vào hồ sơ xử phạt.* | **1.Sở Tài chính Đà Nẵng:**  Tại Khoản 2b Điều 41 dự thảo quy định: “b) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết”.  Đề nghị bỏ cụm từ “và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết”. Lý do: Quyết định xử phạt VPHC đã giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm thì không cần phải Thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt.  Tại điểm b2 Khoản 2 Điều 41 dự thảo quy định: “b2)…Trường hợp cơ quan thuế gửi quyết định xử phạt qua bưu điện thì giấy báo phát của bưu điện (xác nhận đã giao quyết định xử phạt cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt) được lưu vào hồ sơ xử phạt”.  Đề nghị xem xét sửa đổi hoặc bỏ nội dung này. Lý do: Sẽ gây khó khăn cho bộ phận xử lý khi phải theo dõi giấy xác nhận của bưu điện và liên hệ bộ phận văn thư để nhận (chỉ cần lưu ở bộ phận văn thư khi cần thiết thì có thể đối chiếu).  **2.Sở Tài chính Hưng Yên:**  Điểm b Khoản 2 Điều 41 đề nghị bỏ đoạn “*Trường hợp cơ quan thuế gửi quyết định xử phạt qua bưu điện thì giấy báo phát của bưu điện (xác nhận đã giao quyết định xử phạt cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt) được lưu vào hồ sơ xử phạt.”* vì thực tếkhi bưu điện gửi được các quyết định xử phạt cho tổ chức, cá nhân thì không chuyển lại giấy báo phát cho cơ quan thuế. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì thông báo có thể thực hiện qua điện thoại hoặc email.  2.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì giấy báo phát là chứng cứ chứng minh cơ quan thuế đã chuyển QĐ xử phạt cho NNT. |
| ***Điều 42. Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*** | |  |  |
| K1Đ42 | *1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt phải chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. Tổ chức, cá nhân vi phạm cố tình không nhận quyết định xử phạt thì quyết định xử phạt được thi hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày giao quyết định xử phạt.*  *Trường hợp, cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp trong quá trình giải quyết khiếu nại, khởi kiện xét thấy việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính sẽ gây hậu quả khó khắc phục thì người giải quyết khiếu nại, khởi kiện ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó theo quy định của pháp luật.* |  |  |
| K2Đ42 | *2. Người có thẩm quyền xử phạt đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt của cá nhân, tổ chức bị xử phạt.* |  |  |
| ***Điều 43. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*** | |  |  |
| K1Đ43 | *1. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định xử phạt. Quá thời hạn trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính không được cơ quan thuế tổ chức thi hành thì không thi hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.* |  |  |
| K2Đ43 | *2. Trường hợp cơ quan thuế đã tổ chức thi hành quyết định xử phạt nhưng cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu thi hành quyết định xử phạt được tính kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.* |  |  |
| K3Đ43 | *3. Trường hợp cơ quan thuế đã tổ chức thi hành quyết định xử phạt nhưng cá nhân, tổ chức bị xử phạt chưa nộp tiền phạt, tiền thuế truy thu, truy hoàn hoặc chưa khắc phục hậu quả thì không áp dụng thời hiệu thi hành quyết định xử phạt nêu trên. Cơ quan thuế theo dõi khoản nợ tiền phạt trên hệ thống quản lý thuế và áp dụng các biện pháp để thu tiền phạt vi phạm hành chính, tiền thuế vào ngân sách nhà nước.* |  |  |
| ***Điều 44. Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản*** | |  |  |
| K1Đ44 | *1. Trường hợp người bị xử phạt đã chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản mà quyết định xử phạt vẫn còn thời hiệu thi hành thì không thi hành nội dung phạt tiền tại quyết định xử phạt nhưng vẫn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định.*  *Người đã ra quyết định xử phạt phải ra quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản.*  *Trường hợp quyết định xử phạt không có nội dung áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định đình chỉ thi hành quyết định xử phạt.* |  |  |
| K2Đ44 | *2. Căn cứ xác định cá nhân bị chết, mất tích, tổ chức bị giải thể, phá sản:*  *a) Giấy chứng tử hoặc giấy báo tử đối với trường hợp cá nhân chết.*  *b) Quyết định của toà án tuyên bố một người là đã chết,mất tích đối với trường hợp cá nhân bị coi là chết, mất tích.*  *c) Xác nhận xóa tên trên Sổ đăng ký kinh doanh đối với trường hợp doanh nghiệp bị giải thể. Quyết định giải thể đối với trường hợp tổ chức không phải là doanh nghiệp bị giải thể*  *d) Quyết định tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản.* | **1.Bộ KH&ĐT:**  Điểm c Khoản 2 Điều 44 (trang 39): đề nghị quý Bộ nghiên cứu, quy định theo hướng đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, căn cứ xác định doanh nghiệp đã bị giải thể là **tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.** Lý do:  + Về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp quy định tại Điều 202, 203 Luật DN cà Điều 59 NĐ 78/2015/NĐ-CP quy định cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý doanh nghiệp đã giải thể của doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;  + Khoản 4 Điều 3 NĐ 78/2015/NĐ-CP quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp. | 1.Không tiếp thu ý kiến vì theo khoản 4 Điều 59 NĐ 78/2015/NĐ-CP thì cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo giải thể của doanh nghiệp. Do đó, căn cứ xác định doanh nghiệp giải thể của doanh nghiệp là thông báo giải thể doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh. |
| K3Đ44 | *3. Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt gồm nội dung sau: đình chỉ thi hành hình thức phạt tiền, lý do đình chỉ; nội dung quyết định xử phạt tiếp tục phải thi hành, tên tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tiếp tục thi hành; thời hạn thi hành.* |  |  |
| K4Đ44 | *4. Việc kế thừa nghĩa vụ thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của cá nhân đã chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản.*  *a) Những người nhận thừa kế có trách nhiệm thi hành phần còn lại của quyết định xử phạt về biện pháp khắc phục hậu quả trong phạm vi di sản do người chết để lại.*  *Trường hợp di sản thừa kế chưa được chia thì việc tiếp tục thi hành phần còn lại của quyết định xử phạt về biện pháp khắc phục hậu quả do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện.*  *Trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thi hành phần còn lại của quyết định xử phạt về biện pháp khắc phục hậu quả do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thoả thuận khác.*  *Trường hợp Nhà nước, cơ quan, tổ chức nhận di sản theo di chúc thì có trách nhiệm thi hành phần còn lại của quyết định xử phạt về biện pháp khắc phục hậu quả do người chết để lại như người thừa kế là cá nhân.*  *Trường hợp không có người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật hoặc có nhưng từ chối nhận di sản thừa kế thì thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.*  *b) Người được Toà án giao quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích có trách nhiệm thi hành phần còn lại của quyết định xử phạt (biện pháp khắc phục hậu quả) trong phạm vi tài sản được giao quản lý thay cho người mất tích.*  *c) Đối với tổ chức bị giải thể, phá sản thì quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc giải thể, phá sản; người đại diện theo pháp luật của tổ chức giải thể, phá sản để thi hành.*  *Trường hợp tổ chức bị giải thể là đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp thì tổ chức bị giải thể không được miễn thi hành hình thức phạt tiền tại quyết định xử phạt.*  *Trường hợp cá nhân bị chết, mất tích, tổ chức bị phá sản thuộc trường hợp xoá nợ tiền thuế, tiền phạt theo quy định của Luật quản lý thuế thì tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt được xoá nợ theo quy định của pháp luật.* |  |  |
| ***Điều 45. Nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*** | | **1.Bộ Tư pháp:**  Đối với Điều 45 dự thảo Nghị định, hiện nay, Điều 10 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) đã quy định cụ thể hình thức, thủ tục thu, nộp tiền phạt vi phạm hành chính. Do đó, để bảo đảm phù hợp với nguyên tắc nêu tại khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc không quy định Điều 45 dự thảo Nghị định. | 1.Thủ tục nộp tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế có gắn với số thuế bị truy thu thuế. Do đó, việc quy định chi tiết tại Nghị định này là cần thiết để quản lý thu. |
| K1Đ45 | *1. Thủ tục nộp tiền phạt vi phạm hành chính*  *a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại kho bạc nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của kho bạc nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt.*  *Trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn nhiều hơn 10 ngày thì tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm nộp tiền phạt theo thời hạn ghi trên quyết định xử phạt, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt.*  *b) Trường hợp tổ chức, cá nhân bị xử phạt tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi đi lại khó khăn thì có thể nộp tiền phạt cho người có thẩm quyền xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ ghi biên lai thu tiền phạt đưa cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt và nộp tiền tại kho bạc nhà nước hoặc tài khoản của kho bạc nhà nước trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày thu tiền phạt.* | **1.Bộ KH&ĐT:**  Điểm c Khoản 1 Điều 45 (trang 40): đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định “ghi biên lai thu tiền đưa cho người bị xử phạt” sau cụm từ “…có trách nhiệm xử phạt tại chỗ” để đảm bảo người bị phạt có căn cứ chứng minh đã thực hiện nộp tiền phạt.  **2.Cục Thuế Thanh Hóa:**  **Đề nghị sửa lại điểm a Khoản 1 Điều 45 Dự thảo Nghị định như sau*:***  ***“Điều 45. Nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn***  *1. Thủ tục nộp tiền phạt vi phạm hành chính*  *a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày* ***ban hành*** *quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại kho bạc nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của kho bạc nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt.*  *Trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn nhiều hơn 10 ngày thì tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm nộp tiền phạt theo thời hạn ghi trên quyết định xử phạt, kể từ ngày* ***ban hành*** *quyết định xử phạt.”*  **Lý do:**Theo qui định tại Nghị định 129/2013/NĐ-CP thì “Thời hạn thi hành quyết định xử phạt là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt” đã gây nhiều tranh cãi khi NNT không nhận được quyết định xử phạt kịp thời. Thời hạn NNT nhận được quyết định xử phạt có thể trước hoặc sau 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt nhưng trên phần mềm vẫn tính tiền chậm nộp sau 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.  2.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì phù hợp với Luật XLVPHC. |
| K2Đ45 | *2. Nộp tiền phạt nhiều lần*  *a). Việc nộp tiền phạt nhiều lần được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây:*  *a1) Bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân; từ 200.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức;*  *a2) Cá nhân, tổ chức bị xử phạt đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế và có đơn đề nghị nộp tiền phạt nhiều lần.*  *Đơn đề nghị của cá nhân phải được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế; đối với đơn đề nghị của tổ chức phải được xác nhận của cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp (nếu có) hoặc cơ quan quản lý thuế trực tiếp. Trường hợp, tổ chức bị xử phạt không có cơ quan, tổ chức cấp trên mà thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp là người ra quyết định xử phạt thì tổ chức có đơn đề nghị nộp dần tiền phạt gửi người đã ra quyết định xử phạt trong đó nêu lý do khó khăn về kinh tế để người ra quyền xử phạt xem xét, giải quyết.*  *b) Thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần không quá 06 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực; số lần nộp tiền phạt tối đa không quá 03 lần. Mức nộp phạt lần thứ nhất tối thiểu là 40% tổng số tiền phạt.*  *c) Người đã ra quyết định phạt tiền có quyền quyết định việc nộp tiền phạt nhiều lần. Quyết định về việc nộp tiền phạt nhiều lần phải bằng văn bản.* |  |  |
| K3Đ45 | *3. Tính tiền chậm nộp tiền phạt*  *a) Tổ chức, cá nhân chậm nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì bị tính tiền chậm nộp tiền phạt theo mức 0,05%/ngày tính trên số tiền phạt chậm nộp.*  *b) Không tính tiền chậm nộp tiền phạt trong thời gian hoãn thi hành quyết định phạt tiền hoặc cho phép nộp tiền phạt nhiều lần hoặc trong thời gian xem xét, quyết định miễn tiền phạt.*  *c) Số ngày chậm nộp tiền phạt bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ theo chế độ quy định và được tính từ ngày kế tiếp ngày hết thời hạn nộp tiền phạt đến ngày liền kề trước ngày tổ chức, cá nhân nộp tiền phạt vào ngân sách nhà nước.* | **1.Kiểm toán Nhà nước + 2. UBND tỉnh Khánh Hòa + Cục Thuế Thanh Hóa:**  Điểm a Khoản 3 Điều 45 ghi: *a) Tổ chức, cá nhân chậm nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì bị tính tiền chậm nộp tiền phạt theo mức 0,05%/ngày tính trên số tiền phạt chậm nộp.”.* Đề nghịxem xét điều chỉnh mức phạt 0,03%/ngày cho thống nhất với khoản tiền chậm nộp tiền thuế theo a Khoản 2 Điều 59 Luật quản lý thuế. | 1+2.Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì đây là quy định tính tiền chậm nộp tiền phạt theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính. |
| ***Điều 46. Hoãn thi hành quyết định phạt tiền*** | |  |  |
| K1Đ46 | *1. Trường hợp cá nhân bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt, đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm hoạ, hoả hoạn, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo, tai nạn có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc thì có thể được hoãn thi hành quyết định phạt tiền. Đối với cá nhân bị bệnh hiểm nghèo thì chỉ cần có kết quả xác định về bệnh hiểm nghèo của cơ sở khám, chữa bệnh nơi cá nhân khám, chữa bệnh.* |  |  |
| K2Đ46 | *2. Cá nhân phải có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuế gửi người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt. Đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định phạt tiền, nêu rõ lý do khó khăn về kinh tế không có khả năng nộp tiền phạt đúng hạn, có xác nhận của cơ quan, tổ chức nêu tại Khoản 1 Điều này.*  *Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định phạt tiền, người ra quyết định xử phạt xem xét quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt. Thời hạn hoãn thi hành quyết định phạt tiền không quá 03 tháng, kể từ ngày có quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền.* |  |  |
| K3Đ46 | *3. Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người được hoãn chấp hành quyết định phạt tiền; lý do hoãn thi hành; thời hạn hoãn thi hành và chữ ký của người ra quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền.* |  |  |
| ***Điều 47. Miễn tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*** | |  |  |
| K1Đ47 | *1. Người nộp thuế bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn bị thiệt hại về vật chất do thiên tai, hoả hoạn, thảm hoạ, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ có quyền đề nghị miễn tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.* | **1.Bộ Tư pháp:**  Về miễn tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ quy định: *“trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ”* tại khoản 1 Điều 47 dự thảo Nghị định vì quy định này không phù hợp, mở rộng phạm vi áp dụng so với quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật XLVPHC về các trường hợp được hoãn, miễn tiền phạt vi phạm hành chính. | 1.Tiếp thu, hoàn thiện theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật Quản lý thuế. |
| K2Đ47 | *2. Mức miễn tiền phạt tối đa bằng số tiền phạt còn lại trong quyết định xử phạt và không quá giá trị tài sản, hàng hoá bị thiệt hại.* |  |  |
| K3Đ47 | *3.**Hồ sơ đề nghị miễn tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn bao gồm:*  *a) Đơn đề nghị miễn tiền phạt, trong đó nêu rõ lý do đề nghị miễn, giảm tiền phạt; xác định giá trị tài sản, hàng hoá bị thiệt hại do thiên tai, hoả hoạn, thảm hoạ, tai nạn, dịch bệnh; số tiền phạt đề nghị được miễn, giảm.*  *b) Trường hợp thiệt hại về tài sản được cơ quan bảo hiểm bồi thường (nếu có) phải kèm theo bản sao có xác nhận công chứng về bồi thường thiệt hại. Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường thiệt hại (nếu có).*  *c) Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc nơi có tài sản thiệt hại.* |  |  |
| K4Đ47 | *4. Thẩm quyền miễn tiền phạt*  *Thủ trưởng cơ quan thuế có thẩm quyền miễn tiền phạt vi phạm hành chính đối với những vụ vi phạm do mình ban hành hoặc cấp dưới ban hành.* |  |  |
| K5Đ47 | *5. Trình tự, thủ tục miễn tiền phạt*  *Người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều này phải có đơn đề nghị miễn phần còn lại hoặc toàn bộ tiền phạt và hồ sơ kèm theo gửi người ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị miễn tiền phạt, người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển đơn kèm theo hồ sơ vụ việc đến người có thẩm quyền để xem xét, quyết định miễn tiền phạt.*  *Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đơn và hồ sơ đề nghị miễn tiền phạt, người có thẩm quyền miễn tiền phạt phải xem xét, quyết định miễn tiền phạt và thông báo cho người đã ra quyết định xử phạt, người có đơn đề nghị miễn tiền phạt biết; Trường hợp, người có thẩm quyền miễn tiền phạt không đồng ý với việc miễn, giảm tiền phạt thì phải nêu rõ lý do.* |  |  |
| K6Đ47 | *6. Không miễn tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đối với các trường hợp đã thực hiện xong quyết định xử phạt hoặc đã hết thời hiệu giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.* |  |  |
| ***Điều 48. Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính*** | |  |  |
| K1Đ48 | *1. Trong trường hợp quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hoặc quá thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định, người có thẩm quyền không được ra quyết định xử phạt, nhưng vẫn phải ra quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả;* |  |  |
| K2Đ48 | *2. Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả phải bằng văn bản theo đúng mẫu quy định. Trong quyết định phải ghi rõ: ngày, tháng, năm quyết định; họ, tên, chức vụ của người quyết định; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm hành chính; những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng; lý do không áp dụng hình thức xử phạt; các biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng; thời hạn thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; chữ ký của người ra quyết định.* | **1.Sở Tài chính Yên Bái:**  **Tại Khoản 2, Điều 48, Dự thảo Nghị định quy định:** Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.  - Ý kiến tham gia: Bổ sung mẫu Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.  Các nội dung khác: Cục Thuế nhất trí với dự thảo Nghị định. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì hiện tại đã có mẫu quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. |
| **Điều *49.* Hiệu lực thi hành** | |  |  |
| K1Đ49 | 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *01 tháng 07 năm 2020.* | **1.Bộ Công thương:**  Khoản 1 Điều 49 dự thảo Nghị định quy định: *“Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020”*. Trong khi đó theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, dịch vụ thì “*việc tổ chức thực hiện hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định của Nghị định này thực hiện xong đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chậm nhất là ngày 01 tháng 11 năm 2020.* Khoản 3 Điều 26 TT68/2019/TT-BTC quy định “*Từ ngày 01 tháng 11 năm 2020, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải thực hiện đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử theo hướng dẫn tại Thông tư này.”.* Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, quy định về hiệu lực thi hành của dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các quy định nêu trên khi áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với hóa đơn điện tử. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì khi quy định về sử dụng hóa đơn điện tử bắt buộc có hiệu lực thì mới phát sinh các chế tài xử phạt đối với hành vi vi phạm.Mặt khác Nghị định 119/2018/NĐ-CP cũng sẽ bị thay thế bằng nghị định mới (dự kiến sẽ có hiệu lực 1/7/2020) |
| K2Đ49 | 2. Bãi bỏ các quy định sau đây:  *a) Chương I Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.*  *b) Chương 4, Điều 44 Chương 5 và các nội dung khác về hóa đơn quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.*  *c) Điều 3 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP.* | **1.Bộ KH&ĐT:**  Điểm b Khoản 2 Điều 49 (trang 43): theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật ban hành VBQPPLquy định văn bản QPPL chỉ được sửa đổi bổ sung thay thế hoặc bãi bỏ bằng VBQPPL của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó… Do đó, đề đảm bảo tuân thủ quy định nêu trên, tại Điều 49 Khoản 2 điểm b đề nghị xác định cụ thể các điều khoản điểm được quy định tại NĐ 109 thay thế cho quy định “các nội dung khác về hóa đơn quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP” dự Dự thảo.  **2.Bộ Tư pháp:**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 dự thảo Nghị định thành: *“Điều 3 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn”* để bảo đảm tính chính xác và đầy đủ của quy định. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ quy định tại khoản 3 Điều 49 dự thảo Nghị định*: “Áp dụng các quy định về xử phạt, hoãn, miễn, giảm tiền phạt và các quy định khác về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có lợi đối với trường hợp vi phạm hành chính về thuế xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết”,* các quy định khác bao gồm những quy định nào, như thế nào là “có lợi”, áp dụng đối với trường hợp, đối tượng nào, riêng đối với vi phạm hành chính về thuế hay bao gồm cả vi phạm hành chính về hóa đơn, để bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch của quy định. | 1.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì tại chương 1 NĐ 109 quy định chung áp dụng cho cả lĩnh vực giá, phí, lệ phí và hóa đơn. Do đó, tại dự thảo NĐ để câu quét các nội dung khác về hóa đơn.  2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| K3Đ49 | 3. Áp dụng các quy định về xử phạt, hoãn, miễn, giảm tiền phạt và các quy định khác về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, *hóa đơn* có lợi đối với trường hợp vi phạm hành chính về thuế xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết.  Đối với *các* quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, *hóa đơn* đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt còn khiếu nại, *khởi kiện* thì được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm hành vi vi phạm đã thực hiện. |  |  |
| ***Điều 50.******Mẫu biên bản và quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn***  *Ban hành kèm theo Nghị định phụ lục về mẫu biên bản và mẫu quyết định xử phạt sử dụng trong xử lý vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà có thể bổ sung thêm dòng, chỉ tiêu đảm bảo phản ánh đủ các nội dung hành vi vi phạm trong quá trình lập biên bản và ra quyết định xử phạt.* | | 1. **Cục Thuế tỉnh Bắc Giang:**   Tại mẫu số 06/BB cần có ghi chú (giải thích) để dễ thực hiện như là thuế GTGT Cột 9 =(6)-(7)-(8), vì kỳ đã hoàn thuế GTGT thì không có phát sinh vậy mà số đã được hoàn thuế GTGT lại được trừ vào số phát sinh trong kỳ phải nộp.  **2.Cục Thuế Lâm Đồng:**  Tất cả các Quyết định không cần thiết phải có dòng diễn giải về đơn vị công tác của người ban hành quyết định xử phạt VPHC “Đơn vị….”, do ở trên (địa danh) đã có tên cơ quan ra quyết định.  VD mẫu số 01/QĐ.  4.Tất cả các quyết định nên bổ sung trên phần căn cứ nội dung: “Tôi…; chức vụ…” để thống nhất theo NĐ 97. VD mẫu số 02/QĐ.  **3. Sở Tài chính Đà Nẵng:**  **-**. Tại các mẫu Biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định đề nghị bỏ bớt các chỉ tiêu không cần thiết như: nghề nghiệp (đối với cá nhân) và số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (tổ chức) vì đối với cơ quan Thuế việc quản lý căn cứ vào mã số thuế.  -. Tại các mẫu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định đề nghị có rà soát lại phần căn cứ ban hành quyết định, thực hiện thống nhất tại tất cả các mẫu theo quy định tại Luật xử phạt vi phạm hành chính (chức danh người ra quyết định, chức vụ, đơn vị công tác,..).  **4.Sở Tài chính Vĩnh Long:**  **Đóng góp về mẫu biểu:**  - Mẫu số: 02/QĐ *(Ban hành kèm theo Nghị định …)* đề nghị nên bổ sung thêm nội dung về ấn định thuế, lý do: Trong thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT thường có phát sinh nội dung này, do đó cần có quy định để thực hiện thống nhất.  - Mẫu số: 06/BB *(Ban hành kèm theo Nghị định …),* tại *“Mục VI/ KIẾN NGHỊ VÀ YÊU CẦU:”* đề nghị bổ sung thêm như sau: *“Mục VI/* ***KẾT LUẬN****, KIẾN NGHỊ VÀ YÊU CẦU:”* thì mới đầy đủ nội dung của Biên bản.  **5.Bộ Tư pháp:**  **Về mẫu biên bản và quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn**  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung vào sau quy định tại Điều 50 dự thảo Nghị định:*“Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà có thể bổ sung thêm dòng, chỉ tiêu đảm bảo phản ánh đủ các nội dung hành vi vi phạm trong quá trình lập biên bản và ra quyết định xử phạt”* nội dung: “*nhưng phải bảo đảm phù hợp với quy định của Luật XLVPHC”*, để bảo đảm tính chặt chẽ, đầy đủ của quy định.  - Về các mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị định), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tham khảo các mẫu biên bản, quyết định được ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP (ví dụ: Mẫu biên bản MBB01, MBB02, MBB03; mẫu quyết định MQĐ01, MQĐ02, MQĐ03, MQĐ 04, MQĐ05, MQĐ13, MQĐ26, MQĐ27, MQĐ29, MQĐ36) để quy định đầy đủ nội dung các biên bản và quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính bảo đảm phù hợp với Luật XLVPHC.  - Tại mẫu biên bản số 06/BB - Biên bản kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế và biên bản vi phạm hành chính, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung cụ thể phải có trong biên bản vi phạm hành chính được quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật XLVPHC thành một mục riêng trong mẫu biên bản này để bảo đảm tính đầy đủ của biên bản làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.  - Về các mẫu quyết định số 01/QĐ, 02/QĐ, 03/QĐ, 05/QĐ, 06/QĐ, 07/QĐ, 08/QĐ, 09/QĐ, 10/QĐ và 11/QĐ: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào phần căn cứ ban hành quyết định “tên, chức vụ” của người có thẩm quyền ban hành quyết định, đồng thời, nghiên cứu sửa nội dung:*“Nghị định số …/****2019****/NĐ-CP ngày… tháng … năm* ***2019*** *của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn”* thành *“Nghị định số …/****2020****/NĐ-CP ngày… tháng … năm* ***2020*** *của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn”.*  Tại footnote hướng dẫn về việc ký các quyết định nêu trên quy định: *“Trong trường hợp có quyết định giao quyền xử phạt vi phạm hành chính thì thực hiện thể thức ký thay theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức kỹ thuật trình bày văn bản hành chính”.* Tuy nhiên, ngày 05/3/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư thay thế Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư và Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP, trong đó ban hành kèm theo các phụ lục hướng dẫn thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản hành chính. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý quy định này cho phù hợp.  - Đối với mẫu quyết định số 04/QĐ (Quyết định thi hành một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu không quy định mẫu quyết định này, vì Luật XLVPHC không quy định về việc thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính và đình chỉ thi hành hình thức phạt tiền, Luật XLVPHC hiện hành chỉ có quy định về tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự tại Điều 62. | 1. Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì đây là biểu mẫu hướng dẫn chung, đối với từng trường hợp thanh tra, kiểm tra khác nhau Đoàn thanh tra, kiểm tra lập biểu phù hợp tương ứng.  2.Tiếp thu ý kiến của đơn vị và đã điều chỉnh tại dự thảo mẫu biểu.  - Không tiếp thu ý kiến về việc bổ sung nội dung “Tôi…”, “Chức vụ…”  3.- Không tiếp thu ý kiến này. Các chỉ tiêu này được đưa vào biên bản nhằm đảm bảo đầy đủ các chỉ tiêu được quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP.  - Các chỉ tiêu về chức danh người ra quyết định, chức vụ, công tác được quy định thống nhất tại các mẫu biểu đồng thời đảm bảo vừa phù hợp với lĩnh vực thuế và đầy đủ theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP.  4. Ấn định thuế là một phương pháp xác định số thuế phải nộp của NNT đối với trường hợp NNT vi phạm pháp luật thuế. Đây không phải là biện pháp khắc phục hậu quả hay hình thức xử phạt bắt buộc nên không cần thiết phải đưa vào quyết định xử phạt VPHC.  5.   * Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định..   -Đơn vị soạn thảo Nghị định đã nghiên cứu, tham khảo các mẫu biên bản, quyết định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP và đã có những chỉnh sửa tại các biểu mẫu để phù hợp với Nghị định này và đặc thù của ngành thuế.  -Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì tại các mẫu hiện nay đã bổ sung đầy đủ các nội dung cụ thể phải có trong biên bản vi phạm hành chính được quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật XLVPHC đều đã được quy định tại mẫu biên bản số 06/BB. Phần về hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý… đã được nêu cụ thể tại phần “IV/ KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ YÊU CẦU:” tại mẫu 06/BB.   * Tiếp thu, hoàn thiện mẫu biểu.   -Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì để thi hành một phần QĐ xử phạt đối với trường hợp cá nhân chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản. |
| ***Điều 51. Điều khoản thi hành*** | | **1.Cục Thuế Hà Nam:**  Đề nghị sửa cụm từ “2019” thành “2016”. | 1. Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| **Một số ý kiến khác:** | |  |  |
|  | **1.UBMTTQ:**  Dự thảo đã bổ sung một số hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn điện tử (Chương III) là để cụ thể hóa Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Tuy nhiên, cần lưu ý về thời điểm áp dụng Nghị định này và một số văn bản đã quy định trước đó để đảm bảo tính thống nhất khi áp dụng. Nghị định 119/2018/NĐ-CP và Thông tư 68/2019/TT-BTC quy định thời hạn việc thực hiện hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ và cá nhân kinh doanh phải được hoàn thành chậm nhất là ngày 01/11/2020. Dự thảo Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, trong đó có một số quy định cụ thể về xử phạt hành vi vi phạm về hóa đơn điện tử (Điều 18). Vì vậy, cần cân nhắc việc quy định về thời điểm áp dụng xử phạt liên quan tới hóa đơn điện tử tại Nghị định này với các văn bản hướng dẫn đã ban hành để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện. | | Theo quy định của Luật QLT thì quy định về việc DN chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có hiệu lực từ 01/7/2022, cho nên khi quy định này có hiệu lực thì mới phát sinh chế tài xử phạt đối với hành vi vi phạm. |
|  | **2.Kiểm toán Nhà nước:**  Về trình bày, dẫn chiếu, lỗi soạn thảo: đề nghị rà soát lỗi dẫn chiếu tại một số điều khoản tại dự thảo Nghị định. | | 2.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
|  | 1. **Bộ Nội vụ:**   Đề nghị rà soát bỏ các ví dụ trong dự thảo Nghị định vì không phù hợp với Điều 2, Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 8 Luật ban hành văn bản QPPL và Điều 60 NĐ 34/2016/NĐ-CP.  Dự thảo Nghị định bố cục theo chương mục điều khoản điểm là phù hợp. Tuy nhiên tại một số điều, khoản, điểm chưa bố cục theo nguyên tắc này, ví dụ: điểm b khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 41, điểm a khoản 2 Điều 45… Vì vậy, đề nghị rà soát bố cục. | | 3.Tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính đã rà soát bố cục dự thảo NĐ và bỏ ví dụ trong dự thảo NĐ này. |
|  | **4.Cục Thuế tỉnh Ninh Bình:**  Tại Khoản 4, khoản 5 Điều 2; tại Điểm đ Khoản 1 Điều 14; tại Điểm d Khoản 1 Điều 15 và tại Tại khoản 2 điều 27 của dự thảo Nghị định quy định đang sử dụng các cụm từ "*hóa đơn, chứng từ không hợp pháp", "không hợp pháp hóa đơn, chứng từ", "hóa đơn không hợp pháp", "không hợp pháp hóa đơn".* Tuy nhiên theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành hướng dẫn về hóa đơn, chứng từ (Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ...) đều đang sử dụng cụm từ *"hóa đơn bất hợp pháp" hoặc "bất hợp pháp hóa đơn".* Vì vậy, đề xuất sửa các cụm từ nêu trên thành "*hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp", "bất hợp pháp hóa đơn, chứng từ", "hóa đơn bất hợp pháp", "bất hợp pháp hóa đơn"* để thống nhất cách dùng từ với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành hướng dẫn về hóa đơn, chứng từ. | | 4.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì phù hợp với Luật QLT 2019. |
|  | **5.Bộ Quốc phòng:**  -Đề nghị bổ sung vào chương III dự thảo NĐ quy định xử phạt đối với hành vi “quay vòng” hóa đơn để vận chuyển hàng hóa trong khâu lưu thông và hành vi dùng hóa đơn của hàng hóa này chứng minh cho hành dịch vụ khác để đảm bảo thống nhất với khoản 5 Điều 2 dự thảo NĐ và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa đơn.  -Đề nghị bổ sung thẩm quyền của Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển theo Luật xử lý VPHC đối với các hành vi quy định tại Điều 18, Khoản 5 Điều 19 và Điều 23, 24, 25, 26, 27 vì quá trình thực thi quản lý địa bàn các lực lượng này thường xuyên phát hiện các hành vi trên.  - Đề nghị chỉnh sửa về thể thực, kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo đúng quy định của Luật ban hành VBQPPL và NĐ 34/2016/NĐ-CP. | | 5.Giữ nguyên như dự thảo NĐ vì hành vi quay vòng hóa đơn và hành vi dùng hóa đơn của hàng hóa này chứng minh cho hàng hóa dịch vụ khác đã được quy định là sử dụng không hợp pháp hóa đơn và bị xử phạt theo Điều 15 hoặc Điều 26   * Không tiếp thu vì theo quy định tại Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển không có chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến thuế, hóa đơn. Do đó, không phát sịnh thẩm quyền xử phạt. * Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
|  | **6.Bộ TN&MT:**  Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, hiệu chỉnh hình thức văn bản theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản QPPL (Khoản 7 Khoản 8 Điều 3 đề nghị tách thành từng khổ văn bản riêng biệt...). | | 6.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ. |
|  | **7.NHNN:**  -Về hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn: Luật QLT được ban hành vào ngày 13/6/2019, trong đó giao Chính phủ quy định chi tiết một số điều. Tuy nhiên, đến nay Chính phủ chưa ban hành văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, đề nghị cân nhắc việc xây dựng NĐ phù hợp với việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật QLT để đảm bảo NĐ quy định đầy đủ chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm thuế, hóa đơn.  - Điểm c Khoản 2 Điều 12 và Điểm b Khoản 2 Điều 17: điểm d Khoản 1 Điều 3 Luật XLVPHC quy định “Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần”. Do đó, đề nghị rà soát nội dung 2 quy định trên để tránh trùng lặp. | | 7.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo NĐ.   * Không trùng lặp vì chế tài xử phạt tại điểm c khoản 2 Điều 12 là áp dụng cho người nộp thuế còn Điều 17 áp dụng cho các tổ chức, cá nhân khác (không phải người nộp thuế) |
|  | **8.VCCI:**  Chương III (xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn)  Hiện nay đang có 3 Nghị định điều chỉnh về hóa đơn: NĐ 51/2010/NĐ-CP; NĐ 04/2014/NĐ-CP; NĐ 119/2018/NĐ-CP. Từ ngày 01/11/2020 sẽ chỉ còn lại NĐ 119 (NĐ 51, NĐ 04 đã hết hiệu lực) có nghĩa kể từ thời điểm này sẽ chỉ có hóa đơn điện tử. Như vậy, các quy định về xử phạt hóa đơn giấy sẽ không còn phù hợp kể từ ngày 01/11/2020, ví dụ: xử phạt hành vi vi phạm quy định về đặt in hóa đơn (Điều 19), hóa đơn tự in (Điều 20).  Đề nghị rà soát lại toàn bộ chương II và quy định thời hạn có hiệu lực của các quy định xử phạt liên quan đến hóa đơn giấy (NĐ 51, NĐ 04) tương ứng với thời hạn hiệu lực của hai NĐ này, tức ngày 01/11/2020. | | 8.Theo quy định tại Điều 151 Luật QLT thì đến 1/7/2022 thì quy định về hóa đơn điện tử mới có hiệu lực bắt buộc thực hiện. Cho nên cần thiết quy định chế tài xử phạt hóa đơn giấy để xử phạt các hành vi vi phạm về hóa đơn giấy đến năm 2022. |
|  | **9. UBND tỉnh Bạc Liêu:**  - Về mẫu Biên bản Kiểm tra (hoặc Thanh tra) thuế và biên bản vi phạm hành chính (Mẫu số: 06/BB). Kiến nghị Tổng cục Thuế bố cục lại mục IV của Biên bản thành 3 mục nhỏ để tách bạch, rõ ràng thành 3 nội dung: Kết luận; Kiến nghị và Yêu cầu, cụ thể chỉnh sửa lại như sau:  IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ YÊU CẦU  1. Kết luận:  - Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ:  - Về việc kê khai thuế, nộp thuế:  Ghi chú: Nếu có sai phạm phát hiện qua việc kiểm tra (hoặc thanh tra) phải nêu cụ thể:  - Hành vi vi phạm hành chính:[4].............................................................................  - Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ (nếu có):...............................................................  - Nguyên nhân vi phạm (nếu phát hiện được):.....................................................  2. Kiến nghị:  - Kiến nghị về mức xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đã được phát hiện qua kiểm tra (hoặc thanh tra) đối với cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của người nộp thuế.  - Kiến nghị với các cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) về các biện pháp, trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn đối với người nộp thuế.  3. Yêu cầu:  - Nếu có số thuế phải truy thu thêm thì phải yêu cầu người nộp thuế nộp đầy đủ, kịp thời vào tài khoản của cơ quan thuế khi có quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế.  - Nếu còn nợ đọng thuế phải yêu cầu người nộp thuế nộp ngay vào Ngân sách Nhà nước.  - Đối với các vi phạm về chế độ mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ phải yêu cầu người nộp thuế chấn chỉnh kịp thời.  - Các yêu cầu, kiến nghị hoặc ghi nhận khác (nếu có). | | 9.Tiếp thu, hoàn thiện mẫu biểu dự thảo NĐ. |
|  | **10.UBND tỉnh Khánh Hòa:**  Nhìn chung các mức phạt bằng tiền tăng quá cao so với Nghị định số 129 hiện hành, đề nghị dự thảo xây dựng mức xử phạt bằng tiền phù hợp (nên chăng tối đa bằng 02 lần so với hiện hành); đồng thời giai đoạn hiện nay tất cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, hộ cá nhân kinh doanh đang bước đầu sử dụng hóa đơn điển tử, việc cập nhật các quy định về HĐĐT đối với đối tượng này là hạn chế nên dẫn đến sai sót, vi phạm, vì vậy đề nghị điều chỉnh một số điều khoản xử phạt bằng tiền sang cảnh cáo trong trường hợp vi phạm lần đầu nhằm nhắc nhở. | | 10.Qua đánh giá tác động mức phạt hiện hành chưa đảm bảo tính răn đe do mức phạt thấp, cho nên dự thảo Nghị định tăng mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế. Tiếp thu một phần ý kiến, Ban soạn thảo đã  rà soát và điều chỉnh giảm mức phạt tại Điều 10. Đồng thời đưa một số hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn xử phạt theo mức cảnh cáo. |
|  | **11.Bộ KH&ĐT**  -. Tại Mục IV khoản 2 điểm 2.2, tiết a (trang 6, 7) dự thảo tờ trình Bộ Tài chính đề nghị nâng mức phạt tiền cao nhất lên 5 lần đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế so với quy định hiện hành, đồng thời dẫn chiếu số liệu vụ việc thống kê tăng 5,6 lần so với năm 2014. Tuy nhiên, đề có căn cứ thuyết phục hơn khi trình Chính phủ về việc tăng mức phạt, đề nghị quý Bộ nghiên cứu bổ sung so sánh tốc độ tăng số vụ việc vi phạm với tộ độ tăng về số lượng doanh nghiệp giai đoạn 2014-2018 nhằm làm rõ sự thay đổi về tỷ trọng số doanh nghiệp vi phạm so với số doanh nghiệp tại từng thời điểm. Bên cạnh đó, ngoài nguyên nhân do mức phạt còn thấp, chưa đủ nghiêm khắc…, đề nghị quý Vụ làm rõ, đánh giá thêm các nguyên nhân khác để từ đó đề xuất giải pháp khắc phục một cách đồng bộ, hợp lý, không chỉ có giải pháp tăng mức phạt như dự thảo.  -.Đề nghị quý Bộ rà soát lại nội dung quy định tại các Mục IV, khoản 2, điểm 2.2. tiết c (trang 9 khổ thứ 3) “phạt 2 lần tính trên số thuế trốn đối với hành vi trốn thuế mà có 01 tình tiết giảm nhẹ” để đảm bảo không mâu thuẫn với quy định “phạt 1 lần tính trên số thuế trốn đối với hành vi trốn thuế có từ 1 tình tiết giảm nhẹ trở lên” tại trang 9, khổ thứ nhất. | | 11.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo tờ trình Chính phủ. |
|  | **12.Bộ Tư pháp:**  **12.1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ**  BộTư pháp thấy rằng, dự thảo Tờ trình chưa nêu bật được sự cần thiết phải xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý nội dung của dự thảo Tờ trình theo hướng làm rõ, nổi bật cơ sở thực tiễn của việc ban hành Nghị định trên cơ sở tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế (Nghị định số 129/2013/NĐ-CP) và Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 của Chính phủ) trong thời gian vừa qua.  Bên cạnh đó,đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý dự thảo Tờ trình đúng với thể thức trình bày theo Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).  **12.2. Về nội dung dự thảo Nghị định**  **- *Về tính thống nhất của dự thảo Nghị định với các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Quản lý thuế năm 2019***  Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (Nghị định số 81/2013/NĐ-CP) thì một trong những căn cứ để quy định hành vi vi phạm hành chính là phải “*có vi phạm các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm, điều cấm của pháp luật về trật tự quản lý hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước*”. Như vậy, để bảo đảm cơ sở pháp lý, về nguyên tắc, văn bản quy phạm pháp luật quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm, điều cấm của pháp luật về trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (văn bản quy phạm pháp luật về nội dung) phải được ban hành và có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản quy phạm pháp luật quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước đó. Tuy nhiên, hiện nay, các dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế năm 2019 chưa được ban hành, như vậy, chưa có cơ sở pháp lý để quy định một số hành vi vi phạm hành chính trong dự thảo Nghị định. Do đó, việc xây dựng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn cần phải được tiến hành đồng thời, rà soát kỹ lưỡng để bảo đảm sự toàn diện và tính thống nhất, đồng bộ với các dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý thuế năm 2019.  ***- Về việc quy định hành vi vi phạm hành chính***  Một số hành vi quy định tại dự thảo Nghị định còn quá chung chung, chưa được mô tả cụ thể theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, chẳng hạn như: hành vi *“tự in hóa đơn khi không đủ các điều kiện theo quy định”* (điểm a khoản 3 Điều 18 dự thảo Nghị định); hành vi *“không niêm yết thông báo phát hành hóa đơn theo đúng quy định”* (điểm b khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị định); hành vi *“nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp”* (điểm c khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị định); hành vi *“lập sai loại hóa đơn theo quy định”* (điểm c khoản 1 Điều 23 dự thảo Nghị định); hành vi “*không khai báo đúng quy định việc mất hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập”* (điểm b khoản 3 Điều 24 dự thảo Nghị định)… Để thực hiện đúng quy định của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP nêu trên, đồng thời, để bảo đảm tính khả thi của Nghị định khi được ban hành và có hiệu lực, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định các điều kiện cụ thể nêu tại những điều trên hoặc dẫn chiếu các quy định pháp luật nội dung điều chỉnh các vấn đề trên để người có thẩm quyền có căn cứ áp dụng pháp luật trên thực tiễn.  ***-. Về quy định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả***  *Thứ nhất,* qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng, nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định trong dự thảo Nghị định (khoản 4 Điều 8, khoản 6 Điều 9, khoản 5 Điều 10, khoản 3 Điều 12…) chưa được quy định tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định - quy định chung về những biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng cho các hành vi vi phạm được quy định trong Nghị định này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ toàn bộ dự thảo Nghị định và quy định bổ sung vào khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định những biện pháp khắc phục hậu quả được quy định áp dụng đối với từng hành vi vi phạm hành chính cụ thể trong Nghị định, để bảo đảm tính toàn diện và đầy đủ, trên cơ sở đó làm căn cứ quy định chính xác về việc phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh có thẩm quyền xử phạt quy định tại Chương IV dự thảo Nghị định.  *Thứ hai,* đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu không quy định một số biện pháp khắc phục hậu quả như: “*buộc thực hiện đúng quy định của pháp luật về thu hồi, tạm giữ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân...*” hoặc “*buộc lắp đặt và trang bị các thiết bị...*” hoặc “*buộc xây dựng phương án xử lý và trang bị thiết bị*” hoặc “*buộc thiết kế, lắp đặt hệ thống điện*” hoặc “*buộc thiết kế hệ thống phòng cháy, chữa cháy*” hoặc “*buộc dừng sử dụng thiết bị điện*” hoặc “*buộc thi công, lắp đặt theo đúng thiết kế*” hoặc “*buộc thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy*”, quy định tại điểm b khoản 6 Điều 9, các điểm a và b khoản 6 Điều 31, khoản 4 Điều 34, khoản 6 Điều 36, các điểm b và c khoản 6 Điều 41 dự thảo Nghị định, ... vì không đáp ứng yêu cầu trong việc quy định biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP). Trong trường hợp qua thanh tra, kiểm tra mà phát hiện cá nhân, tổ chức vẫn thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điều khoản có liên quan đã nêu trên của dự thảo Nghị định, thì người có thẩm quyền xử phạt sẽ tiến hành lập biên bản và ra quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm của cá nhân, tổ chức và có thể xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Luật XLVPHC. Mặt khác, hiện nay, chưa có các quy định cụ thể trong việc thực hiện biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến quy định trong dự thảo Nghị định như đã nêu ở trên.  ***-. Vấn đề trùng lặp hành vi vi phạm hành chính***  Hành vi không *“Không chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra thuế”* quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định (bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng) trùng lặp với hành vi “*không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình (hành vi này bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng)[[1]](#footnote-1).  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ các hành vi tại dự thảo Nghị định và có hướng xử lý phù hợp. Theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, trường hợp hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực này nhưng do tính chất vi phạm đặc thù của hành vi đó, thì có thể quy định và xử phạt trong Nghị định xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực khác. Trong trường hợp này, hình thức, mức xử phạt quy định phải thống nhất với quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính của lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng. Do đó, nếu các hành vi vi phạm được quy định tại dự thảo Nghị định có sự trùng lặp với các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác thì hình thức, mức xử phạt đối với các hành vi đó phải thống nhất với quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng.  ***-. Về thẩm quyền và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính***  Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật XLVPHC thì Chi cục trưởng Chi cục Thuế có thẩm quyền phạt tiền đến 25 triệu đồng (đối với cá nhân). Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 Luật XLVPHC thì Cục trưởng Cục Thuế có thẩm quyền phạt tiền đến 70 triệu đồng (đối với cá nhân). Tuy nhiên, tại điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 31 dự thảo Nghị định đang quy định thẩm quyền theo hướng không giới hạn thẩm quyền xử phạt tiền của các chức danh này đối với một số hành vi vi phạm hành chính tại các điều từ Điều 14 đến Điều 16 dự thảo Nghị định.  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa quy định về thẩm quyền xử phạt tiền của Chi cục trưởng Chi cục Thuế và Cục trưởng Cục Thuế cho phù hợp với quy định của Luật XLVPHC.  ***-. Về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và thi hành hành quyết định về thuế, hóa đơn***  *Thứ nhất,* khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác*”.  Điều 4 Luật XLVPHC quy định: *“Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước; chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính”.*  Qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng, Luật XLVPHC chỉ giao Chính phủ quy định chi tiết về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại các Điều 64, 75, 78, 81 và 83. Luật quản lý thuế năm 2019 cũng chỉ giao Chính phủ quy định về miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế (Điều 140).  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu cân nhắc không quy định các Điều 33, 35, 36, 37, 39, 41, 42, 43, 44, 46, 48 dự thảo Nghị định, để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật XLVPHC và khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, vì các Điều nêu trên của dự thảo Nghị định đang quy định lại các nội dung đã được quy định trong Luật XLVPHC.  **12.3.Về thể thức, kỹ thuật soạn thảo văn bản**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ, chỉnh sửa các lỗi chính tả, lỗi kỹ thuật trong dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định để bảo đảm chất lượng của hồ sơ dự thảo văn bản trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định và trình Chính phủ. Ví dụ: Khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định có 02 từ *“cầu”*, điểm h khoản 4 Điều 23 dự thảo Nghị định có 02 từ *“đơn”*. | | 12.1.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo tờ trình Chính phủ.  12.2.  - Tiếp thu, rà soát Nghị định để phù hợp với Nghị định quy định chi tiết Luật QLT.  -Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì tại Nghị định hóa đơn và Nghị định quy định chi tiết Luật QLT đã quy định rõ thời hạn cũng như các điều kiện thực hiện khai thuế và sử dụng hóa đơn.   * Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.   -Nội dung này không có trong dự thảo Nghị định.   * Giữ nguyên vì Nghị định số 167/2013/NĐ-CP không áp dụng cho lĩnh vực thuế và tính chất của việc thanh tra kiểm tra thuế với yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát trong lĩnh vực an ninh, trật tự là khác nhau (yêu cầu thanh tra, kiểm tra tại chỗ, có tính chất chống người thi hành công vụ).   -Giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì phù hợp với Điều 139 Luật QLT và đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.  Tiếp thu một phần ý kiến của Bộ Tư pháp để bỏ một số điều khoản về thủ tục xử phạt đã quy định rõ tại Luật XLVPHC như Điều 33, Điều 46. Một số thủ tục xử phạt cần quy định chi tiết để xử phạt thì giữ nguyên như dự thảo Nghị định.  12.3.Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |

1. Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 167/2013/NĐ-CP dự kiến phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi “không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoặc nhiệm vụ khác của người thi hành công vụ theo quy định của pháp luật” (điểm a khoản 2 Điều 19 dự thảo Nghị định) [↑](#footnote-ref-1)